



Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. LƯƠNG TRỌNG THÀNH

Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng

ThS. HOÀNG VĂN TỬ

Giám đốc NXB Thanh Hóa

Chịu trách nhiệm nội dung

NGUYỄN HỮU NGÔN

Tổng biên tập kiêm PGĐ

NXB Thanh Hóa

Ban Biên soạn

Trưởng Ban

TS. LƯƠNG TRỌNG THÀNH

Phó trưởng Ban Thường trực

ThS. TRẦN THỊ NGỌC DIỆP

Phó trưởng Ban

TS. THỊNH VĂN KHOA

Các ủy viên

ThS. DƯƠNG THỊ BẢO ANH

TS. LÊ VĂN PHONG

ThS. BUI THỊ THU

ThS. NGUYỄN THỊ HẠNH

ThS. NGUYỄN NGỌC THẮNG

ThS. ĐỖ PHƯƠNG ANH

ThS. NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

ThS. LÊ ÁI BÌNH

Thư ký

ThS. LÊ ĐÌNH TƯ

Trình bày

LÊ HỮU CƯỜNG

Biên tập: **BUI THỊ NGỌC DIỆP**

Sửa bản in

BAN BIÊN SOẠN

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

CHUẨN BỊ THẬT TỐT CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026 THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP, THỰC SỰ LÀ NGÀY HỘI LỚN CỦA TOÀN DÂN

5

Đỗ Trọng Hưng

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CẤP ỦY CƠ SỞ TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

10

Lương Trọng Thành

HIỆN THỰC HÓA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP, XÂY DỰNG HUYỆN CẨM THỦY THÀNH HUYỆN NÔNG THÔN MỚI VÀO NĂM 2025

15

Lê Văn Trung

TÌM HIỂU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

19

Thịnh Văn Khoa

TẠO ĐỘT PHÁ TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NHẪM TẠO ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

23

Trần Thị Ngọc Diệp

TÌM HIỂU QUAN ĐIỂM CỦA VI.LÊNIN VỀ VAI TRÒ TRI THỨC; CÁCH THỨC CẢI TẠO TRI THỨC, CHUYÊN GIA TƯ SẢN VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ TRI THỨC Ở VIỆT NAM

28

Nguyễn Thị Duyên

KIỆN ĐỊNH MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI MỘT SÁNG TẠO TRONG ĐƯỜNG LỐI LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

32

Lê Ái Bình

BÀI HỌC KINH NGHIỆM “LẤY DÂN LÀM GỐC” TRONG QUÁ TRÌNH ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

36

Lê Hải Yến

TÌM HIỂU CHỦ TRƯỞNG, QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ Ở NƯỚC TA

40

Dương Thị Bảo Anh

VẬN DỤNG PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HOÁ LẦN THỨ XIX (NHIỆM KỲ 2020 - 2025) VÀO GIẢNG DẠY NỘI DUNG TRIẾT HỌC THUỘC PHẦN HỌC “VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN”

44

Bùi Thị Thu

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ ĐIỂM MỚI TRONG PHƯƠNG CHÂM THỰC HÀNH DÂN CHỦ CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

47

Nguyễn Ngọc Thắng

Lê Thị Thảo

NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

52

Nguyễn Thị Loan

NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG MỘT SỐ QUAN ĐIỂM MỚI VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

56

Vũ Tất Thành

In 2.500 cuốn, kích thước 19x27 cm, tại Công ty TNHH in và thiết bị trường học Thanh Hóa.

Địa chỉ: thôn Gia Lộc - Quảng Thịnh - TP. Thanh Hóa - Thanh Hóa

Số xác nhận ĐKXB: 89 - 2021/ CXBIPH / 04 - 01/ThaH, ngày 11 tháng 01 năm 2021.

QĐ xuất bản số: 156/QĐ - NXB ThaH, ngày 13 tháng 5 năm 2021. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021

HỘP THƯ

Trong thời gian qua, Ban Biên soạn Tập san “Nghiên cứu lý luận và thực tiễn” Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đã nhận được nhiều bài viết của các đồng chí cán bộ lãnh đạo; các ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thị, thành phố và các đơn vị cơ sở.

Ban Biên soạn trân trọng cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự quan tâm cộng tác, sự góp ý của các đồng chí và bạn đọc để Tập san “Nghiên cứu lý luận và thực tiễn” ngày càng phong phú và hấp dẫn.

Tập san “Nghiên cứu lý luận và thực tiễn” tiếp tục phát hành vào tháng 8/2021. Vì vậy, mọi tin, bài, hình ảnh của các đồng chí và các bạn xin gửi theo địa chỉ hộp thư email:

nghiencuulyluanthu@tctien@gmail.com trước ngày 01/7/2021.



VẬN DỤNG NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN VÀ DÂN CHỦ THEO VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII VÀO GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Nguyễn Thị Kiều Trang

60

CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ NĂM 1954

Lê Thị Huyền
Trịnh Hoàng Minh

63

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

BỒI DƯỠNG PHONG CÁCH LÀM VIỆC GẦN DÂN, SÁT DÂN, HẾT LÒNG HẾT SỨC PHỤC VỤ NHÂN DÂN CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ Ở TỈNH THANH HÓA

Lê Văn Phong
Bùi Đình Thành

66

DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - TỪ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐẾN QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

Lê Nữ Sinh

71

CHÀO MỪNG BẦU CỬ ĐBQH KHÓA XV VÀ HĐND CÁC CẤP, NHIỆM KÌ 2021 - 2026

QUYỀN BẦU CỬ - CỤ THỂ HÓA QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP 2013

Đào Thị Kim Thanh
Nguyễn Thị Quy

75

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở CÁC HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Thị Lan Hương

78

MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG XÂY DỰNG DOANH NGHIỆP KIỂU MẪU - TỪ THỰC TIỄN CÔNG TY CẤP NƯỚC TỈNH THANH HÓA

Trịnh Thị Phụng

82

XÂY DỰNG THÀNH CÔNG XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU Ở ĐÔNG VÂN: KHI Ý ĐẢNG HÒA QUYỀN LÒNG DÂN

Nguyễn Văn Vinh

86

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ HUYỆN ĐÔNG SƠN VỚI PHONG TRÁO XÂY DỰNG GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC, BỀN VỮNG HIỆN NAY

Lê Thị Hương
Hoàng Thị Hiền

89

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP TỈNH

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KH&CN CẤP TỈNH “NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ NỮ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA”

Đỗ Phương Anh
Lê Đình Tư

92

GIỚI THIỆU SÁCH

Nguyễn Trần Bách Diệp

97

TRANG TIN HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

Nguyễn Trần Bách Diệp

98

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NÓI VỀ BẦU CỬ

Ngày mai, là một ngày vui sướng của đồng bào ta, vì ngày mai là ngày Tổng tuyển cử, vì ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà Nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình..... Ngày mai, dân ta sẽ được tự do lựa chọn và bầu ra những người xứng đáng thay mặt cho mình, và gánh vác việc nước....

Những người trúng cử, sẽ phải ra sức giữ vững nền độc lập của Tổ quốc, ra sức mưu sự hạnh phúc cho đồng bào. Phải luôn nhớ và thực hành câu: Vì lợi nước, quên lợi nhà; vì lợi ích chung, quên lợi riêng....những người không trúng cử cũng không nên ngã lòng. Mình đã tỏ ra hăng hái với nước, với dân, thì luôn luôn phải giữ lòng hăng hái đó.

(Hồ Chí Minh toàn tập, NXB CTQG; H. 2000, tập 4, tr.145-146).

Làm việc nước bây giờ là hy sinh, là phấn đấu, quên lợi ích riêng mà nghĩ lợi ích chung. Những ai muốn làm quan cách mạng thì nhất định không nên bầu. Ngày mai không ai ép, không ai mua, người dân phải thực hiện cái quyền dân chủ ấy.

(Sách đã dẫn (Sđd), tập 4, tr.147).

Luật bầu cử của ta thật là dân chủ. Tất cả công dân, gái cũng như trai, từ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử, tự do lựa chọn người thay mặt cho mình ở Quốc hội.

(Sách đã dẫn (Sđd), tập 10, tr.129).

Chế độ cử tuyển của chúng ta thực hiện dân chủ, đồng thời thực hiện sự đoàn kết toàn dân. Mọi người công dân từ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử, từ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử. Việc tuyển cử tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Công dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân. Nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của Nhân dân đối với đại biểu của mình.

(Sách đã dẫn (Sđd), tập 9, tr. 591).

Từ ngày bầu cử đến nay, Quốc hội ta luôn luôn phát huy truyền thống đoàn kết nhất trí của toàn dân ta, trong mọi công tác kháng chiến cũng như kiến quốc đều nhất trí với những nhận định của Đảng và Chính phủ, Nhờ vậy, mà mọi công tác của chúng ta do Quốc hội thông qua đều được thực hiện tốt đẹp. Đó là một truyền thống quý báu của Quốc hội ta, một ưu điểm căn bản của chế độ ta.

(Sách đã dẫn (Sđd), tập 9, tr.158).

Quyền bầu cử và ứng cử, quyền tham gia công việc Nhà nước và của Nhân dân được bảo đảm; quyền tự do dân chủ được thực hiện. Đó là một chế độ dân chủ mới.

(Sách đã dẫn (Sđd), tập 9, tr.582).



XÃ LUẬN:

Đại hội lần thứ XIII của Đảng là dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Đảng và của đất nước. Đại hội đã quyết định nhiều vấn đề trọng đại, có ý nghĩa định hướng và tầm nhìn chiến lược cho tương lai, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và phát triển đất nước nhanh và bền vững. Đón chờ “làn gió mới”, nhằm nêu cao trách nhiệm cổ vũ và làm theo, sớm đưa Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp vào cuộc sống, cán bộ, giảng viên và học viên Trường Chính trị tỉnh luôn ý thức trách nhiệm của mình, quyết tâm xây dựng Nhà trường không chỉ trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhân lực uy tín của tỉnh, mà còn của khu vực và trên cả nước.

Đang là những ngày tháng 5 rợp trời hoa phượng đỏ báo hiệu mùa hè về, cũng là thời điểm Nhà trường chuẩn bị kết thúc năm học. Mỗi năm học ghi một dấu mốc, và nhìn lại để thêm tự hào, thôi thúc tâm thế để bước tiếp những bước vững vàng hơn.

Dù còn nhiều bộn bề, lo toan, nhưng vượt lên thách thức, điều động lại là tinh thần đổi mới, sự nỗ lực phấn đấu từ việc phát triển toàn diện các hoạt động: nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, khẳng định Trường Chính trị tỉnh luôn là cơ sở đào tạo lý luận chính trị uy tín của khu vực và tỉnh nhà.

Những thành quả đạt được hôm nay là minh chứng cho sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng nghỉ của cán bộ lãnh đạo, của đội ngũ giảng viên - những “kỹ sư tâm hồn”, và những học viên đang rèn đức, luyện tài dưới mái Trường Chính trị tỉnh Thanh. Họ đã luôn coi trường là “cái nôi” để tu dưỡng, nâng cao nhận thức, niềm tin và trách nhiệm; bổ sung kiến thức và hoàn thiện phương pháp, kỹ năng công tác với mong muốn mỗi mai này đóng góp nhiều hơn, hiệu quả và thiết thực hơn cho sự phát triển đi lên của quê hương, đất nước.

Tháng 5 còn mang đến niềm vui, sự nhắc nhở trách nhiệm của mỗi chúng ta nhân kỷ niệm ngày sinh nhật Bác kính yêu. Sinh nhật Bác năm nay lại đúng dịp cử tri cả nước hòa mình vào ngày hội non sông chọn cử ra những đại biểu ưu tú nhất đại diện cho ý chí, nguyện vọng của họ đứng vào cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước và mỗi địa phương.

Tháng 5 cũng là thời điểm bắt đầu để các cấp, ngành tập trung cao độ đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Trước nhiệm vụ cao cả, mỗi cán bộ, giảng viên và học viên Nhà trường càng thêm ý thức tâm thế, trách nhiệm của mình, thấu triệt tư tưởng chỉ đạo, sự định hướng của Đảng, để thêm thôi thúc niềm tin, trách nhiệm học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người.

Với khí thế mới và niềm tin thắng lợi, cán bộ, giảng viên Nhà trường quyết tâm đổi mới toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và phong cách làm việc hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh nhà, góp phần đưa Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp vào thực tiễn cuộc sống và thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 58 – NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045./.

Ban Biên soạn

**CHUẨN BỊ THẬT TỐT CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ CUỘC BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP
NHIỆM KỲ 2021-2026 THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP,
THỰC SỰ LÀ NGÀY HỘI LỚN CỦA TOÀN DÂN**

TS. Đỗ Trọng Hưng*

Ngày 23 -5 - 2021 tới đây sẽ diễn ra sự kiện chính trị trọng đại của đất nước - Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Cùng với cử tri cả nước, cử tri trong tỉnh sẽ nô nức đi bầu cử, sáng suốt giành lá phiếu cho những ứng cử viên đủ đức, đủ tài, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân tham gia vào bộ máy quyền lực Nhà nước, gánh vác việc nước, chăm lo việc dân, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Cách đây hơn 75 năm, chỉ hơn 04 tháng sau ngày Độc lập, vào ngày Chủ nhật 06 - 01 - 1946, bằng cả niềm vui, sự háo hức chờ đợi bấy lâu, toàn thể Nhân dân Việt Nam ta từ miền xuôi đến miền ngược, từ miền Bắc đến miền Nam, từ nông thôn đến thành thị, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nam, nữ, già, trẻ nô nức đi bỏ lá phiếu của mình, bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc tổng tuyển cử đầu tiên của Việt Nam năm 1946 hoàn thành thắng lợi. Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Đây là mốc son chói lọi đánh dấu bước phát triển nhảy vọt đầu tiên về thể



*TS. Đỗ Trọng Hưng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy,
Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh,
Trưởng Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh.*

chế dân chủ ở nước ta; đúng như lời khẳng định của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử là “kết quả của sự hy sinh, tranh đấu của tổ tiên ta, nó là kết quả của sự đoàn kết anh dũng phấn đấu của toàn thể đồng bào Việt Nam, sự đoàn kết của toàn thể đồng bào không kể già, trẻ, lớn, bé, gồm tất cả các tôn giáo, tất cả các dân tộc trên bờ cõi Việt Nam đoàn kết chặt chẽ thành một khối, hy sinh không sợ nguy hiểm tranh lấy nền độc lập cho Tổ quốc”⁽¹⁾.

(*) Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh,
Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh.

Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử đã mở ra thời kỳ phát triển mới cho cách mạng nước ta, đồng thời mở ra trang sử hào hùng của thể chế dân chủ ở Việt Nam. Trải qua hơn 75 năm, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp ngày càng khẳng định vai trò quan trọng là cơ quan đại biểu của Nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước, trở thành biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; tiêu biểu cho ý chí thống nhất của dân tộc, một ý chí sắt đá không gì lay chuyển nổi. Trong truyền thống vẻ vang đó, Thanh Hóa trong lòng Tổ quốc, đồng hành cùng đất nước, đã có những đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển của thể chế dân chủ Việt Nam.

Năm 2021 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng; năm mở đầu một thập kỷ mới và một thời kỳ phát triển mới của quê hương, đất nước; đây cũng là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05-8-2020 của Bộ Chính trị (khóa XII) về “Xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025. Tiếp sau sự kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 là sự kiện chính trị trọng đại của Đảng, của đất nước ta diễn ra trong năm 2021, dấu mốc quan trọng đưa đất nước ta bước vào giai đoạn phát triển mới.

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của Cuộc bầu cử lần này; ngay sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và kiện toàn các chức danh trong cấp ủy, bám sát Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20-6-2020 của Bộ Chính trị (khóa XII) về lãnh đạo Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành chỉ thị đầu tiên, Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 25-11-2020 về lãnh đạo Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh; đồng thời thành lập Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh và chỉ đạo các huyện, thị, thành ủy thành lập Ban Chỉ đạo bầu cử để lãnh đạo toàn diện công tác bầu cử và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị và tổ chức bầu cử ở địa phương.

Thực hiện các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương ban hành; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã ban hành các chỉ thị, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo để tổ chức triển khai các công việc liên quan đến bầu cử. Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng kế hoạch về công tác bầu cử; xây dựng phương án bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và quan tâm giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi luận điệu xuyên tạc và những âm mưu, hành động phá hoại Cuộc bầu cử, lợi dụng bầu cử để gây rối; đồng thời, xây dựng phương án để chủ động ứng phó với những tình huống đột xuất, bất ngờ, thiên tai, dịch bệnh. Đặc biệt, trước diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh Covid-19, tỉnh đã xây dựng kịch bản và chỉ đạo tổ chức diễn tập bầu cử theo 04 tình huống: (1) Tổ chức bầu cử tại một khu vực bỏ phiếu cố định; (2) tổ chức bầu cử cho hộ dân đang thực hiện cách ly tại nhà; (3) tổ chức bầu cử trong khu cách ly tập trung, khu vực phong tỏa hoặc giãn cách theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31-3-2020 của Thủ tướng Chính phủ; (4) tổ chức bầu cử cho người đang thực hiện cách ly tại khu cách ly tập trung, bệnh viện, cơ sở y tế.

Cuộc bầu cử lần này, toàn tỉnh có 05 đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, 27 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, 259 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và 3.909 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Có 3.983 Tổ bầu cử ở 3.983 khu vực bỏ phiếu, với 3.752 khu vực bỏ phiếu có từ 300 đến 4.000 cử tri; 208 khu vực bỏ phiếu dưới 300 cử tri; 22 khu vực bỏ phiếu tại đơn vị vũ trang nhân dân; 01 khu vực bỏ phiếu tại cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam. Đến nay, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn đã hoàn thành việc lập và niêm yết công khai danh sách cử tri tại công sở các xã, phường, thị trấn, những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu theo quy định và thường xuyên thông báo rộng rãi để cử tri và Nhân dân kiểm tra. Toàn tỉnh có 2.660.653 cử tri (1.297.118 cử tri nam, 1.363.535 cử tri nữ); trong đó có 2.660.653 cử tri bầu đại biểu Quốc hội, 2.660.653 cử tri bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, 2.658.490 cử tri bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, 2.637.035 cử tri bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Công tác lập, công bố và niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện theo đúng quy định. Ủy ban bầu cử tỉnh đã công bố danh sách chính thức 24 người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV tại 05 đơn vị bầu cử của tỉnh; 143 người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII tại 27 đơn vị bầu cử. Ủy ban bầu cử cấp huyện đã lập và công bố danh sách 1.519 người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện tại 259 đơn vị bầu cử; Ủy ban bầu cử cấp xã lập và công bố danh sách 21.984 người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại 3.911 đơn vị bầu cử. Ủy ban bầu cử tỉnh đã hoàn chỉnh việc biên tập, in ấn danh sách và tiểu sử tóm tắt của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, cấp huyện, cấp xã để phân bổ, cấp phát cho các ban bầu cử, tổ bầu cử kịp thời niêm yết theo quy định.

Thực hiện quy trình tổ chức hiệp thương bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã hoàn thành việc tổ chức hội nghị hiệp thương (ba lần), lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026; tổ chức thực hiện công tác tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; tổ chức hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc, vận động cử tri đối với những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường, nhiều hoạt động liên quan đến bầu cử đã được tổ chức linh hoạt, sáng tạo, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những diễn biến của tình hình dịch bệnh. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự, tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý, phân loại, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được quan tâm chỉ đạo, không để hình thành điểm nóng, gây bức xúc trong Nhân dân. Các nhân sự là cán bộ, công chức, viên chức... đều được rà soát, đánh giá tiêu chuẩn chính trị mới giới thiệu tham gia ứng cử. Một số trường hợp nhân sự vi phạm hoặc chưa đảm bảo tiêu chuẩn chính trị, có nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân,... đều được cơ quan có thẩm quyền xem xét thận trọng, kỹ lưỡng và quyết định không giới thiệu ứng cử.

Công tác thông tin, tuyên truyền về bầu cử được triển khai bài bản, đồng bộ, sáng tạo, rộng khắp trên mọi lĩnh vực, mọi vùng miền, với nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh cơ sở, tuyên truyền trực quan, tuyên truyền qua các hội nghị, các diễn đàn, buổi sinh hoạt của tổ chức đảng, đoàn thể, cơ quan, đơn vị,... qua đó tạo sự lan tỏa, thống nhất cao, hướng sự quan tâm theo dõi của các tầng lớp Nhân dân về sự kiện chính trị trọng đại - Ngày 23-5-2021.

Chỉ còn ít ngày nữa Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 sẽ diễn ra; tất cả công việc liên quan đến bầu cử đang tiến hành rất khẩn trương. Để Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh được tổ chức bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, thành công tốt đẹp, thực sự là ngày hội của toàn dân; các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ngành, đoàn thể trong tỉnh phải tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và các quy định của Trung ương, của tỉnh liên quan đến bầu cử; trọng tâm là Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20-6-2020 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14-01-2021 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 01-CT/TU ngày 25-11-2020 và Công văn số 185-CV/TU ngày 29-4-2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền để cử tri và Nhân dân nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của Cuộc bầu cử, các quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, quyền và nghĩa vụ của người ứng cử, của cử tri, các quy định về thể thức, trình tự bầu cử... Tiếp tục thông báo rộng rãi việc lập và niêm yết danh sách cử tri để Nhân dân kiểm tra; thường xuyên rà soát, cập nhật và giải quyết ngay những kiến nghị, đề xuất liên quan đến danh sách cử tri; chuẩn bị chu đáo các điều kiện phục vụ bầu cử tại các địa điểm bỏ phiếu bảo đảm trang nghiêm, theo đúng hướng dẫn, thuận tiện cho cử tri đi bỏ phiếu và đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, các địa phương, đơn vị khẩn trương rà soát lại tất cả các công việc liên quan đến công tác bầu cử; xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết các công việc cần triển khai từ nay đến ngày bầu cử, nhất là các phương án liên quan đến các tình huống dịch Covid-19, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống thiên tai, công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm...; phân công cán bộ, công chức có năng lực, trình độ, am hiểu về công tác bầu cử để tăng cường lực lượng cho các xã, phường, thị trấn, các khu vực bỏ phiếu trước, trong và sau ngày bầu cử. Phân công rõ nhiệm vụ của từng tập thể, cá nhân và xác định cụ thể thời gian hoàn thành; đồng thời, xử lý nghiêm các trường hợp thiếu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, vi phạm các quy định về bầu cử. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về công tác bầu cử, kịp thời phát hiện những vấn đề bất cập hoặc phát sinh, vướng mắc để giải quyết, tuyệt đối không để xảy ra vi phạm trong bầu cử.

Cùng với việc triển khai công tác bầu cử, cần tập trung cao độ thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, với tinh thần “Chống dịch như chống giặc”; phát huy vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chỉ đạo, điều hành của chính quyền và huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân; chủ động, tự lực, tự cường, phát huy nội lực với tinh thần “phòng” là cơ bản, là chiến lược, lâu dài, quyết định; “chống” là cấp bách, quyết liệt, nhanh chóng, thực hiện nghiêm phương châm “Phòng ngừa tích cực, phát hiện sớm, cách ly nhanh, điều trị hiệu quả, xử lý dứt điểm, nhanh chóng ổn định tình hình”...

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 diễn ra trong bối cảnh rất đặc biệt; Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đang nỗ lực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025. Bên cạnh những thuận lợi, chúng ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức, đặc biệt ở nước ta dịch Covid-19 đã tái bùng phát trở lại và đang diễn biến rất phức tạp, khó lường. Trong gian khó, lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, ý chí và khát vọng xứ Thanh đã và đang thôi thúc chúng ta đoàn kết chiến thắng dịch Covid-19, tổ chức thành công Cuộc bầu cử, sớm thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa Thanh Hoá trở thành một cực tăng trưởng mới ở phía Bắc Tổ quốc, tỉnh giàu đẹp, văn minh và hiện đại, tỉnh phát triển toàn diện và “kiểu mẫu” của cả nước. Để thực hiện được mục tiêu cao cả đó, rất cần sự đồng tâm, đồng sức, đồng lòng, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là vai trò quan trọng, quyết định của mỗi người dân.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, người sáng lập và lãnh đạo Đảng ta, người khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, luôn quan tâm đến công tác bầu cử và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Người khẳng định *“Lá phiếu cử tri có giá trị rất cao quý; nó là một dấu hiệu xác nhận rằng nhân dân ta thật sự làm chủ nước nhà. Nhân dân ta đã đấu tranh lâu dài và anh dũng, đã hy sinh biết bao xương máu trong cách mạng và trong kháng chiến mới giành được và giữ được quyền dùng lá phiếu ấy. Vì vậy, đối với lợi ích chung của Tổ quốc cũng như đối với lợi ích riêng của mỗi người, đồng bào cử tri phải làm tròn nhiệm vụ của mình”*⁽²⁾. Đi bầu cử vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ. Thông qua bầu cử, mỗi cử tri không những được thực hiện quyền làm chủ trực tiếp, mà còn là nghĩa vụ công dân, thể hiện trách nhiệm chính trị của mình đối với vận mệnh đất nước, với biết bao thế hệ ông cha đã hy sinh xương máu để giành lại quyền độc lập thiêng liêng cho dân tộc và tự do, hạnh phúc, dân chủ cho Nhân dân. Lá phiếu bầu biểu hiện sinh động lòng tin của Nhân dân với Đảng, với chế độ; mỗi lá phiếu đều mang sứ mệnh cao cả, góp phần dựng xây quê hương, đất nước.

Mỗi “Lá phiếu nhỏ” mang theo “trách nhiệm lớn”. Mỗi cử tri cần tự mình tham gia bầu cử, nghiên cứu kỹ tiêu chuẩn đại biểu, số lượng ứng cử viên và số đại biểu được bầu tại đơn vị bầu cử, cân nhắc, bằng lá phiếu của mình lựa chọn những ứng cử viên thật sự tiêu biểu, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực, đại diện cho ý chí và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân tham gia vào các cơ quan quyền lực Nhà nước. Mọi biểu hiện thờ ơ với cuộc bầu cử, không tham gia bỏ phiếu hoặc nhờ người bầu hộ,... không những tự mình tước bỏ quyền lợi, mà còn là hành xử thiếu trách nhiệm đối với đất nước. Trong quá trình bầu cử, mỗi cử tri hãy đề cao trách nhiệm với xã hội, thực hiện tốt các khuyến cáo của ngành Y tế về phòng, chống dịch Covid-19, nhất là yêu cầu 5k (khẩu trang, khử khuẩn, khoảng cách, không tập trung và khai báo y tế), để Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 thực sự là ngày hội lớn của toàn dân, ngày hội của quê hương Thanh Hóa./.

CHÚ THÍCH

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, trang 103.

(2) Sđd, tập 10, trang 130 - 131.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CẤP ỦY CƠ SỞ TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

TS. Lương Trọng Thành *

Phát biểu bế mạc Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã nhắc nhở: thành công của Đại hội không phải chỉ ở việc thông qua được Nghị quyết, bầu được Ban Chấp hành mới, quan trọng hơn “*có biến được Nghị quyết thành hiện thực sinh động hay không, có ra được của cải vật chất và văn hóa mang lại giàu có và hạnh phúc cho Nhân dân hay không đây mới là thành công thực tế của Đại hội*”⁽¹⁾. Theo đó, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết đại hội Đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng và cả hệ thống chính trị. Trong đó, cấp ủy cơ sở (*bài viết đề cập đến cấp ủy xã, phường, thị trấn*) có vai trò trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công Nghị quyết đại hội Đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng ở cơ sở sẽ có những thuận lợi cơ bản là: Thành công của Đại hội Đảng các cấp, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy cấp trên, những kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và những thành tựu về phát triển kinh tế- xã hội... đã và đang tạo đà phấn khởi, niềm tin và sự quyết tâm sớm đưa Nghị quyết

vào thực tiễn. Tuy nhiên, bên cạnh đó cấp ủy cơ sở sẽ gặp những khó khăn: (1). Quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết vừa là khâu chuyển tiếp có vị trí, vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa, cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết thành chương trình

Việc khó đối với cấp ủy cơ sở là trong quá trình hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội XIII vào thực tiễn đòi hỏi vừa phải cụ thể hóa vừa tích hợp, lồng ghép chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng các cấp thống nhất thành một chương trình, kế hoạch cụ thể với những mục tiêu, chỉ tiêu, mô hình, sản phẩm cụ thể đúng định hướng của Đảng; phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị; đảm bảo hiệu quả toàn diện (kinh tế, xã hội, môi trường...) và lâu dài; đặc biệt huy động, tập trung nguồn lực, khơi dậy sự đồng thuận, ý chí quyết tâm phấn đấu, khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

(*) Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng

hành động cụ thể. Việc khó đối với cấp ủy cơ sở là trong quá trình hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội XIII vào thực tiễn đòi hỏi vừa phải cụ thể hóa vừa tích hợp, lồng ghép chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng các cấp thống nhất thành một chương trình, kế hoạch cụ thể với những mục tiêu, chỉ tiêu, mô hình, sản phẩm cụ thể đúng định hướng của Đảng; phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị; đảm bảo hiệu quả toàn diện (kinh tế, xã hội, môi trường...) và lâu dài; đặc biệt huy động, tập trung nguồn lực, khơi dậy sự đồng thuận, ý chí quyết tâm phấn đấu, khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. (2). Tổ chức thực hiện Nghị quyết là khâu kết nối quan trọng, liên quan đến nhiều chủ thể, nhiều lĩnh vực và phải mất nhiều thời gian. Theo đó, để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cần phải làm rõ được cơ chế phối hợp để phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, quản lý điều hành của chính quyền và làm chủ của Nhân dân. Phải thực hiện đồng bộ và gắn kết chặt chẽ các nhiệm vụ: “*phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên*”⁽²⁾. Phải kiên trì, bền bỉ có bước đi và cách làm phù hợp để phát triển nhanh, bền vững không chỉ từ nay đến 2025 mà còn định hướng đến 2030 và tầm nhìn 2045. (3). Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết đòi hỏi phải đầu tư nhiều công sức, nhiều nguồn lực, nhiều phương thức... Theo đó, cùng với sự quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt của tập thể cấp ủy đòi hỏi phải phát huy được trách nhiệm, tổ chức người đứng đầu, nắm vững nguyên tắc, quan điểm, kịp thời xử trí hài hòa các mối quan hệ tạo động lực phát triển vững mạnh và toàn diện địa phương, đơn vị.

Để phát huy vai trò của cấp ủy cơ sở trong thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp như sau:

Một là, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cơ sở nhất là người đứng đầu và sức mạnh đồng bộ của cả hệ thống chính trị.

Cấp ủy cơ sở là hạt nhân lãnh đạo chính trị có vai trò quan trọng, quyết định tổ chức thực hiện thành công mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà

Chương trình hành động có tính khả thi phải rõ: Rõ về mục tiêu, chỉ tiêu; rõ về nội dung, cách thức; rõ về điều kiện, nguồn lực; rõ về trách nhiệm tổ chức thực hiện.

nước. Theo đó, để phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cơ sở đối với việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đòi hỏi phải thực hiện quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, thường xuyên, hiệu quả 4 khâu trong tổ chức thực hiện Nghị quyết như sau:

(1). Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt và thảo luận xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng các cấp và Đại hội XIII của Đảng. Ở khâu này, đòi hỏi cấp ủy cơ sở nhất là người đứng đầu phải nghiên cứu nắm vững các quan điểm mới, các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá... của Nghị quyết; đồng thời trên cơ sở học tập, bám sát định hướng đề cương nghiên cứu, kế thừa những cách thức quán triệt của cấp ủy cấp trên, lựa chọn các hình thức phù hợp, sáng tạo (*học tập, tọa đàm, hỏi đáp, thi tìm hiểu...*), phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, của phương tiện thông tin, truyền thông, phát thanh viên, báo cáo viên cơ sở. Phương châm quán triệt: *Rõ hơn về điểm mới, sát với đối tượng,*

phù hợp với thực tiễn. Đồng thời phát huy dân chủ, tổ chức thảo luận, rà soát, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp... thống nhất ban hành chương hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng các cấp của Đảng bộ. Yêu cầu chung về chương trình hành động phải đảm bảo: *đúng định hướng nhưng phù hợp với thực tiễn; đảm bảo tính toàn diện song phải có trọng tâm, trọng điểm; vừa tập trung giải quyết vấn đề trước mắt song phải chú trọng lợi ích, hiệu quả lâu dài.* Theo đó, chương trình hành động có tính khả thi phải rõ: *Rõ về mục tiêu, chỉ tiêu; rõ về nội dung, cách thức; rõ về điều kiện, nguồn lực; rõ về trách nhiệm tổ chức thực hiện.* Qua đó, tạo sự thống nhất cao về nhận thức, khơi dậy khát vọng và ý chí vươn lên của đông đảo cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tạo tiền đề quan trọng để toàn Đảng bộ quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

(2). Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân hành động hiện thực hóa và cụ thể hóa chương trình hành động thành phong trào thi đua yêu nước ở địa phương, đơn vị. Theo đó, cấp ủy lãnh đạo chính quyền khẩn trương, kịp thời cụ thể hóa chương trình hành động thành các cơ chế kích cầu, các quy chế, quy định, các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện; lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tuyên truyền, vận động, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng các mô hình, điển hình trong phát triển kinh tế - xã hội... vừa phát huy, đồng hành và chăm lo đến lợi ích của cán bộ, đảng viên và

Nhân dân. Chức năng cơ bản của khâu này là sự “kết nối” giữa các lực lượng. Bởi vậy, để tổ chức triển khai có hiệu quả, phát huy được sức mạnh, sự chủ động và sáng tạo của cả hệ thống đòi hỏi công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy phải rõ về cơ chế phối hợp theo phương châm: *Rõ việc; rõ chủ thể (chủ trì, phối hợp); rõ về điều kiện, thời gian; rõ về phương pháp, cách thức, quy trình; rõ về mô hình, sản phẩm.*

(3). Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phát hiện kịp thời, điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ cho phù hợp với thực tiễn. Tổ chức triển khai thực hiện

Để lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện thành công Nghị quyết đại hội Đảng các cấp và Đại hội XIII của Đảng đòi hỏi cấp ủy cơ sở phải phát huy tối đa các nguồn lực. Đặc biệt là nguồn lực lãnh đạo, quản lý; tài dân, trí dân, sức dân; sự đầu tư của doanh nghiệp; khoa học, công nghệ... và có cơ chế gắn kết, thúc đẩy các nguồn lực tạo động lực cho sự phát triển.

Nghị quyết của Đảng là quá trình lâu dài liên quan đến nhiều yếu tố, nhiều lĩnh vực, để thực hiện thành công đòi hỏi cấp ủy nhất là người đứng đầu phải thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát.

Qua kiểm tra, giám sát để phát hiện những yếu tố không phù hợp, thậm chí là sai lệch, từ đó kịp thời điều chỉnh đúng định hướng, phù hợp thực tiễn, đem lại kết quả cao. Để làm tốt khâu này đòi hỏi cấp ủy phải có năng lực vừa bao quát mọi người, mọi việc vừa sâu sát, cụ thể đến từng người, từng việc với phương châm: *phải đến tận chỗ, rõ tận việc, thường xuyên kiểm tra, kịp thời điều chỉnh.*

(4). Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết. Nội dung sơ kết, tổng kết là đánh giá những kết quả đạt được trong lãnh đạo, chỉ đạo; những hạn chế tồn tại, nguyên nhân và kinh nghiệm. Yêu cầu trong đánh giá sơ kết, tổng kết phải khách quan, toàn diện; lịch sử, cụ thể và thực tiễn tránh biểu hiện chung chung, hình thức nặng về thành

tích, coi nhẹ những hạn chế, tồn tại. Mục tiêu chính của khâu này là thông qua đánh giá để khẳng định được thành tích, kết quả, những mô hình hay, cách làm hiệu quả; rút ra được những kinh nghiệm quý của thành công và thất bại để có giải pháp vừa khắc phục những hạn chế vừa phát huy được những thành tích, coi trọng tổng kết thực tiễn để hoàn thiện, phát triển lý luận thúc đẩy sự phát triển toàn diện ở địa phương, đơn vị.

Hai là, lãnh đạo phát huy tối đa các nguồn lực, tạo động lực cho đổi mới, phát triển.

Huy động, sử dụng, phát huy hiệu quả các nguồn lực là điều kiện tiên quyết, là đòn bẩy, sự kích hoạt, tạo động lực cho đổi mới, phát triển của địa phương, đơn vị. Nghị quyết Đại hội XIII xác định:

“Phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”⁽³⁾. Theo

Mọi việc làm của cán bộ, đảng viên phải bắt đầu từ những vấn đề Nhân dân quan tâm, những vấn đề Nhân dân chưa hài lòng.

đó, để lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện thành công Nghị quyết đại hội Đảng các cấp và Đại hội XIII của Đảng đòi hỏi cấp ủy cơ sở phải phát huy tối đa các nguồn lực. Đặc biệt là nguồn lực lãnh đạo, quản lý; tài dân, trí dân, sức dân; sự đầu tư của doanh nghiệp; khoa học, công nghệ... và có cơ chế gắn kết, thúc đẩy các nguồn lực tạo động lực cho sự phát triển. Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới sẽ gắn liền với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ; biến đổi khí hậu; xu thế đô thị hóa... tác động trực tiếp đến từng địa phương, cơ sở. Cơ hội sẽ nhiều nhưng thách thức cũng lớn. Nhiều công việc mới hơn, khó hơn, nhưng lại đòi hỏi giải quyết nhanh hơn, chất lượng cao hơn, đáp ứng được sự hài lòng hơn của người dân, trong điều kiện tổ chức, bộ máy tinh gọn hơn, biên chế ít hơn, đòi hỏi cấp ủy phải quan tâm chăm

lo nâng cao phẩm chất, năng lực, phương pháp, tác phong công tác, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong lãnh đạo, quản lý; phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thực thi công vụ, trong phục vụ Nhân dân mọi việc làm của cán bộ, đảng viên phải bắt đầu từ những vấn đề Nhân dân quan tâm, những vấn đề Nhân dân chưa hài lòng. Ở cơ sở là nơi gần dân nhất, đối diện với nhiều khó khăn, phức tạp nhất. Bởi vậy, càng trong khó khăn, cán bộ, đảng viên càng phải có ý chí phấn đấu, biết coi khó khăn là động lực, *“biết biến không thành có, biến khó thành dễ; biến không thể thành có thể”⁽⁴⁾*, tạo ra sự thay đổi trong nhận thức và niềm tin trong Nhân dân: cho tiền cho của không bằng cho cán bộ tốt. Đồng thời,

xây dựng được cơ chế phát huy dân chủ, cụ thể hóa phương châm: *“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”⁽⁵⁾* vào các

hoạt động, tạo được sự đồng thuận, khơi dậy khát vọng vươn lên đổi mới, sáng tạo, phát huy được tối đa tài dân, trí dân, sức dân để chăm lo hạnh phúc cho Nhân dân. Cùng với việc phát huy nguồn lực nội sinh là chủ yếu, quan trọng, kêu gọi đầu tư, tranh thủ ngoại lực sẽ tạo ra đột phá cho sự phát triển. Theo đó, cấp ủy cơ sở nhất là người đứng đầu cần chủ động, sáng tạo phát huy tốt mối quan hệ, tranh thủ ngoại lực theo nguyên tắc đảm bảo hài hòa lợi ích của địa phương, doanh nghiệp và người dân.

Ba là, nắm vững nguyên tắc, quan điểm, phát huy tố chất, xử trí hài hòa các mối quan hệ

Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết đòi hỏi phải đầu tư nhiều công sức, nhiều nguồn lực, nhiều phương thức... Theo đó, cùng với việc đòi hỏi tập thể cấp ủy: *“suy nghĩ phải chín, tư tưởng phải thông, quyết tâm phải cao, nỗ lực phải lớn, hành động phải quyết liệt”⁽⁶⁾*; đồng thời đòi hỏi phải phát huy

được trách nhiệm, tổ chức người đứng đầu, nắm vững nguyên tắc, quan điểm, kịp thời xử trí hài hòa các mối quan hệ tạo động lực phát triển vững mạnh và toàn diện địa phương, đơn vị. Cụ thể là:

Thứ nhất, để xử trí tốt mối quan hệ với công việc, cấp ủy cơ sở cần: (1) nguyên tắc nhưng phải mềm dẻo, linh hoạt; nhiệt tình cách mạng nhưng phải trí tuệ, khoa học; (2) bao quát, toàn diện nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm; (3) chú trọng giải quyết những vấn đề bức xúc trước mắt nhưng phải quan tâm đến lợi ích, hiệu quả lâu dài; (4) coi trọng quy trình, tiến độ nhưng phải đảm bảo về chất lượng, hiệu quả; (5) giữ gìn, phát huy được giá trị truyền thống đồng thời thích ứng, tạo dựng những giá trị mới chưa có trong tiền lệ.

Thứ hai, để xử trí tốt mối quan hệ với Nhân dân, tập thể cấp ủy nhất là người đứng đầu cần: (1) lắng nghe nhưng không theo đuôi quần chúng; (2) dân chủ nhưng phải quyết đoán và chịu trách nhiệm cá nhân; (3) bao quát mọi người, mọi việc nhưng phải sâu sát, cụ thể đến từng người, từng việc; (4) công bằng nhưng không được cào bằng; (v) phát huy phải gắn liền với chăm lo Nhân dân.

Thứ ba, đối với tập thể cấp ủy và người đứng đầu phải thực sự cầu thị: nỗ lực học tập, làm giàu trí tuệ; biết nắm bắt quy luật; làm chủ vị thế, vai trò, nêu gương sáng về khát vọng cống hiến, về tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, dám xả thân vì sự phát triển. Đặc biệt lấy hiệu quả phục vụ, thành công và hạnh phúc của Nhân dân, sự phát triển thịnh vượng của địa phương, đơn vị làm mục tiêu phấn đấu. Thực hiện tốt vai trò: định hướng, đồng hành, kích hoạt, thổi hồn, truyền cảm hứng cho sự nghiệp đổi mới quê hương, đất nước.

Như vậy, để tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội Đảng các cấp và Đại hội

XIII của Đảng, đòi hỏi cấp ủy cơ sở cần phát huy nhiều yếu tố, trong đó cần xác định: *thực hiện đồng bộ và nâng cao chất lượng 4 khâu tổ chức thực hiện Nghị quyết là trung tâm; huy*

Đối với tập thể cấp ủy và người đứng đầu phải thực sự cầu thị: nỗ lực học tập, làm giàu trí tuệ; biết nắm bắt quy luật; làm chủ vị thế, vai trò, nêu gương sáng về khát vọng cống hiến, về tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, dám xả thân vì sự phát triển. Đặc biệt lấy hiệu quả phục vụ, thành công và hạnh phúc của Nhân dân, sự phát triển thịnh vượng của địa phương, đơn vị làm mục tiêu phấn đấu.

động và phát huy nguồn lực tạo động lực là điều kiện tiên quyết; nắm vững nguyên tắc, xử lý hài hòa các mối quan hệ là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên. Tin tưởng rằng, việc thực hiện quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, thường xuyên, các giải pháp của cấp ủy cơ sở sẽ tạo ra sự thay đổi và hiệu quả tích cực trong phát triển kinh tế- xã hội... góp phần hiện thực hóa mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh*”./.

CHÚ THÍCH

1. <https://vtv.vn/chinh-tri/thanh-cong-cua-dai-hoi-xiii-khong-phai-dai-hoi-xong-la-coi-nhu-xong-20210207114532694.htm>

2,3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb CTQG-ST,H, tr. 110.

4,6. Lời Thủ tướng Phạm Minh Chính.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb CTQG-ST,H, tr. 173.

HIỆN THỰC HÓA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP, XÂY DỰNG HUYỆN CẨM THỦY THÀNH HUYỆN NÔNG THÔN MỚI VÀO NĂM 2025

Lê Văn Trung *

Cẩm Thủy là huyện trung du miền núi nằm ở phía Tây - Bắc của tỉnh Thanh Hóa, cách thành phố Thanh Hóa 70km; diện tích 425,03 km²; huyện có 16 xã và 01 thị trấn; dân số khoảng 111 nghìn người, với 03 dân tộc cùng sinh sống lâu đời (dân tộc Mường, dân tộc Kinh và dân tộc Dao). Đảng bộ huyện có 40 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, 250 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở, với trên 6.300 đảng viên.

Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ huyện đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu đạt được kết quả toàn diện trên các lĩnh vực, thực hiện thắng lợi 27/27 chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXV đề ra (trong đó có

Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ huyện đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu đạt được kết quả toàn diện trên các lĩnh vực, thực hiện thắng lợi 27/27 chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXV đề ra (trong đó có 14 chỉ tiêu đạt và 13 chỉ tiêu vượt kế hoạch).

14 chỉ tiêu đạt và 13 chỉ tiêu vượt kế hoạch). Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 15,01%; thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 38,3 triệu đồng vượt 9,4% so với mục tiêu nghị quyết và gấp 1,7 lần năm 2015. Công tác giảm nghèo được thực hiện quyết liệt, đồng bộ, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 13,9% năm 2015 xuống còn 1,28% năm 2020; Chương trình xây dựng nông thôn mới được tập trung thực hiện với cách làm sáng tạo, đến hết năm 2020 có 06/16 xã đạt chuẩn nông thôn

mới; 64 thôn nông thôn mới và 03 thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ; an sinh xã hội được chăm lo; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tiếp tục được nâng lên. Quốc phòng - an ninh được bảo đảm, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt được nhiều kết quả nổi bật, hằng năm có từ 80% tổ chức

cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; giai đoạn 2015 - 2019 kết nạp được 875 đảng viên mới, vượt mục tiêu Nghị quyết.

Với phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Sáng tạo - Phát triển”, Đại hội Đảng bộ

huyện lần thứ XXVI nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra 27 chỉ tiêu chủ yếu trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đại hội cũng xác định 03 chương trình trọng tâm gồm: Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; Chương trình phát triển du lịch; Chương trình tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Xây dựng 02 khâu đột phá gồm: Tập trung mọi nguồn lực, chủ động thu hút đầu

(*) Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Cẩm Thủy

tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, theo hướng hiện đại. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về kỷ luật, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm, chất lượng phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Mục tiêu hướng đến vào năm 2025 huyện Cẩm Thủy đạt chuẩn nông thôn mới và đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao, với thu nhập bình quân đạt 70 triệu đồng/người/năm.

Để thực hiện mục tiêu đó, ngay sau Đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; giao UBND huyện, các ban Huyện ủy tham mưu xây dựng các chương trình trọng tâm, khâu đột phá để cụ thể hóa phương hướng, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết Đại hội đề ra. Mỗi chương trình, kế hoạch đều có mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp rõ ràng từng năm, đến cuối nhiệm kỳ, phù hợp với thực tế và nguồn lực tại địa phương. Ban Thường vụ Huyện ủy đã phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện phụ trách, theo dõi cơ sở, thường xuyên kiểm tra, giám sát từ khâu quán triệt, phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết đến việc xây dựng chương trình hành động, kế hoạch để kịp thời uốn nắn, giải quyết các khó khăn; phát hiện, biểu dương, nhân rộng cái mới, cái tiến bộ.

Cùng với việc quán triệt, triển khai Nghị quyết, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện ngay các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được đề ra, không để tình trạng “đổ dồn” vào những năm cuối. Đặc biệt, thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại

hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đang tiến hành rà soát, bổ sung những nội dung mới, lựa chọn những việc trọng tâm cần tập trung thực hiện theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh để tích hợp, xây dựng thành một chương trình hành động chung là “*Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVI*”.

Năm 2021, là năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVI nhiệm kỳ 2020 - 2025, trong bối

Quý I năm 2021, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp ước đạt 485,5 tỷ đồng, bằng 21,15% kế hoạch, tăng 6,84% so với cùng kỳ. Công nghiệp phát triển ổn định, giá trị sản xuất ước đạt 410,5 tỷ đồng, bằng 30,8% kế hoạch, tăng 19,5% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất ngành xây dựng ước đạt 714,5 tỷ đồng, bằng 29,6% kế hoạch, tăng 18,7% so với cùng kỳ.

cảnh gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng kinh tế - xã hội của huyện vẫn đạt kết quả tích cực; nổi bật là huyện tiếp tục thực hiện có hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng chống, không để dịch Covid-19 phát sinh, vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới, các chỉ tiêu kinh tế quan trọng đều đạt kế hoạch. Quý I năm 2021, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp ước đạt 485,5 tỷ đồng, bằng 21,15% kế hoạch, tăng 6,84% so với cùng kỳ. Công nghiệp phát triển ổn định, giá trị sản xuất ước đạt 410,5 tỷ đồng, bằng 30,8% kế hoạch, tăng 19,5% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất

ngành xây dựng ước đạt 714,5 tỷ đồng, bằng 29,6% kế hoạch, tăng 18,7% so với cùng kỳ. Ngành dịch vụ tuy có thời điểm chịu tác động bất lợi của dịch Covid-19, nhưng vẫn tăng trưởng khá, giá trị ước đạt 1.190 tỷ đồng bằng 29,6% kế hoạch, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2020. Các hoạt động văn hóa, xã hội cơ bản được duy trì; các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Để tiếp tục hiện thực hóa mục tiêu Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong thời gian tới Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cẩm Thủy sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 như: Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030; Quy hoạch chung xây dựng vùng huyện Cẩm Thủy; Quy hoạch chung xây dựng các đô thị Phong Sơn, đô thị Cẩm Tân...; đồng thời lập quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong các đô thị Phong Sơn, đô thị Cẩm Tân. Đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung Cụm công nghiệp thị trấn Phong Sơn vào quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; phối hợp thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp Cẩm Châu.

Hai là, phát huy lợi thế nằm trong hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh, được tỉnh định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông lâm sản để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU của Tỉnh ủy về tích tụ, tập trung đất đai phát triển nông nghiệp

quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp, phấn đấu đến năm 2025 có ít nhất 05 sản phẩm (OCOP) trở lên.

Ba là, Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò của người đứng đầu nhằm tạo ra sự chuyển biến rõ nét trong xây dựng nông thôn mới. Phát huy vai trò chủ động của Nhân dân với phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Ưu tiên bố trí tăng nguồn lực để hỗ trợ các xã khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới, cũng như hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới nâng cao

Cùng với niềm tin và khí thế mới sẽ là động lực để cả hệ thống chính trị và mỗi cán bộ, đảng viên có những hành động thiết thực, tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đưa tinh thần, ý chí của Nghị quyết Đại hội đi vào cuộc sống, quyết tâm xây dựng huyện Cẩm Thủy đạt chuẩn nông thôn mới, Nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

và nông thôn mới kiểu mẫu. Phấn đấu huyện đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025. Mục tiêu đến hết năm 2023 toàn huyện có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, huyện đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025.

Bốn là, Tập trung tháo gỡ khó khăn để đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; khuyến khích phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao và phục vụ nông nghiệp; phát triển công nghiệp dệt may, chế biến lâm

sản và sản phẩm nông nghiệp. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, theo hướng hiện đại, ưu tiên đầu tư các tuyến giao thông trọng điểm kết nối với mạng lưới giao thông của tỉnh như: Tuyến đường đô thị nối từ Quốc lộ 217 cũ tới tuyến đường tránh Đông Tây Quốc lộ 217 mới; đề xuất đầu tư xây dựng cầu cứng Cẩm Vân, cầu Cẩm Thủy 2. Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ Cẩm Tú - Cẩm Giang, Cẩm Lương; đường tỉnh lộ Cẩm Tú - Cẩm Quý đi Bá Thước; đường tránh lũ xã Cẩm Vân đi xã Quý Lộc, huyện Yên Định... Thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng hạ tầng các công trình phúc lợi công cộng như: Công sở xã, đường giao thông nông thôn, thủy lợi, kè chống sạt lở bờ sông Mã.

Năm là, thu hút đầu tư phát triển mạnh các loại dịch vụ, khuyến khích phát triển thương mại tư nhân, chợ đầu mối, chợ kinh doanh tổng hợp, dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu trú, vui chơi, giải trí... Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2020-2025, trọng tâm là đầu tư xây dựng, chỉnh trang hạ tầng khu du lịch Suối cá Thần Cẩm Lương. Phối hợp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án trọng điểm Khu vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng tại xã Cẩm Lương. Tăng cường quảng bá các sản phẩm du lịch; phối hợp tốt với các huyện để khai thác các tua du lịch: Sầm Sơn - Thành Nhà Hồ - Suối cá Cẩm Lương - Lam Kinh và Sầm Sơn - Thành Nhà Hồ - Suối cá Cẩm Lương - Pù Luông nhằm kéo dài thời gian lưu trú, giảm tính mùa vụ trong du lịch. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai.

Sáu là, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội, trọng tâm là nâng cao chất lượng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Phát triển toàn diện giáo dục theo hướng chuẩn hóa, xã

hội hóa. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở. Đẩy mạnh việc thực hiện chương trình giảm nghèo theo hướng nâng cao ý thức để các hộ tự giác vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người nghèo. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường lành mạnh, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

Bảy là, xây dựng Đảng bộ vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa, gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực hiện tốt công tác tạo nguồn, bồi dưỡng, kết nạp quần chúng ưu tú vào Đảng, nhất là ở các chi bộ nông thôn; phấn đấu kết nạp từ 80 đảng viên/năm trở lên. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng, xem xét, xử lý kỷ luật nghiêm minh đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm, góp phần giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng.

Với niềm hân hoan, phấn khởi của toàn Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong huyện về thành công của Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, hướng tới thành công của Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Cùng với niềm tin và khí thế mới sẽ là động lực để cả hệ thống chính trị và mỗi cán bộ, đảng viên có những hành động thiết thực, tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đưa tinh thần, ý chí của Nghị quyết Đại hội đi vào cuộc sống, quyết tâm xây dựng huyện Cẩm Thủy đạt chuẩn nông thôn mới, Nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc./.

TÌM HIỂU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Thịnh Văn Khoa *

Hiện nay, nền kinh tế thế giới đang thay đổi một cách sâu rộng dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hoạt động kinh tế không chỉ là việc trao đổi hàng hóa một cách đơn thuần mà được dựa trên nền tảng kỹ thuật số, đó chính là nền kinh tế số (còn được gọi là kinh tế web, kinh tế internet hay kinh tế mới). Theo các nhà nghiên cứu, kinh tế số là “*một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số*”, bao gồm tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế mà công nghệ số⁽¹⁾ được áp dụng. Về bản chất, đây là nền kinh tế ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là là công nghệ thông tin vào trong hoạt động sản xuất - kinh doanh và quản lý kinh tế để tăng năng suất và hiệu quả lao động.

Đối với Việt Nam, phát triển kinh tế số giúp nâng quy mô và tốc độ tăng trưởng cho nền kinh tế, vì đây là cách thức tốt nhất để tăng năng suất lao động - một yếu tố mà Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực. Bên cạnh đó, kinh tế số còn làm cho nền kinh tế thay đổi phương thức sản xuất (nguồn lực, hạ tầng, cách thức vận hành sản xuất - kinh doanh) và thay đổi cấu trúc kinh tế. Trong đó, đáng chú ý là bên cạnh các nguồn lực truyền thống, đã xuất hiện nguồn lực phát triển mới là tài nguyên số, của cải số. Quyền lực tài chính đang dần chuyển sang quyền lực thông tin. Sức mạnh của một quốc gia được đo bằng sự phát triển của công nghệ cao, thông tin và trí tuệ con người. Ngoài ra, kinh tế số cũng giúp tăng

trường bền vững hơn, bởi phát triển công nghệ sẽ cho những giải pháp tốt, hiệu quả hơn đối với việc sử dụng tài nguyên, xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường... Đồng thời, với chi phí tham gia thấp và dễ tiếp cận, kinh tế số cũng tạo ra cơ hội cho nhiều người hơn, cho mọi thành phần và khu vực, qua đó góp phần làm giảm khoảng cách giàu nghèo, giải quyết các vấn đề xã hội...

Theo các nhà nghiên cứu, kinh tế số là “một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số”, bao gồm tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế mà công nghệ số được áp dụng. Về bản chất, đây là nền kinh tế ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ thông tin vào trong hoạt động sản xuất - kinh doanh và quản lý kinh tế để tăng năng suất và hiệu quả lao động.

Thực tế cho thấy, trong 10 năm qua, kinh tế số Việt Nam đã phát triển nhanh chóng cả nền tảng hạ tầng lẫn thị trường kinh doanh và được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế số ở mức khá trong khu vực ASEAN. Việt Nam đã ghi nhận sự xuất hiện xu hướng số hóa ở nhiều lĩnh vực, ngành kinh tế, từ thương mại, thanh toán cho đến giao thông, giáo dục, y tế... Theo báo cáo “Nền kinh tế số Đông Nam Á năm 2019” do Google, Temasek và Bain công bố ngày 3/10/2019, nền kinh tế số Việt Nam năm 2019 trị giá 12 tỷ USD (đóng góp 5% GDP trong năm 2019), cao gấp 4 lần so

(*) Phó Hiệu trưởng

với giá trị của năm 2015 và dự đoán chạm mốc 43 tỷ USD vào năm 2025.

Tuy nhiên, mức độ chủ động tham gia phát triển nền kinh tế số nước ta hiện nay còn không ít hạn chế, có phần tự phát. Hiện tại, hệ thống thể chế, chính sách cũng như các thiết chế thực thi, giải quyết tranh chấp và hiệu lực của cơ quan thực thi liên quan đến phát triển kinh tế số còn yếu, chưa đồng bộ và hiệu quả nên chưa khai thác hết tiềm năng để phát triển kinh tế số. Thói quen

giao dịch, thanh toán dùng tiền mặt, trả tiền khi nhận hàng của đa số người tiêu dùng là trở ngại lớn, làm tăng chi phí cho cả xã hội, doanh nghiệp và

người dân. Nhận thức của người dân về kinh tế số còn hạn chế, kỹ năng sử dụng internet an toàn thấp và chưa theo kịp với tốc độ phát triển của công nghệ. Cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu. Khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự là động lực phát triển kinh tế - xã hội; hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia mới được hình thành, chưa đồng bộ và hiệu quả. Quá trình chuyển đổi số quốc gia còn chậm, thiếu chủ động do hạ tầng phục vụ quá trình chuyển đổi số còn nhiều hạn chế; nhiều doanh nghiệp còn bị động, năng lực tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại còn thấp. Kinh tế số có quy mô còn nhỏ. Việc đấu tranh với tội phạm, bảo đảm an ninh mạng còn nhiều thách thức.

Những hạn chế nêu trên có những nguyên nhân chủ quan và khách quan; trong đó, nguyên nhân chủ quan là chính. Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nghị quyết khẳng định: “Nhận thức về cuộc

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hệ thống chính trị và toàn xã hội còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa thống nhất. Khả năng phân tích, dự báo chiến lược về xu thế phát triển khoa học, công nghệ tác động đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước còn hạn chế. Tư duy trong xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư chậm được đổi mới, sức ỳ còn lớn. Quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, chưa theo

kịp diễn biến thực tế.

Sự phối hợp giữa các ban, bộ, ngành, giữa Trung ương với các địa phương chưa chặt chẽ; nhiều khó khăn, vướng mắc chậm được tháo gỡ”. Nghị quyết

cũng đặt mục tiêu đến năm 2025, nền kinh tế số Việt Nam sẽ đạt 20% GDP, phát triển được một cộng đồng doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam lớn mạnh. Tiếp đó, ngày 3/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với mục tiêu Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử, liên quan đến phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đặc biệt, Đại hội Đảng lần thứ XIII khẳng định rõ, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế là một khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

Để khai thác tiềm năng, phát triển kinh tế số, đạt được mục tiêu Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, và mục

Thực tế cho thấy, trong 10 năm qua, kinh tế số Việt Nam đã phát triển nhanh chóng cả nền tảng hạ tầng lẫn thị trường kinh doanh và được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế số ở mức khá trong khu vực ASEAN.

tiêu Nghị quyết Đại Hội XIII của Đảng, trong thời gian tới cần thực hiện các giải pháp khắc phục khó khăn, thách thức, xây dựng nền tảng để kinh tế số phát triển, tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Thứ nhất, đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức của các cấp, các ngành và các đơn vị kinh tế về sự cấp thiết phải chủ động tham gia tích cực và có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với nội dung cốt lõi là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số,

xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số. Nhà nước ưu tiên chuyển giao và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ mới trong các ngành, lĩnh vực; có trách nhiệm thúc đẩy nghiên cứu khoa

học, công nghệ, tạo môi trường thuận lợi và hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm để người dân và doanh nghiệp là các chủ thể quyết định tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Xây dựng cơ chế hợp tác giữa Nhà nước và các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trong xây dựng và thực thi các chính sách.

Thứ hai, cần hoàn thiện thể chế, xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Các chính sách và quy định xuyên suốt để định hình nền kinh tế số cần bao gồm các chính sách và quy định liên quan đến các luồng dữ liệu xuyên quốc gia, bảo mật dữ liệu, an ninh mạng, bảo vệ khách hàng, giao dịch điện tử và

pháp luật về thương mại điện tử và thuế. Việt Nam cần chủ động tham gia vào các khuôn khổ pháp lý khu vực và toàn cầu để phát triển kinh tế số. Có chính sách khuyến khích phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao và ứng dụng các công nghệ mới; chú trọng tới các chính sách để tiếp cận với dịch vụ thanh toán an toàn và bảo đảm mang lại cơ hội thực hiện thanh toán điện tử cho cả khách hàng, doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài.

Thứ ba, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng thiết yếu, bao gồm triển khai băng thông rộng chất lượng cao trên phạm vi toàn quốc; xây

dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia; đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh mạng; nâng cấp hạ tầng các ngành, lĩnh vực quan trọng, thiết yếu một cách đồng bộ, hiện đại... Trong lĩnh vực truyền thông, cần

hoàn thiện khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho ứng dụng phát triển công nghệ, đẩy mạnh phát triển hạ tầng kỹ thuật số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng của toàn bộ nền kinh tế... Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng; thương mại điện tử; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hoá số; y tế; giáo dục và đào tạo... Các doanh nghiệp cần tích hợp công nghệ số hóa, thúc đẩy phát triển những giải pháp sản xuất và kinh doanh dựa trên số hóa; tối ưu hóa mô hình kinh doanh,

Kinh tế số đang phát triển mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu vừa là thách thức nhưng cũng là cơ hội tốt để Việt Nam có thể tận dụng trong phát triển kinh tế đất nước. Để đạt được mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội XIII và Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị đề ra là kinh tế số chiếm khoảng 20% GDP vào năm 2025 và 30% vào năm 2030, đòi hỏi Nhà nước cần xây dựng, điều chỉnh chính sách để hỗ trợ kinh tế số phát triển, bởi đây là yếu tố quan trọng nhất để phát triển kinh tế số ở Việt Nam.

phát triển kỹ năng mới cho từng cá nhân và tổ chức, sử dụng hiệu quả chuỗi cung ứng thông minh; có giải pháp quản lý tài sản trí tuệ trong thời đại số phù hợp với những mô hình kinh doanh và các mô hình hợp tác mới.

Thứ tư, phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia gắn với phát triển nguồn nhân lực. Trong đó, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ; xây dựng và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, tập trung vào các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh. Khuyến khích các trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Có cơ chế khuyến khích và ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp công nghệ tham gia trực tiếp vào quá trình giáo dục và đào tạo, tạo ra sản phẩm phục vụ cho nền kinh tế số. Phát triển nguồn nhân lực theo hướng tăng cường năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển.

Thứ năm, tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước trong phát triển kinh tế số nói chung, thương mại điện tử nói riêng. Đề chủ động phát hiện, đấu tranh ngăn chặn kịp thời, hiệu quả vấn nạn hàng nhái, hàng giả trong thương mại điện tử, tạo niềm tin cho người tiêu dùng, cần tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước để đấu tranh chống hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương

mại điện tử. Tăng cường quản lý và giải quyết phản ánh, khiếu nại, tranh chấp trong thương mại điện tử, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Tóm lại, kinh tế số đang phát triển mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu vừa là thách thức nhưng cũng là cơ hội tốt để Việt Nam có thể tận dụng trong phát triển kinh tế đất nước. Để đạt được mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội XIII và Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị đề ra là kinh tế số chiếm khoảng 20% GDP vào năm 2025 và 30% vào năm 2030, đòi hỏi Nhà nước cần xây dựng, điều chỉnh chính sách để hỗ trợ kinh tế số phát triển, bởi đây là yếu tố quan trọng nhất để phát triển kinh tế số ở Việt Nam, đồng thời cần có sự tham gia tích cực, chủ động của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và người dân./.

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Công nghệ số là quá trình thay đổi từ mô hình truyền thống sang áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud), Internet vạn vật (IoT). Nó làm thay đổi phương thức lãnh đạo, điều hành, quy trình làm việc, văn hóa của các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.
2. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
3. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
4. Báo cáo “Nền kinh tế số Đông Nam Á năm 2019” do Google, Temasek và Bain công bố ngày 3/10/2019.

TẠO ĐỘT PHÁ TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NHẪM TẠO ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS. Trần Thị Ngọc Diệp*

Cải cách hành chính nhà nước là nhiệm vụ hết sức quan trọng được Đảng ta xác định là một trong 3 khâu đột phá để thực hiện mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Thực tế trong 10 năm qua, Đảng, Nhà nước ta đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được kết quả khá toàn diện, nổi bật, tạo động lực mạnh mẽ cho kinh tế - xã hội phát triển bền vững, nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh quốc gia. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Đảng ta tiếp tục xác định *Tạo đột phá trong cải cách hành chính, tập trung xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.* Đây là một nhiệm vụ cần thiết đặt ra để góp phần đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững đất nước trong tình hình hiện nay.

Tạo đột phá trong cải cách hành chính nhà nước (sau đây gọi tắt là CCHC) điều quan trọng là tạo sự thay đổi, chuyển biến bứt phá trong thực hiện nhiệm vụ của CCHC, từ việc tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế, thủ tục hành chính; làm tinh gọn tổ chức bộ máy, vận hành quản trị theo mô hình thông minh, hiện đại, dựa trên nền tảng công nghệ số; đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức tinh thông, đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm... tất cả những điều này chỉ có thể hiện thực hóa thông qua sự quyết tâm chính trị của cả hệ thống chính trị, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức phải được đặt lên hàng đầu. Vì vậy, Đảng ta xác định cần phải tạo đột phá trong CCHC, tập trung xây dựng nền hành chính nhà nước *dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại*, xuất phát từ những lý do chủ yếu sau:

- Mục tiêu cao nhất của hành chính nhà nước hiện đại là nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của người dân. Công dân được coi như là khách hàng của nền hành chính nhà nước. Nhà nước có trách nhiệm phục vụ tốt nhất nhu cầu của công dân. Việc thỏa mãn nhu cầu của công dân, đòi hỏi hành chính nhà nước phải thay đổi phương thức quản lý, điều hành, chuyển từ tư duy “*cai trị*” sang “*phục vụ*”, phải trở nên năng động, hiệu lực, hiệu quả hơn, cung cấp đầy đủ dịch vụ

Mục tiêu cao nhất của hành chính nhà nước hiện đại là nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của người dân. Công dân được coi như là khách hàng của nền hành chính nhà nước. Nhà nước có trách nhiệm phục vụ tốt nhất nhu cầu của công dân. Việc thỏa mãn nhu cầu của công dân, đòi hỏi hành chính nhà nước phải thay đổi phương thức quản lý, điều hành, chuyển từ tư duy “cai trị” sang “phục vụ”, phải trở nên năng động, hiệu lực, hiệu quả hơn.

với chất lượng cao, nhanh chóng, đội ngũ công chức có thái độ phục vụ tận tâm, công bằng. Hơn nữa mục đích của CCHC nhằm hướng tới tăng cường năng lực quản lý, điều hành nền kinh tế, quản lý xã hội. Mọi chủ trương và giải pháp cải cách đều phải lấy nhu cầu phát triển nền kinh tế và nhu cầu quản lý xã hội làm căn cứ, hướng tới tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng, bảo đảm công bằng xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân được bảo đảm.

- Từ yêu cầu nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập. Tại Đại

(*) Phó Hiệu trưởng

hội XIII, Đảng ta nhận mạnh đây là một trong những quan điểm phát triển, coi đây là điều kiện tiên quyết phát triển đất nước. Vì vậy, hoàn thiện hệ thống thể chế để xác lập và giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong điều kiện hiện nay là nhiệm vụ hết sức cấp thiết, đặt ra cho nền hành chính phải nỗ lực cải cách, đổi mới sáng tạo. Trong đó, Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, sử dụng các công cụ, chính sách các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực sản xuất; xã hội và các tổ chức xã hội tham gia cung cấp dịch vụ công, dịch vụ cho người nghèo, người yếu thế trong xã hội nhằm tạo môi trường phát triển bền vững và công bằng xã hội.

- Từ việc bảo đảm thực hành dân chủ, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

Bài học “*dân là gốc*” trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và chủ trương kiên trì thực hiện phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” là yêu cầu quan trọng đặt ra cho nền hành chính nhà nước phải hiện thực hóa. Công cuộc CCHC và phát huy dân chủ có mối quan hệ biện chứng: đẩy mạnh CCHC để bảo đảm thực hiện ngày một tốt hơn quyền dân chủ của người dân và ngược lại, phát huy dân chủ của người dân để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của CCHC. Thực hiện CCHC không thể tách rời việc đẩy mạnh thực hiện dân chủ. Hơn nữa, CCHC hướng vào xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, trong đó quyền tự do của công dân phải ngày càng được mở rộng, được bảo đảm, bảo vệ bằng pháp luật, bằng cơ chế, điều kiện về kinh tế xã hội, bằng tổ chức nhà nước. Do vậy, đặt ra yêu cầu phải thay đổi trong tư duy và hành động của cán bộ, công chức, đòi hỏi phải tăng tính phục vụ và sự công khai, minh bạch trong hoạt động của Nhà nước.

- Từ việc hội nhập quốc tế và tác động của cách mạng công nghiệp 4.0. Trong điều kiện kinh tế mở, hội nhập quốc tế đòi hỏi phải nhanh chóng tạo lập đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế, thể chế quản lý hành chính phù hợp với thông lệ chung của thế giới; phải đổi mới tổ chức bộ máy và nâng cao trình độ, năng lực, trách nhiệm của cán bộ, công chức để có thể hòa nhập vào cộng đồng quốc tế, khu vực. Bên cạnh đó, yêu cầu phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thế giới đang bước vào thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 với bản chất là dựa trên cuộc cách mạng kỹ thuật số. Kinh tế số đang trở thành đặc trưng và xu hướng phát triển kinh tế - công nghệ hiện nay. Kinh tế số không chỉ tạo ra quy mô và tốc độ tăng trưởng cao, bền vững cho nền kinh tế, mà còn làm cho các nền kinh tế phải thay đổi trên hai phương diện (*phương thức sản xuất và cấu trúc kinh tế*). Vì vậy, yêu cầu phải ứng dụng công nghệ hiện đại và phương thức quản lý mới đã tác động trực tiếp đến tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, đòi hỏi, xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số, nền kinh tế số... là hết sức cần thiết.

Thời gian qua, để triển khai có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XI và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011- 2020, Chính phủ đã ban hành và triển khai thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 8 tháng 11 năm 2011 về Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2011-2020. Kết quả đạt được của CCHC vừa qua khá toàn diện, tạo tiền đề, thúc đẩy sự phát triển đồng bộ trên nhiều lĩnh vực. Có thể thấy kết quả đạt được là rất đáng kể:

(1) Thể chế của nền hành chính được cải cách và dần hoàn thiện phù hợp với chủ trương quan trọng của Đảng và cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Theo đó thể chế về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thể chế về tổ chức bộ máy, về cán bộ, công chức, viên chức về khoa học và công nghệ, về mối quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân, về quyền con người, quyền công dân... được quan tâm hoàn thiện theo hướng phát huy tối đa sự tham gia trí tuệ của

toàn dân, tham gia xây dựng pháp luật. Nổi bật là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã thể hiện rõ về phát triển kinh tế, tạo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Nhiều “điểm nghẽn” về thể chế đã được phát hiện, xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động đầu tư, kinh doanh, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp; đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế theo phương châm kiến tạo, phát triển.

(2) Cải cách thủ tục hành chính được xác định là khâu trọng tâm, đột phá và được triển khai ở tất cả các cấp hành chính theo hướng đơn giản hóa, tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích chính đáng và quyền làm chủ của Nhân dân. Tính từ đầu nhiệm kỳ Chính phủ khóa XIV đến

tháng 11/2020, đã đơn giản hóa hơn 1.000 thủ tục hành chính, có 3.893/6.191 điều kiện kinh doanh được cắt giảm, tiết kiệm hơn 5,9 triệu ngày công, tương đương hơn 893,9 tỷ đồng/năm; chỉ còn 6.776/9.926 danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành; tổng chi phí xã hội tiết kiệm được khoảng hơn 18 triệu ngày công, tương đương hơn 6.300 tỷ đồng/năm. Mở rộng hình thức, phạm vi công khai, minh bạch hóa thủ tục hành chính và các thông tin quản lý nhà nước, tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại được đổi mới theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

(3) Bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương từng bước đã phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, cơ bản khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ,

phạm vi, đối tượng quản lý; cơ cấu bên trong đã có sự phân định rõ hơn giữa cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp. Việc triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đạt nhiều kết quả tích cực, đã giảm nhiều đầu mối và giảm đáng kể biên chế của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và bộ máy hành chính nhà nước. Đặc biệt, giảm trên 25% đơn vị sự nghiệp, giảm trên 27.500 biên chế công chức (*tương ứng giảm 10,01% so với năm 2015*), giảm gần 243.000 biên chế viên

Tính từ đầu nhiệm kỳ Chính phủ khóa XIV đến tháng 11/2020, đã đơn giản hóa hơn 1.000 thủ tục hành chính, có 3.893/6.191 điều kiện kinh doanh được cắt giảm, tiết kiệm hơn 5,9 triệu ngày công, tương đương hơn 893,9 tỷ đồng/năm; chỉ còn 6.776/9.926 danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành; tổng chi phí xã hội tiết kiệm được khoảng hơn 18 triệu ngày công, tương đương hơn 6.300 tỷ đồng/năm.

chức (*tương ứng giảm 11,98% so với năm 2015*), giảm số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố gần 148.000 người; thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã (*giảm 08/713 đơn vị hành chính cấp huyện; giảm 557/11.160 đơn*

vị hành chính cấp xã; giảm 38.369/98.455 thôn, bản, tổ dân phố, tương ứng giảm 39%). Qua sắp xếp, bước đầu bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

(4) Trong công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chúng ta đã thực hiện nhiều nỗ lực trong cải cách mô hình và những phương thức quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Từng bước đổi mới theo hướng linh hoạt, thông qua việc duy trì cơ bản mô hình công chức chức nghiệp, nhưng tăng cường các đặc điểm của mô hình theo việc làm. Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức được phân cấp mạnh mẽ hơn trên tất cả các nội dung (*xác định biên chế, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm và đánh giá*). Triển khai xác định danh mục vị trí việc làm và cơ cấu công chức theo ngạch trong các cơ quan, tổ chức. Trách nhiệm trong hoạt động thực thi công vụ của cán bộ, công chức được đề cao và

đặc biệt là trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu. Đổi mới công tác thi tuyển và thi nâng ngạch công chức, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được đổi mới theo hướng gắn với vị trí việc làm và chức danh lãnh đạo, quản lý. Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức được đổi mới theo hướng đề cao trách nhiệm người đứng đầu và gắn với kết quả công vụ. Việc áp dụng phương pháp quản lý mới, công nghệ hiện đại đã góp phần nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

(5) Cải cách tài chính công đã đạt được kết quả tích cực. Công tác quản lý tài chính, ngân sách có nhiều đổi mới nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính quốc gia cho phát triển kinh tế- xã hội; đã chú trọng cơ cấu lại ngân sách nhà nước, đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách theo hướng phân cấp, đẩy mạnh khoán, đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ và tăng cường tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, làm tăng tính hiệu quả của chi tiêu công, hạn chế tham nhũng, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước, góp phần tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính, tăng tính công khai, minh bạch trong thực hiện ngân sách nhà nước.

(6) Hiện đại hóa nền hành chính. Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử là kết quả hết sức nổi bật. Việc phát triển hệ thống một cửa điện tử cấp huyện, xã cho tới mô hình trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh được triển khai rộng rãi. Các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 ngày càng mở rộng, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tính đến ngày 30/12/2020, cả nước đã có 2.700 dịch vụ công trực tuyến được tích hợp và 2.700/6.790 thủ tục hành chính được cung cấp cho người dân và doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đến ngày 24/12/2020 đã có 100 triệu lượt truy cập vào Cổng dịch vụ công Quốc gia. Tổng chi phí tiết kiệm được khi

thực hiện dịch vụ công trực tuyến từ Cổng dịch vụ công quốc gia được khai trương vào cuối năm 2019 đến cuối năm 2020 là 8.000 tỷ đồng. Trên cơ sở đó, đã có nhiều đổi mới theo hướng công khai, minh bạch, hiệu quả, từng bước tiến tới một nền hành chính phục vụ, hiện đại, chuyên nghiệp.

Có thể thấy, CCHC thời gian qua đã cơ bản đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đề ra góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền, nền kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế. Tuy nhiên, những cải cách

CCHC là nhiệm vụ hết sức quan trọng, đòi hỏi phải có sự vào cuộc của tất cả các cấp, các ngành, toàn hệ thống chính trị và sự ủng hộ của Nhân dân. Với những chủ trương mà Đảng đã đề ra trong Văn kiện Đại hội XIII, chúng ta sớm hiện thực hóa thành hệ thống thể chế, chương trình, đề án... và triển khai thực hiện một cách đồng bộ, quyết liệt, tin tưởng sẽ đạt được mục tiêu đề ra trong cải cách hành chính, góp phần thực hiện được mục tiêu đến năm 2030, nước ta là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

hành chính vừa qua cũng có mặt chưa mang tính đột phá, nhất là khuôn khổ thể chế cho nền hành chính công chuyên nghiệp, cải cách thủ tục hành chính chưa thực sự là động lực mạnh mẽ cho cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tổ chức bộ máy hành chính còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc; chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ máy hành chính trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được xác định rõ và phù hợp; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức có nơi chưa đồng đều, chất lượng chưa cao; việc sử dụng ngân sách và vốn đầu tư công còn lãng phí, thất thoát, kém hiệu quả; xây dựng Chính phủ điện tử tiến tới Chính phủ số, xã hội số chưa đồng bộ giữa các bộ, ngành, địa phương; hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực

tuyển mức độ 3, 4 cho người dân, tổ chức còn thấp...tình hình này đang tiếp tục là rào cản sự phát triển kinh tế- xã hội.

Từ những yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được Đảng ta xác định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021- 2030, từ thực trạng CCHC thời gian qua, để tạo đột phá trong cải cách hành chính nhà nước, cần phát huy cao độ trách nhiệm của cả hệ thống chính trị để thực hiện tốt những giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về mục tiêu, ý nghĩa, tầm quan trọng của CCHC đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về CCHC đối với các cấp chính quyền và toàn thể Nhân dân để tạo sự đồng thuận trong xã hội về thực hiện các nhiệm vụ CCHC, xác định những lợi ích thiết thực, hiệu quả mà công cuộc CCHC đem lại cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm và quyết tâm chính trị của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trong từng cơ quan, đơn vị. Người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp phải thực hiện nghiêm túc việc tiếp dân định kỳ hoặc đột xuất để tiếp nhận thông tin, lắng nghe, đối thoại trực tiếp và xử lý những phản ánh, kiến nghị của người dân.

Hai là, cần xác định rõ phạm vi, nội dung CCHC nhằm xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 một cách toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Trong đó: cần tạo lập đồng bộ và hệ thống thể chế kinh tế, thể chế hành chính phù hợp với thông lệ chung của thế giới; sắp xếp hệ thống cơ quan hành chính nhà nước các cấp tinh gọn, thông suốt và hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cung ứng dịch vụ công của bộ máy hành

chính nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; hoàn thiện thể chế tạo cơ sở pháp lý và xây dựng cơ sở dữ liệu nền tảng phục vụ cho việc triển khai phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Ba là, tổ chức thực hiện Chương trình CCHC phải gắn với tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương. Phân công rõ trách nhiệm và có cơ chế phù hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện Chương trình CCHC. Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong nhiệm vụ thực hiện quản lý nhà nước. Nghiên cứu, triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá quá trình triển khai thực hiện công tác CCHC. Coi trọng thí điểm, tổng kết, nhân rộng những mô hình, sáng kiến trong CCHC. Chú trọng việc đánh giá, biểu dương những cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện tốt và siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm những hành vi những nhiều, tiêu cực của công chức, viên chức trong thực thi công vụ, giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp.

Như vậy, CCHC là nhiệm vụ hết sức quan trọng, đòi hỏi phải có sự vào cuộc của tất cả các cấp, các ngành, toàn hệ thống chính trị và sự ủng hộ của Nhân dân. Với những chủ trương mà Đảng đã đề ra trong Văn kiện Đại hội XIII, chúng ta sớm hiện thực hóa thành hệ thống thể chế, chương trình, đề án...và triển khai thực hiện một cách đồng bộ, quyết liệt, tin tưởng sẽ đạt được mục tiêu đề ra trong cải cách hành chính, góp phần thực hiện được mục tiêu *đến năm 2030, nước ta là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao*./.

TÌM HIỂU QUAN ĐIỂM CỦA V.I.LÊNIN VỀ VAI TRÒ TRÍ THỨC; CÁCH THỨC CẢI TẠO TRÍ THỨC, CHUYÊN GIA TƯ SẢN VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC Ở VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Duyên *

V.I.Lênin - nhà trí thức vô sản vĩ đại, người có công lao to lớn trong quá trình vận dụng và sáng tạo lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen. Đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, V.I.Lênin đã nhìn nhận một cách khách quan vai trò, ý nghĩa của việc cải tạo và sử dụng trí thức, chuyên gia tư sản trong xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH). Đó cũng là bài học sâu sắc đối với Đảng ta trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Ngay sau khi Cách mạng tháng Mười Nga (năm 1917) thành công, nhân dân Xô viết bắt tay vào xây dựng CNXH trong điều kiện hết sức khó khăn, nền kinh tế sa sút nghiêm trọng do sự tàn phá của chiến tranh, nạn thù trong giặc ngoài đang đe dọa sự tồn tại của chính quyền non trẻ. Trước tình hình đó, để xây dựng CNXH, V.I.Lênin khẳng định: "... phải tiếp thu toàn bộ nền văn hóa do chủ nghĩa tư bản để lại và dùng nền văn hóa đó để xây dựng CNXH. Phải tiếp thu toàn bộ khoa học, kỹ thuật, tất cả những kiến thức, tất cả nghệ thuật. Không có cái đó, chúng ta không thể xây dựng được cuộc sống của xã hội cộng sản được. Mà khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật đó thì lại nằm trong tay chuyên gia tư sản và ở trong óc họ"⁽¹⁾. Chính vì thế, vấn đề cải tạo và sử dụng trí thức, chuyên gia tư sản được V.I.Lênin hết sức quan tâm, tinh thần này thể hiện ở một số nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, về cải tạo trí thức, chuyên gia tư sản.

Những ngày đầu của Chính quyền Xô viết, khi còn chưa đào tạo được những trí thức mới, V.I.Lênin chỉ ra rằng, chúng ta không thể xây dựng CNXH bằng những con người hoàn

toàn trong sạch, "được tạo ra trong nhà kính", "...chúng ta biết rằng, chủ nghĩa cộng sản sinh ra từ chủ nghĩa tư bản... cho nên cần phải trân trọng mọi chuyên gia như là thứ tài sản duy nhất về kỹ thuật và văn hóa, mà không có cái đó thì không có chủ nghĩa cộng sản nào cả"⁽²⁾. Chính vì thế, V.I.Lênin kịch liệt lên án những ai cho rằng, không thể sử dụng nền văn hóa tư sản, thậm chí phủ nhận văn hóa tư sản, chỉ muốn xây dựng một nền văn hóa "thuần khiết". Đặc biệt, đối với những đảng viên có thái độ mà V.I.Lênin gọi là "bệnh kiêu ngạo cộng sản" thì chỉ là những người vô tích sự. Theo V.I.Lênin, mục đích của việc cải tạo chuyên gia tư sản chính là giải phóng họ thoát khỏi sự phục tùng giai cấp tư sản, trả lại cho họ ý nghĩa chân chính, cao cả của những người trí thức là dùng trí thức, khoa học phục vụ quần chúng nhân dân lao động, chứ không phục vụ cho sự thống trị, bóc lột của giai cấp tư sản. Với ý nghĩa đó, việc cải tạo trí thức, chuyên gia tư sản là việc làm mang tính chất nhân đạo cộng sản cao cả.

Việc cải tạo trí thức, chuyên gia tư sản không phải là một công việc đơn giản mà vô cùng phức tạp. Vì vậy, trong tác phẩm "Bệnh đau trĩ "tả khuynh" trong phong trào cộng sản", V.I.Lênin chỉ rõ: đối với những người trí thức, chuyên gia được đào tạo dưới chế độ cũ không phải trong chốc lát mà họ "trút bỏ ngay được những thiên kiến tiểu tư sản, bằng phép màu, bằng lệnh truyền của Đức bà, bằng mệnh lệnh của một khẩu hiệu, của một nghị quyết, của một sắc lệnh, mà chỉ bằng cách trải qua một cuộc đấu tranh có tính quần chúng, lâu dài và khó khăn"⁽³⁾, để cải tạo trí thức cũ, trước hết, cần

(*) Khoa Lý luận cơ sở

phải chiến thắng họ bằng sức mạnh tinh thần của giai cấp vô sản, bằng tổ chức, bằng kỷ luật chặt chẽ.

Thứ hai, về sử dụng trí thức tư sản.

Từ thực tiễn nước Nga, V.I.Lênin chỉ rõ, việc sử dụng trí thức, chuyên gia tư sản có thể được tiến hành bằng hai nguồn chính. *Một là*, sử dụng các chuyên gia, trí thức cũ của chế độ tư bản Nga đã đào tạo ra họ; *hai là*, mời các chuyên gia tư sản từ các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây sang Nga làm việc. Từ luận điểm này, V.I.Lênin đã vận dụng

tài tình trong việc đưa ra Chính sách kinh tế mới (NEP). Trong Chính sách này, V.I.Lênin và Đảng Bôn-sê-vích đã sử dụng đúng đắn các trí thức, chuyên gia tư sản trong việc phát huy nội lực, làm sống động nền kinh tế Nga; đồng thời, tranh thủ

toàn bộ những kỹ thuật tiên tiến và toàn bộ nền văn minh tư sản để xây dựng nước Nga xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình sử dụng trí thức tư sản, V.I.Lênin đặc biệt lưu ý, những người vô sản phải giúp đỡ, tạo điều kiện cho họ làm việc, phải theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của họ, tức là thực hiện nguyên tắc “kiểm kê, kiểm soát”, đây là một trong những nguyên tắc phù hợp với quan điểm cải tạo và sử dụng trí thức. Bên cạnh việc kiểm tra, theo dõi, phải tiến hành giáo dục để họ làm việc tốt hơn, tự giác hơn, không nên có thái độ định kiến, thiếu tin tưởng, thù địch với các trí thức tư sản.

Thứ ba, tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho trí thức, chuyên gia tư sản.

Đây là một trong những vấn đề được V.I.Lênin hết sức quan tâm, sau cách mạng Tháng Mười Nga thành công, mặc dù điều kiện kinh tế rất nghèo nàn, lạc hậu, V.I.Lênin vẫn khẳng định: “việc gì có thể làm được cho những người trí thức, chúng ta đều làm cả”⁽⁴⁾. Đồng thời, Người chủ trương trả lương cao cho trí thức, chuyên gia tư sản, nhằm kích thích họ làm việc, coi đó là món “học phí” để giành lấy học

vấn, kỹ thuật và kinh nghiệm ở họ. Đó là những tri thức mà “chúng ta còn chưa có, cho nên chúng ta phải nạp tiền công bằng khoản lương cao hơn khoản lương mà những kẻ tổ chức là bọn tư sản đã trả”⁽⁵⁾. Việc trả một khoản lớn “học phí” theo Lênin là một việc đáng giá vì cái đó có ích cho công nhân để “chiến thắng tình trạng hỗn độn, tình trạng suy sụp về kinh tế”, để “có thể đưa chúng ta đến chủ nghĩa xã hội bằng con đường chắc chắn nhất”⁽⁶⁾. Việc quan tâm đến đời sống vật chất của trí thức tư sản không

phải xuất phát từ ý định “mua chuộc”, mà ở đây, V.I.Lênin đã xuất phát từ đặc trưng của lao động trí óc, nhu cầu cuộc sống và điều kiện làm việc của trí thức. Theo V.I.Lênin, việc trả lương cao cho tầng lớp trí thức nhằm đảm bảo cuộc sống cho họ là một việc làm hết sức cần thiết

trong mọi hoàn cảnh xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Tất nhiên, trong khi chủ trương trả lương cao cho các chuyên gia và trí thức, V.I.Lênin cũng lưu ý, không phải bất cứ trí thức nào cũng được hưởng đặc quyền đó mà “chúng ta trả lương cao hơn mức trung bình cho “những lực lượng trí thức” muốn mang lại khoa học cho Nhân dân (chứ không phải phục vụ bọn tư bản)”⁽⁷⁾.

Trong công tác lãnh đạo trí thức tư sản, V.I.Lênin luôn yêu cầu Đảng và những người Cộng sản phải xuất phát từ đặc điểm lao động của trí thức là mang tính độc lập, sáng tạo, cũng như những mặt mạnh, hạn chế của họ để đưa ra chính sách đúng đắn. Người chỉ rõ: “Những người Cộng sản phải nhớ rằng, một kỹ sư sẽ thông qua những tài liệu khoa học của họ mà thừa nhận chủ nghĩa cộng sản, chứ không phải như một cán bộ tuyên truyền bí mật hay một nhà viết văn: rằng người kỹ sư nông nghiệp, kỹ sư lâm nghiệp... sẽ thừa nhận chủ nghĩa cộng sản theo kiểu của họ”⁽⁸⁾. Chính vì thế, V.I.Lênin căn dặn những người Cộng sản phải giữ thái độ khiêm tốn, gần gũi với chuyên gia, học tập họ,

V.I.Lênin và Đảng Bôn-sê-vích đã sử dụng đúng đắn các trí thức, chuyên gia tư sản trong việc phát huy nội lực, làm sống động nền kinh tế Nga; đồng thời, tranh thủ toàn bộ những kỹ thuật tiên tiến và toàn bộ nền văn minh tư sản để xây dựng nước Nga xã hội chủ nghĩa.

đối xử với các chuyên gia khoa học kỹ thuật một cách thận trọng và khéo léo nhằm tạo ra xung quanh các chuyên gia bầu không khí hợp tác, thân ái. Đồng thời, khẳng định, kết quả của việc sử dụng chuyên gia có hữu hiệu hay không, trước hết được đánh giá bởi cách tiến hành công việc, tuyển lựa chuyên gia, biết phát hiện ở họ, biết sử dụng họ, biết thực hiện sự cộng tác giữa các chuyên gia và người Cộng sản. Người cộng sản lãnh đạo chỉ có một cách duy nhất để chứng minh quyền lãnh đạo của mình, đó là tìm được càng nhiều chuyên gia, trí thức biết giúp đỡ họ làm việc, biết đề bạt họ, biết giới thiệu và chú ý đến kinh nghiệm của họ.

Tư tưởng V.I.Lênin về cải tạo và sử dụng trí thức, chuyên gia tư sản đã có tác dụng to lớn đối với việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Nga Xô viết trong những năm đầu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó cũng chính là bài học quý giá đối với các Đảng Cộng sản trong quá trình đấu tranh cho mục tiêu xây dựng CNXH, trong đó có Việt Nam.

Kế thừa tư tưởng của V.I.Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ chú trọng đào tạo, sử dụng trí thức xã hội chủ nghĩa mà còn quan tâm tới công tác cải tạo và sử dụng đội ngũ trí thức, chuyên gia của chế độ cũ. Theo Người, trọng dụng trí thức, không chỉ ở chỗ giao cho họ những chức vụ cao, mà còn chú ý sắp xếp trí thức vào những vị trí phát huy được tài năng của họ và quan tâm chăm sóc, tôn vinh những trí thức có công phục vụ sự nghiệp kháng chiến kiến quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Việc dùng nhân tài, ta không nên căn cứ vào những điều kiện quá khắt khe. Miễn là không phản lại quyền lợi dân chúng, không phải là Việt gian, thân Pháp, thân Nhật, có lòng trung thành với Tổ quốc là có thể dùng được. Tài to ta dùng làm việc to, tài nhỏ ta cắt làm việc nhỏ, ai có năng lực về việc gì, ta đặt ngay vào việc ấy. Biết dùng người như vậy, ta sẽ không lo gì thiếu cán bộ”⁽⁹⁾.

Quán triệt lý luận của V.I.Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong những giai đoạn của cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn đánh giá đúng vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức

đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Từ đó, có những chủ trương, chính sách phát huy, tiêu biểu như: Nghị quyết số: 27 - NQ/TW, ngày 6 tháng 8 năm 2008, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X “về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Kết luận số 52 – KL/TW của Ban Bí thư ngày 30 tháng 5 năm 2019, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X “về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Quyết định số 142/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 21 tháng 01 năm 2020 về việc ban hành

Tư tưởng V.I.Lênin về cải tạo và sử dụng trí thức, chuyên gia tư sản đã có tác dụng to lớn đối với việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Nga Xô viết trong những năm đầu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó cũng chính là bài học quý giá đối với các Đảng Cộng sản trong quá trình đấu tranh cho mục tiêu xây dựng CNXH, trong đó có Việt Nam.

Kế hoạch thực hiện Kết luận số 52 – KL/TW của Ban Bí thư ngày 30 tháng 5 năm 2019. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục chỉ rõ: “Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của trí thức. Có cơ chế chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài của đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện, giám định xã hội của các cơ quan nghiên cứu khoa học trong việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội”⁽¹⁰⁾.

Với những chủ trương, chính sách đúng đắn đó, trong những năm vừa qua, Đảng ta đã thu hút đông đảo trí thức, chuyên gia đóng góp tài năng, trí tuệ của mình vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt, quy tụ ngày càng nhiều các trí thức, Việt kiều yêu nước trở về quê hương để xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cụ thể như: “năm 2017, cả nước có khoảng 6,5 triệu người có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên, tăng hơn 3,7 triệu người so với năm 2009”⁽¹¹⁾. Năm 2019, “có khoảng 300 nghìn chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, chủ yếu tại các nước công nghiệp phát triển”⁽¹²⁾. Đây là nguồn tài nguyên trí tuệ quý báu của dân tộc, giàu tiềm năng và là một kênh chuyển giao tri thức về Việt Nam rất quan trọng, giúp chúng ta tiến nhanh trên bản đồ đổi mới sáng tạo của thế giới.

Tuy nhiên, nhìn vào thực tiễn thì chủ trương, chính sách đó vẫn chưa phát huy hết vai trò của đội ngũ trí thức đối với phát triển đất nước. Đặc biệt, mức đầu tư của Nhà nước cho các hoạt động chủ yếu của trí thức vẫn còn thấp so với yêu cầu (nhất là ở hệ đào tạo đại học và sau đại học), việc tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, các điều kiện, phương tiện làm việc, mở rộng, lưu thông và hợp tác quốc tế trong các hoạt động chuyên môn của trí thức chưa tương xứng với nguồn lực trí thức và công cuộc đổi mới đất nước; cơ chế, chính sách đãi ngộ dành cho đội ngũ trí thức còn dè dặt, mức lương và phụ cấp chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu cuộc sống hiện đại. Chính vì vậy, để thực hiện tốt nhiệm vụ này và kế thừa quan điểm của Đại hội XII của Đảng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định và có những định hướng nhằm phát huy vai trò đội ngũ trí thức: “Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Có cơ chế phát huy dân chủ, tự do sáng tạo và đề cao đạo đức, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng, môi trường làm việc, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của trí thức. Trọng dụng, đãi ngộ thỏa đáng đối với nhân tài, các nhà khoa học và công nghệ Việt

Nam có trình độ chuyên môn cao ở trong nước và nước ngoài, nhất là các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học có khả năng chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng. Thật sự tôn trọng, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phân biện của chuyên gia, đội ngũ trí thức”⁽¹³⁾. Quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng về cải tạo và sử dụng trí thức nói riêng và công tác trí thức nói chung, các cấp, các ngành, địa phương cần cụ thể hóa, ban hành các cơ chế, chính sách và giải pháp thực hiện phù hợp nhằm phát huy vai trò, bảo đảm lợi ích và tạo điều kiện để trí thức phát huy tài năng trí tuệ, năng lực sáng tạo, sự cống hiến cho phát triển đất nước, góp phần hiện thực hóa mục tiêu “đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁴⁾.

Như vậy, tư tưởng của V.I.Lênin về cải tạo và sử dụng trí thức, chuyên gia tư sản vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn, đó là những bài học hết sức quý báu trong việc xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, đủ sức đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta hiện nay./.

CHÚ THÍCH:

- (1) V.I.Lênin toàn tập, tập 38, Nxb Tiến Bộ - Matxcova, 1981, tr67.
- (2) Sđd, tập 40, tr250.
- (3) Sđd, tập 41, tr125 -126.
- (4) Sđd, tập 39, tr400.
- (5), (6) Sđd, tập 36, trang 322, tr366 - 367.
- (7) Sđd, tập 51, tr61.
- (8) Sđd, tập 42, tr434.
- (9) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 4, Sdd, tr.43.
- (10) ĐCSVN, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H, 2006, tr 161-162.
- (11) Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức - 10 năm nhìn lại, <http://tcnn.vn>.
- (12) Thủ tướng: Việc đầu tiên phải làm là đổi mới sáng tạo cách trọng dụng con người, baochinhhphu.vn
- (13), (14) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội 2021, tr 167, tr 326.

KIỆN ĐỊNH MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI MỘT SÁNG TẠO TRONG ĐƯỜNG LỐI LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ThS. Lê Ái Bình*

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là những vấn đề lý luận có ý nghĩa lịch sử và thời đại hết sức sâu sắc; vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng Việt Nam. Thực tiễn cách mạng Việt Nam 90 năm qua cho thấy, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là vấn đề có tính nguyên tắc của cách mạng Việt Nam, là đường lối chiến lược, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử cách mạng nước ta kể từ khi có Đảng và cũng chính là sự sáng tạo trong đường lối lãnh đạo cách mạng của Đảng.

Ngay từ trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng được thông qua trong Hội nghị thành lập Đảng, trên cơ sở vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện một nước thuộc địa, Đảng đã xác định con đường của cách mạng Việt Nam là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Điều này có nghĩa, ngay từ khi mới vừa ra đời, Đảng ta đã xác định độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Trên cơ sở đường lối chiến lược đó, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, lúc thuận lợi hay khó khăn, trong thời kỳ chiến tranh cũng như trong hòa bình, Đảng ta vẫn không rời xa mục

tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12/1976), khi tổng kết lịch sử, rút ra những bài học kinh nghiệm của cách mạng nước ta, Đảng đã khẳng định: “*Đảng ta từ khi ra đời đến nay, vẫn luôn giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là đường lối, là sức mạnh, là nguồn gốc thắng lợi của cách mạng nước ta*”⁽¹⁾. Trong sự nghiệp đổi

Thực tiễn cách mạng Việt Nam 90 năm qua cho thấy, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là vấn đề có tính nguyên tắc của cách mạng Việt Nam, là đường lối chiến lược, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử cách mạng nước ta kể từ khi có Đảng và cũng chính là sự sáng tạo trong đường lối lãnh đạo cách mạng của Đảng.

mới đất nước từ năm 1986 đến nay, trong các Đại hội của Đảng, khi rút ra các bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam nói chung, của công cuộc đổi mới nói riêng, Đảng đều nhất quán quan điểm khẳng định độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một trong những bài học lớn của cách mạng Việt Nam, là một trong những yếu tố tạo nên thành công của Đảng trong lãnh đạo sự nghiệp đổi mới. Đặc biệt, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần

(*) Phó Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

thứ XIII (01 - 2021), trong các quan điểm chỉ đạo định hướng phát triển đất nước trong thời gian tới Đảng đã xác định: “*Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*”⁽²⁾. Đây là vấn đề được Đảng xác

Thực tiễn cách mạng Việt Nam kể từ khi Đảng ra đời và lãnh đạo cách mạng đã chứng minh: Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một trong những nguyên nhân của mọi thắng lợi về vang trong lịch sử và mãi là ánh sáng soi đường cho sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong thế kỷ XXI của Đảng và Nhân dân Việt Nam. Bởi độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu khách quan, là nhu cầu của dân tộc Việt Nam, xu thế phát triển của xã hội loài người.

định mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam hơn 90 năm qua đã chứng minh, gắn mục tiêu giải phóng dân tộc với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là thành quả lý luận cơ bản đã mở ra một trang sử mới cho cách mạng Việt Nam. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã linh hoạt, sáng tạo trong việc gắn kết hai nhiệm vụ này cho phù hợp với từng giai đoạn lịch sử cụ thể và chính nhờ Đảng đã giải quyết tốt được sự gắn kết đó nên đã góp phần quan trọng vào những thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Trong thời kỳ đất nước có chiến tranh, Đảng xác định, độc lập dân tộc giữ vị trí hàng đầu, là nhiệm vụ mục tiêu chủ yếu, trước mắt, cho nên từng bước thực hiện các nhiệm vụ dân chủ, nhưng phục vụ cho giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội chính là hậu phương cho độc

lập dân tộc. Cụ thể như, trong thời kỳ cách mạng 1930 - 1954, độc lập dân tộc từng bước được khẳng định là mục tiêu hàng đầu, còn chủ nghĩa xã hội là triển vọng, phương hướng tiến lên. Mục tiêu độc lập dân tộc được đặt ra và giải quyết trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, thông qua đội tiên phong của giai cấp công nhân là Đảng Cộng sản Việt Nam đã thức tỉnh, lôi cuốn cả dân tộc Việt Nam làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng

Tám, kháng chiến chống thực dân Pháp, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Trong giai đoạn này, chủ nghĩa xã hội tuy chưa có điều kiện để đặt ra một cách trực tiếp, nhưng luôn luôn là phương hướng để cách mạng Việt Nam tiến tới. Cùng với việc chiến thắng chủ nghĩa thực dân cũ, giải quyết vấn đề độc lập dân tộc bằng chiến tranh cách mạng, Đảng ta từng bước đã tạo ra những tiền đề đầu tiên cho chế độ mới. Điều đó khẳng định tính liên tục trong các giai đoạn cách mạng và tính chất triệt để của sự nghiệp giải phóng dân tộc ở giai đoạn tiếp theo.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, từ thực tiễn đấu tranh cách mạng của hai miền đất nước và xu thế của thời đại, kết hợp mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ 1954 - 1975 được thể hiện ở việc Đảng xác định nhiệm vụ cách mạng của mỗi miền đất nước và lãnh đạo cả nước tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, đây cũng là đặc điểm hết sức độc

đáo của cách mạng Việt Nam. Chính nhờ đường lối đó, Đảng ta đã giải quyết được hàng loạt các mối quan hệ trong chiến tranh cách mạng như mối quan hệ giữa tiền tuyến và hậu phương; giữa kháng chiến và kiến quốc; giữa dân tộc và thời đại.... tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn của cách mạng để giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Khi đất nước độc lập, thống nhất, Đảng lãnh đạo cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội và thực hiện công cuộc đổi mới đất nước. Trong thời kỳ trước đổi mới, những giá trị của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được thể hiện trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đó là: Bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, chiến đấu bảo vệ biên giới Tây - Nam và phía Bắc; bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững an ninh chính trị; xây dựng hàng trăm công trình công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa lớn và hàng ngàn công trình vừa và nhỏ. Tuy nhiên, do chủ quan, duy ý chí, nóng vội trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ năm 1979, đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội. Thực trạng đó, đòi hỏi Đảng phải nâng cao trình độ trí tuệ, hoạch định đường lối đúng đắn để tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, đưa đất nước phát triển. Chính vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) đã thông qua đường lối đổi mới toàn diện đất nước với những nhận thức đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Trong quá trình lãnh đạo Nhân dân thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước, kể từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đến nay, cùng với nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn

về con đường cách mạng Việt Nam, về công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế thì vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã có một bước phát triển mới trong nhận thức và trong chỉ đạo thực tiễn của Đảng.

Trong công cuộc đổi mới, mục tiêu độc lập dân tộc được đặt ra là củng cố vững chắc độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, nghĩa là bảo vệ, củng cố các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam; làm thất bại các âm mưu thủ đoạn “diễn biến hoà bình” và bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới và cuộc sống bình yên của Nhân dân. Độc lập dân tộc cũng có nghĩa là nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, giữ vững con đường phát triển và mục tiêu, lý tưởng đã đề ra. Độc lập dân tộc là thực hiện đường lối đối ngoại, độc lập tự chủ; đồng thời, mở rộng đoàn kết, hợp tác, hữu nghị với các quốc gia trên thế giới, với tinh thần: Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Nội dung chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng từng bước được làm sáng tỏ. Từ nhận thức về mô hình chủ nghĩa xã hội theo cơ chế kế hoạch hóa, tập trung và bao cấp trước đây đã thông qua thực tiễn của công cuộc đổi mới mà khẳng định mô hình 6 đặc trưng trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và mô hình 8 đặc trưng trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011): Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do Nhân

dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hóa tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới. Đồng thời, từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng từng bước làm sáng tỏ hơn về các chặng đường, bước đi của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về khả năng và nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tức là bỏ qua việc xác lập kiến trúc thượng tầng và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, nhưng có thể kế thừa nhiều thành tựu mà loài người đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản, nhất là về khoa học, công nghệ.

Trên cơ sở xác định rõ nội dung, chỉ ra cụ thể mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng đã lãnh đạo đất nước vượt qua được những khó khăn, thử thách, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã hiện thực hóa từng bước giá trị của chủ nghĩa xã hội, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; đồng thời, củng cố nền độc lập dân tộc.

Tóm lại, thực tiễn cách mạng Việt Nam kể từ khi Đảng ra đời và lãnh đạo cách mạng đã chứng minh: Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một trong những nguyên nhân của mọi thắng lợi vẻ vang trong lịch sử và mãi là ánh sáng soi

đường cho sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong thế kỷ XXI của Đảng và Nhân dân Việt Nam. Bởi độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu khách quan, là nhu cầu của dân tộc Việt Nam, xu thế phát triển của xã hội loài người. Trải qua những biến động lịch sử, chủ nghĩa xã hội vẫn giữ nguyên những giá trị đích thực của một học thuyết khoa học và độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội vẫn tiếp tục khẳng định giá trị bền vững, là xu thế phát triển của nhân loại. Chính vì vậy, dù thế giới có nhiều đổi thay, nhưng toàn Đảng toàn dân Việt Nam vẫn phải luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, không chỉ tạo cơ sở lý luận và thực tiễn cho con đường phát triển của cách mạng Việt Nam mà còn là điều kiện tiên quyết để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, nhân nguồn sức mạnh tinh thần, thống nhất về tư tưởng, ý chí, hành động của Nhân dân ta, đấu tranh chống lại các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về những thành tựu trong công cuộc đổi mới đã và đang trở thành hiện thực sinh động ở Việt Nam./.

CHÚ THÍCH

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: Báo cáo chính trị Đại hội IV, Nxb Sự thật, H.1977, tr.40.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, H, 2021, tr.109

BÀI HỌC KINH NGHIỆM “LẤY DÂN LÀM GỐC” TRONG QUÁ TRÌNH ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

ThS. Lê Hải Yến*

Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, quần chúng Nhân dân có vai trò hết sức quan trọng trong lịch sử phát triển của loài người, là chủ thể sáng tạo ra lịch sử, là đầu tàu của mọi cuộc cách mạng. Trong tác phẩm “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen” (năm 1843), C.Mác đã viết: “Chủ quyền của Nhân dân không phải là cái phát sinh từ chủ quyền của nhà vua, mà ngược lại, chủ quyền của nhà vua dựa trên chủ quyền của Nhân dân”⁽¹⁾. Phát triển tư tưởng của C.Mác và Ph. Ăngghen trong điều kiện mới, V.I.Lênin cũng khẳng định: “Không có sự đồng tình ủng hộ của đại đa số Nhân dân lao động đối với đội tiền phong của mình, tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được”⁽²⁾.

Nhìn lại suốt chiều dài lịch sử dân tộc Việt Nam cũng cho thấy, “dân là gốc” của nước cũng là một chân lý được rút ra từ lịch sử hàng ngàn năm dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam, là cội nguồn tạo nên sức mạnh để dân tộc ta liên tiếp giành thắng lợi trong các cuộc đấu tranh chống thiên tai, địch họa và trong xây dựng đất nước. Chính vì vậy, khi tổng kết các bài học lớn của cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên, Trần Quốc Tuấn - vị tướng lỗi lạc của nhà Trần đã nêu nguyên nhân lớn nhất tạo nên thắng lợi của dân tộc ta đó là: “Vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức” và trước khi mất ông đã căn dặn vua Trần: “Phải khoan thư sức dân để làm kế bền gốc sâu rễ, đó là thượng sách giữ nước”. Nguyễn Trãi, người

anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã nhiều lần nhắc đến dân và vai trò sức mạnh của dân. Ông cho rằng: “chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”, “lật thuyền mới biết dân như nước”, “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”.

Kế thừa, phát huy giá trị truyền thống trọng dân của dân tộc, đồng thời quán triệt quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng Nhân dân trong lịch sử, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xác định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào. Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của Nhân dân”⁽³⁾ hoặc là : “Nước lấy dân làm gốc...”

Gốc có vững cây mới bền,

Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”⁽⁴⁾

Chính vì vậy, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, kể cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chú trọng việc tuyên truyền, giác ngộ, vận động quần chúng Nhân dân ủng hộ cách mạng, tham gia cách mạng và đã phát huy được sức mạnh khối đại đoàn kết của toàn dân làm nên những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam mà điển hình là thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam

(*) *Khoa Xây dựng Đảng*

dân chủ cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á, thắng lợi của các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, thắng lợi của công cuộc đổi mới.

Trong quá trình lãnh đạo tiến hành công cuộc đổi mới, việc thực hiện “lấy dân làm gốc” luôn được Đảng xác định là phương châm trong hành động của Đảng và một trong những bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo. Ngay từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) – Đại hội mở đầu cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, khi phân tích đánh giá về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội V và chặng đường hơn 10 năm Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986), Đại hội đã rút ra các bài học kinh nghiệm trong đó bài học thứ nhất là: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt

tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân lao động”⁽⁵⁾; “Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của Nhân dân lao động, phải khơi dậy được sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, đi ngược lại lợi ích của Nhân dân là làm suy yếu sức mạnh của Đảng”⁽⁶⁾. Bởi vì, chính thực tiễn cách mạng Việt Nam, đặc biệt trong những năm trước đổi mới đã cho thấy, khi nào chủ trương, chính sách nào phù hợp với nguyện vọng của Nhân dân, bảo đảm các quyền và lợi ích của Nhân dân, “ý Đảng, lòng dân” hòa quyện thành một, thì chủ trương, chính sách đó được Nhân dân đồng tình ủng hộ, nhanh chóng đi vào cuộc sống và mang lại hiệu quả; chủ trương, chính sách nào không

xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích của Nhân dân, thì sẽ rất khó đi vào cuộc sống, thậm chí thất bại. Đường lối đổi mới thông qua tại Đại hội VI được bắt nguồn và hình thành từ chính sáng kiến, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân ở các địa phương, cơ sở là một minh chứng rất rõ về vai trò của quần chúng Nhân dân trong việc hình thành chủ trương, đường lối của Đảng.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991), trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* cũng đã nêu lên các bài học kinh nghiệm, thì bài học thứ hai đó là: “Sự nghiệp cách mạng là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Chính Nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân

chính của Nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời Nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước”⁽⁷⁾.

Tiếp sau Đại hội VII, ở các kỳ Đại hội trong suốt quá trình Đảng lãnh đạo tiến hành công cuộc đổi mới, vấn đề “lấy dân làm gốc”: chăm lo đời sống cho Nhân dân, dựa vào Nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của Nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tiếp tục được Đảng khẳng định là một trong những bài học kinh nghiệm và là phương châm trong công tác lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, trong Báo cáo chính trị trình tại Đại hội, khi tổng kết

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, kể cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chú trọng việc tuyên truyền, giác ngộ, vận động quần chúng Nhân dân ủng hộ cách mạng, tham gia cách mạng và đã phát huy được sức mạnh khối đại đoàn kết của toàn dân làm nên những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam mà điển hình là thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

thực tiễn 35 năm đổi mới, 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011 - 2020 và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, Đảng đã rút ra 5 bài học hết sức quan trọng, trong đó tiếp tục khẳng định bài học lấy dân là gốc: “Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đồng thời, trong Báo cáo cũng nêu rõ: Nhân dân là trung tâm, làm chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng; củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Đây vừa là sự khẳng định về tầm quan trọng của bài học lấy dân làm gốc trong suốt quá trình 35 năm Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới và cũng là quan điểm chỉ đạo đòi hỏi các cấp, các ngành và mọi cán bộ, đảng viên phải tiếp tục quán triệt sâu sắc trong hoạt động thực tiễn. Bởi thực tiễn trong quá trình 35 năm đất nước tiến hành công cuộc đổi mới đã cho thấy, với quan điểm “lấy dân làm gốc”, Đảng và Nhà nước đã có nhiều nghị quyết, văn bản mang tính chiến lược về phát huy vai trò sức mạnh của Nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống Nhân dân. Trong đó có nhiều Nghị quyết đã được đông đảo các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng như: Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về “*Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh*” (6/1997); Chỉ thị 30 về “*Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*” (18/2/1998); Kết

luận 120 về “*Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*” (7/1/2016);... Cùng với các Nghị quyết của Đảng, Hiến pháp năm 2013 cũng đã khẳng định rõ về vai trò của Nhân dân: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do

Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng; củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân”; “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”. Điều đặc biệt là lần đầu tiên trong Hiến pháp, tại Điều 4, khi nói về Đảng Cộng sản Việt Nam, điểm 2 viết: “Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”. Vậy là không chỉ lãnh đạo Nhân dân, phục vụ Nhân dân, Đảng còn phải chịu sự giám sát của Nhân dân và chịu trách nhiệm trước Nhân dân.

Với nhận thức đúng đắn đó, Đảng đã lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện nhiều hình thức để phát huy sức mạnh đoàn kết, sự đóng góp của Nhân dân và đồng thời không ngừng chăm lo mọi mặt đời sống của Nhân dân. Các cuộc lấy ý kiến của Nhân

dân cả nước vào dự thảo Cương lĩnh, Văn kiện Đại hội Đảng, dự thảo sửa đổi Hiến pháp, dự thảo các đạo luật đã phát huy trí tuệ, tâm huyết của Nhân dân để xây dựng, hoàn thiện các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước, phục vụ tốt hơn cuộc sống của người dân. Chính vì vậy, mặc dù công cuộc đổi mới tiến hành trong bối cảnh tình hình với nhiều khó khăn thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và nhờ có Nhân dân tham gia, Nhân dân đồng tình hưởng ứng đã tạo thành một sức mạnh tổng hợp của sự đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, giúp cho đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách để đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trong quá trình đổi mới, thực hiện đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế hiện nay, đất nước ta cũng đang đứng trước nhiều vấn đề và những hiện tượng đang tác động đến tư tưởng, tình cảm, đời sống của Nhân dân, ảnh hưởng không nhỏ tới mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, tới sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó là sự phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội ngày càng gay gắt; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, xâm phạm quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của người dân... đang gây bức xúc trong dư luận cùng với các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ cũng đang tác động lớn đến lòng tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục chia rẽ, nhọn tấn công, hòng phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây chính là những thách thức đang đặt ra đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ, đòi hỏi các cấp ủy, chính quyền và toàn thể cán bộ, đảng viên phải nhận thức rõ và nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quán triệt sâu sắc các quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần

thứ XIII, trong đó có quan điểm “lấy dân làm gốc”. Theo đó, các cấp ủy, chính quyền, mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải nhận thức rõ được sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân, được lòng dân. Muốn được lòng dân, có lòng dân thì toàn bộ hoạt động của Đảng cũng như mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, nhằm vào mục đích vì lợi ích của Nhân dân. Tạo cơ chế để dân phát huy đầy đủ, có hiệu quả quyền làm chủ của mình. Tập trung giải quyết bức xúc, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân liên quan đến lợi ích, đời sống, việc làm; chống tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm những tiêu cực... Có như vậy, chúng ta sẽ góp phần tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực và tiến bộ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từng bước hiện thực hóa mục tiêu như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra: Đến năm 2025, là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao./.

CHÚ THÍCH

- (1) C.Mác và Ph. Ăngghen: toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t1, tr347.
- (2) V.I. Lênin: toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mát x cơ va, 1979, t39, tr251.
- (3) Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2002, t10, tr197
- (4) Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2002, t5, tr409- 410
- (5) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2006, tập 47, tr. 362.
- (6) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2006, tập 47, tr. 363
- (7) Đảng Cộng sản Việt Nam: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.5

TÌM HIỂU CHỦ TRƯỞNG, QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ Ở NƯỚC TA

ThS. Dương Thị Bảo Anh *

Kinh tế tập thể bao gồm các hình thức tổ chức kinh tế tồn tại dưới dạng hợp tác xã hoặc tổ hợp tác trong các lĩnh vực công, nông nghiệp và dịch vụ, trong đó, hợp tác xã là nòng cốt. Ở Việt Nam, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (HTX) là chủ trương lớn, nhất quán và xuyên suốt trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ngay từ khi đất nước mới giành được độc lập, năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi điền chủ, gia nông tham gia hợp tác xã, từ đó kinh tế tập thể, HTX dần được ra đời và phát triển. Đến năm 1957 đã có 45 hợp tác xã và trên 100.000 tổ đổi công được hình thành. Cuối năm 1960, về cơ bản, miền Bắc đã hoàn thành xây dựng HTX bậc thấp đồng thời xuất hiện các hợp tác xã bậc cao.

Với chủ trương củng cố và phát triển HTX ở miền Bắc giai đoạn 1966 - 1975 và mở rộng hợp tác hóa trên phạm vi cả nước trong giai đoạn 1976 - 1986 của Đảng, khu vực kinh tế tập thể, HTX có sự phát triển mạnh và có nhiều đóng góp to lớn trong xây dựng nông thôn, phát triển cộng đồng, đặc biệt trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và bảo vệ thành quả cách mạng của dân tộc. Tuy nhiên, do nhận thức chủ quan, nóng vội, chúng ta đã đồng nhất hợp tác hóa với tập thể hóa, hợp tác hóa với cải tạo xã hội chủ nghĩa nên đã tạo ra một hệ thống HTX lớn về mặt số lượng và qui mô nhưng không phản ánh được bản chất của HTX. Các HTX càng tập thể hóa ở trình độ

cao, càng hoạt động kém hiệu quả. Những hạn chế, yếu kém của mô hình kinh tế này ngày càng bộc lộ rõ, tác động tiêu cực về tâm lý và xã hội, nhất là trong nông thôn, người lao động không gắn bó với ruộng đất. Vì vậy, ngày 31 tháng 01 năm 1981, Ban Bí thư Trung ương

Tháng 3-1996, tại kỳ họp thứ 9, lần đầu tiên Quốc hội khóa IX đã ban hành Luật HTX, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của HTX trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhờ đó, các HTX cũ (mang nặng tính hành chính, bao cấp) bắt đầu chuyển đổi sang mô hình HTX kiểu mới (mang tính tự chủ, thị trường).

Đảng đã ban hành Chỉ thị 100-CT/TW về “mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp”. Theo đó, nông dân được nhận ruộng khoán và nộp sản lượng khoán, phần còn lại được quyền tiêu thụ và bán cho các cơ quan nhà nước theo giá đã thỏa thuận, sau này

được tiêu thụ trên thị trường tự do, tạo cơ hội cho sản xuất nông nghiệp phát triển. Tuy nhiên mô hình HTX vẫn dựa trên sở hữu tập thể, quản lý tập trung, phân phối thống nhất theo chế độ, đặc biệt là nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, công bằng và minh bạch trong tổ chức và quản lý của các HTX chưa được thực hiện đầy đủ, hiệu quả hoạt động của thành phần kinh tế tập thể rất thấp, không đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986) với chủ trương đổi mới toàn diện nền kinh tế. Sự chuyển đổi cơ chế quản lý nền kinh tế từ tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần đã làm cho phần lớn các HTX càng lâm vào tình trạng khó khăn. Quá trình đổi mới

(*) Trường Phòng QLĐT&NCKH

diễn ra liên tục, năm 1988, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp thực sự đã tạo lên bước đột phá cho quá trình phát triển nông nghiệp nước ta. Đồng thời, nó cũng đánh dấu giai đoạn HTX mất dần vai trò, nhiều HTX chỉ còn là hình thức, thậm chí có HTX lún sâu sang chức năng của chính quyền. Có thể nói, từ đây HTX phần lớn hợp tác xã lúng túng trong phương hướng hoạt động, số lượng HTX giảm sút. Vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (năm 1991) khẳng định phải đổi mới và kiện toàn kinh tế tập thể theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, phát huy và kết hợp hài hòa sức mạnh của tập thể và của xã viên. Phát triển các hình thức hợp tác đa dạng và mở rộng các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, mua bán, tín dụng (nông thôn) ở những nơi cần thiết và có điều kiện. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý các HTX nông nghiệp theo hướng vừa bảo đảm quyền tự chủ của hộ xã viên, vừa tăng cường vai trò của các ban quản trị trong một số việc quản lý, điều hành sản xuất, cùng với chính quyền và các đoàn thể thực hiện các chính sách xã hội và xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, năm 1996, trên cơ sở tổng kết thực tiễn 10 năm đổi mới, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII nhấn mạnh phải chủ động đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của kinh tế hợp tác, kinh tế hợp tác xã phải cùng với kinh tế nhà nước dần trở thành nền tảng trong nền kinh tế; đồng thời đề ra nhiệm vụ phải “Phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng, từ thấp đến cao, từ tổ nhóm hợp tác đến hợp tác xã; tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ”⁽¹⁾. Trên cơ sở đó, tháng 3-1996, tại kỳ họp thứ 9, lần đầu tiên Quốc hội khóa IX đã ban hành Luật HTX, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của HTX trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhờ đó, các HTX cũ (mang nặng tính hành chính, bao cấp) bắt đầu chuyển đổi sang mô hình HTX kiểu mới (mang tính tự chủ, thị trường). Mặc dù vậy, ở

giai đoạn này, kinh tế tập thể vẫn còn nhiều mặt yếu kém, năng lực nội tại hạn chế; số HTX làm ăn có hiệu quả còn ít; lợi ích đem lại cho các thành viên chưa nhiều; kinh tế tập thể chiếm tỷ trọng thấp trong tổng sản phẩm xã hội, chưa đủ sức cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc trong nền kinh tế như Đại hội VIII của Đảng đã chỉ ra.

Năm 2016, trên cơ sở tổng kết 30 năm đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng một lần nữa nhấn mạnh phải: “Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã; đẩy mạnh liên kết và hợp tác dựa trên quan hệ lợi ích, áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, phù hợp với cơ chế thị trường”.

Năm 2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng diễn ra trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới, với tinh thần “Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới” đã chủ trương xây dựng và phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo đó, Đại hội nhấn mạnh chủ trương “thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần” và khẳng định: “... kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”⁽²⁾. Đồng thời chỉ rõ “phát triển kinh tế tập thể dưới nhiều hình thức đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Các hợp tác xã dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, nắm bắt thông tin, mở rộng thị trường...”⁽³⁾. Quan điểm về phát triển kinh tế tập thể tại Đại hội IX của Đảng đã tạo nền tảng hết sức quan trọng cho kinh tế tập thể, HTX phát triển trong môi trường mới. Đặc biệt, ngày

18/3/2002, Hội nghị Trung ương 5 khóa IX (3-2002) đã ban hành Nghị quyết Số 13/NQ-TW “Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”, trong đó đã nêu ra các vướng mắc, yếu kém để triển khai thực hiện hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã. Trên cơ sở đó, ngày 26-11-2003, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật Hợp tác xã sửa đổi, bổ sung (Luật Hợp tác xã năm 2003) nhằm tiếp tục cải tiến, tạo ra cơ hội mới để kinh tế tập thể, HTX phát triển.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kinh tế tập thể, HTX, Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ X (năm 2006) tiếp tục yêu cầu phải sớm có chính sách, cơ chế cụ thể khuyến khích phát triển mạnh hơn các loại hình kinh tế tập thể đa dạng về hình thức sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, bao gồm các tổ hợp

Trên cơ sở kế thừa, phát triển tư duy lý luận về phát triển kinh tế tập thể, HTX từ các Đại hội trước, Đại hội XIII của Đảng (1/2021) tiếp tục có sự bổ sung phát triển, trong đó khẳng định “kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các HTX, tổ hợp tác có vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các HTX, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã”.

tác và hợp tác xã kiểu mới. Chú trọng phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cổ phần. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (năm 2011) của Đảng cũng khẳng định phải khẩn trương hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho việc ra đời và phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác kiểu mới và các mô hình kinh tế tập thể khác theo nguyên tắc tự nguyện cùng có lợi, có chức năng kinh tế và xã hội. Tạo điều kiện phát triển các trang trại ở nông thôn và hình thành hợp tác xã của các chủ trang trại.

Tiếp đó, năm 2016, trên cơ sở tổng kết 30 năm đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng một lần nữa nhấn mạnh phải: “Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã; đẩy mạnh liên kết và hợp tác dựa trên quan hệ lợi ích, áp dụng phương thức quản

lý tiên tiến, phù hợp với cơ chế thị trường”⁽⁴⁾; đồng thời nhấn mạnh: “Nhà nước có cơ chế, chính sách hỗ trợ về tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ hỗ trợ phát triển thị trường, tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác phát triển trên cơ sở phát huy vai trò của kinh tế hộ”⁽⁵⁾.

Thực tế cho thấy, nhờ chủ trương, chính sách của Đảng nêu trên, những năm gần đây khu vực kinh tế tập thể, HTX có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, cơ bản khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài; đã xuất hiện thêm nhiều loại hình, mô hình kinh tế tập thể,

HTX hoạt động hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo cho các thành viên, góp phần xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, từng bước khẳng định vị trí, vai trò nền tảng của khu vực kinh tế

tập thể, HTX trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã vẫn còn hạn chế, bất cập. Tốc độ tăng trưởng còn thấp so với các khu vực kinh tế khác, tỷ lệ đóng góp vào GDP chưa đáp ứng yêu cầu. Phần lớn tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã có quy mô nhỏ, phát triển không đồng đều giữa các vùng, miền, giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Số lượng hợp tác xã tuy tăng, nhưng số lượng thành viên có xu hướng giảm. Sự liên kết, hợp tác giữa các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã với nhau và với các loại hình kinh tế khác còn yếu. Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã còn nhiều bất cập; sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, hội quần chúng trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã còn thiếu chặt chẽ, chưa hiệu quả, đặc biệt là ở các cấp địa phương.

Trên cơ sở đánh giá tình hình phát triển của kinh tế tập thể, hợp tác xã sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX “*về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*”, ngày 9/3/2020 Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 70-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này. Trong đó, nêu rõ những nhiệm vụ giải pháp cần tiếp tục triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Các quan điểm, chủ trương của Đảng, đặc biệt là sự ra đời của Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX và Kết luận số 70-KL/TW ngày 9/3/2020 Bộ Chính trị là nhân tố tác động quan trọng đến quá trình phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội của kinh tế tập thể, HTX. Đồng thời, đây cũng là nhân tố tạo nên bước ngoặt quan trọng cho quá trình chuyển đổi, xây dựng HTX kiểu mới. Vì vậy, Đại hội XIII của Đảng khẳng định “kinh tế tập thể từng bước được đổi mới gắn với cơ chế thị trường”⁽⁶⁾. Tuy nhiên, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập và “mở cửa” hiện nay đang đặt ra cho chúng ta nhiệm vụ phải tiếp tục nghiên cứu, vận dụng tốt kho tàng tri thức để thúc đẩy kinh tế tập thể, HTX phát triển. Do đó, trên cơ sở kế thừa, phát triển tư duy lý luận về phát triển kinh tế tập thể, HTX từ các Đại hội trước, Đại hội XIII của Đảng (1/2021) tiếp tục có sự bổ sung phát triển, trong đó khẳng định “kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các HTX, tổ hợp tác có vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các HTX, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã”⁽⁷⁾; đồng thời đề ra nhiệm vụ tiếp tục: “Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác mà trọng tâm là hợp tác xã”⁽⁸⁾.

Có thể khẳng định rằng, những quan điểm của Đảng về kinh tế tập thể, HTX được chỉ ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII

nêu trên không chỉ tiếp tục thúc đẩy kinh tế tập thể, HTX nước ta phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững trong thời gian tới, mà còn góp phần làm phong phú thêm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam trong thời đại ngày nay./

CHÚ THÍCH:

- (1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb CTQG, 1996, Tr95.
- (2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb CTQG, 2001, Tr 96.
- (3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb CTQG, 2001, Tr 30.
- (4),(5) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, 2016, Tr 107.
- (6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG ST, 2021, tập 1, Tr60.
- (7) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG ST, 2021, tập 1, Tr129,130.
- (8) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG ST, 2021, tập 1, Tr45.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII.
2. Nghị quyết số 13/NQ-TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX “Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”.
3. Kết luận số 70-KL/TU, ngày 9/03/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TU 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.
4. Luật HTX năm 1996, 2003 và 2012.
5. PGS.TS. Lê Thanh Sinh, Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh “Quan điểm của Đảng ta về phát triển kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế tập thể”.
6. TS. Nguyễn Văn Giàu, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm UB Kinh tế của Quốc hội và UNDP “Sự phát triển của hợp tác xã và vai trò của hợp tác xã đối với an sinh xã hội”, Nxb Tri thức.
7. The Asia Foundation and Socencoop: Cẩm nang hợp tác xã nông nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
8. TS. Thịnh Văn Khoa, Quản lý nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, 2018.

VẬN DỤNG PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HOÁ LẦN THỨ XIX (NHIỆM KỲ 2020 – 2025) VÀO GIẢNG DẠY NỘI DUNG TRIẾT HỌC THUỘC PHẦN HỌC “VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN”

ThS. Bùi Thị Thu*

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 được tổ chức trọng thể từ ngày 26 đến 28/10/2020; có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn mới. Bằng quyết tâm chính trị cao, nhằm đưa tỉnh Thanh Hóa phát triển xứng tầm với vị thế và tiềm năng hiện có, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVIII đã cầu thị và thực sự nghiêm túc quán triệt sâu sắc lập trường thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin để xây dựng Báo cáo chính trị trình Đại hội. Nhất là xác định Phương hướng chung cho nhiệm kỳ 2020 - 2025 và định hướng cho những năm tiếp theo.

Phương hướng chung được Đại hội đưa ra là “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy truyền thống văn hoá, lịch sử, khát vọng thịnh vượng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở phát triển công nghiệp nặng, nông nghiệp là nền tảng; công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến,

chế tạo và dịch vụ logistics là đột phá; du lịch là mũi nhọn; tập trung phát triển 4 trung tâm kinh tế động lực, 5 trụ cột tăng trưởng và 6 hành lang kinh tế. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng các hoạt động văn hoá - xã hội. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2025 trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước - một cực tăng trưởng mới, cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía

Bắc của Tổ quốc; đến năm 2030 trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, người dân có mức sống cao hơn bình quân cả nước”⁽¹⁾.

Theo tôi, với Phương hướng chung của nhiệm kỳ 2020 - 2025 được Đại hội Đảng bộ tỉnh đưa ra cần liên hệ vào giảng dạy nội dung triết học cụ thể như sau:

Thứ nhất, liên hệ về vai trò của ý thức (nhân tố chủ quan) trong mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức

Bằng quyết tâm chính trị cao, nhằm đưa tỉnh Thanh Hoá phát triển xứng tầm với vị thế và tiềm năng hiện có, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVIII đã cầu thị và thực sự nghiêm túc quán triệt sâu sắc lập trường thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin để xây dựng Báo cáo chính trị trình Đại hội. Nhất là xác định Phương hướng chung cho nhiệm kỳ 2020 - 2025 và định hướng cho những năm tiếp theo.

(*) Trưởng Khoa Lý luận cơ sở

Nội dung Phương hướng cho thấy, Đảng bộ tỉnh, trên lập trường thế giới quan khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin đã xem đời sống xã hội là một chỉnh thể các tiền đề vật chất khách quan và năng lực của nhân tố chủ quan. Nhưng vai trò ý thức - nhân tố chủ quan được coi là động lực để phát triển. Vì vậy, Đại hội đã chỉ rõ năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, ý chí, nghị lực của con người Thanh Hoá là động lực đầu tiên, quan trọng hàng đầu để Thanh Hoá phát triển.

Sở dĩ, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, ý chí, nghị lực, khát vọng của con người Thanh Hoá được xem là động lực, vì đây là chủ thể vừa trực tiếp định hướng; vừa trực tiếp chỉ đạo hành động và là lực lượng của mọi phong trào để đưa Thanh Hoá phát triển. Cho nên, việc nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ và khơi dậy khát vọng thịnh vượng của cán bộ, đảng viên, quân, dân các dân tộc của tỉnh là rất quan trọng. Muốn vậy, cần phải chăm lo công tác xây dựng Đảng; phải thực hành dân chủ, quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chú ý đến chất lượng các hoạt động văn hoá - xã hội.

Mặt khác, từ kinh nghiệm thực tiễn sau 35 năm đổi mới của tỉnh; từ định hướng của Bộ Chính trị trong Nghị quyết số 58/NQ/TW ngày 5/8/2020 về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Và hiện tại, Đảng bộ, Nhân dân các dân tộc của tỉnh đã và đang quyết tâm xây dựng Thanh Hoá trở thành một tỉnh kiểu mẫu. Thì, khơi dậy và phát huy truyền thống văn hoá, lịch sử, khát vọng thịnh vượng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh càng quan trọng, chính là khơi dậy, phát huy sức mạnh nội lực để phát triển.

Từ những diễn giải trên, đòi hỏi, khi giảng dạy cần liên hệ vào bài giảng vai trò của ý thức, của nhân tố chủ quan đối với sự

phát triển. Trong điều kiện cụ thể hiện nay của Thanh Hoá, ý thức, nhân tố chủ quan chính là sức mạnh nội sinh, bảo đảm cho phát triển.

Thứ hai, liên hệ về nội dung vai trò của vật chất - yếu tố khách quan

Phương hướng xác định, trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, tiền đề, điều kiện khách quan tạo sức phát triển mới của Thanh Hoá là nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững. Do vậy, để kinh tế phát triển nhanh và bền vững cần phấn đấu đến năm 2025, Thanh Hoá phải trở thành

Để kinh tế phát triển nhanh và bền vững cần phấn đấu đến năm 2025, Thanh Hoá phải trở thành một cực tăng trưởng cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc; kinh tế Thanh Hoá phải trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030. Muốn vậy Thanh Hoá phải coi trọng phát triển công nghiệp nặng kết hợp với nông nghiệp là nền tảng; phải đưa kinh tế du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

một cực tăng trưởng cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc; kinh tế Thanh Hoá phải trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030. Muốn vậy Thanh Hoá phải coi trọng phát triển công nghiệp nặng kết hợp với nông nghiệp là nền tảng; phải đưa kinh tế du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Trong phát triển công nghiệp, cần coi trọng công nghiệp nặng, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ logistics để vừa tạo đột phá, vừa phát huy lợi thế; tập trung phát triển các trung tâm kinh tế động lực; lựa chọn các trụ cột tăng trưởng và hành lang kinh tế cho phù hợp. Mặt khác cần chú trọng ứng dụng khoa học, công nghệ. Quá trình phát triển kinh tế nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung, Thanh Hoá cần phải “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; phải bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính

trị, trật tự an toàn xã hội”. Đây chính là tiền đề vật chất khách quan quan trọng bảo đảm để Thanh Hoá phát triển đồng bộ và bền vững.

Từ những diễn giải trên, đòi hỏi, khi giảng dạy cần liên hệ vào bài giảng làm rõ vai trò của vật chất - tiền đề khách quan đối với ý thức. Nghĩa là muốn phát triển không thể duy ý chí chỉ bằng năng lực lãnh đạo, bằng khơi dậy và phát huy ý chí của nhân tố chủ quan. Điều quan trọng là phải phát huy vai trò yếu tố, tiền đề vật chất khách quan.

Thứ ba, liên hệ về nội dung các quan điểm toàn diện, phát triển và lịch sử - cụ thể

Từ Phương hướng chung cho thấy, xét về cấu trúc các thành tố; vai trò của các thành tố trong đời sống xã hội; nhiệm vụ để phát huy vai trò của từng thành tố chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng - an ninh và môi trường khá chi tiết, cụ thể, rõ ràng. Đó là kết quả của phương pháp tư duy khoa học trên nguyên tắc của quan điểm toàn diện, phát triển và lịch sử - cụ thể. Như:

Về chính trị và nhân tố chủ quan, là “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy truyền thống văn hoá, lịch sử, khát vọng thịnh vượng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân”.

Về tiền đề khách quan kinh tế, là “Phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở phát triển công nghiệp nặng, nông nghiệp là nền tảng; công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ logistics là đột phá; du lịch là mũi nhọn; tập trung phát triển 4 trung tâm kinh tế động lực, 5 trụ cột tăng trưởng và 6 hành lang kinh tế. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng các hoạt động văn hoá - xã hội”.

Về tiền đề khách quan xã hội là: “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội”.

Về hướng đích phát triển là “Phấn đấu đến năm 2025 trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước - một cực tăng trưởng mới, cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc; đến năm 2030 trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, người dân có mức sống cao hơn bình quân cả nước”.

Từ những diễn giải trên, đòi hỏi, khi giảng dạy cần liên hệ vào bài giảng làm rõ nội dung các quan điểm phương pháp luận, như: về quan điểm toàn diện - chỉ rõ sự đồng bộ về thành tố; về quan điểm phát triển - chỉ rõ điều kiện để tạo sự chuyển hoá giữa các thành tố,

Để sớm hiện thực hoá Phương hướng chung của nhiệm kỳ 2020 - 2025 như Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đưa ra, đòi hỏi các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục quán triệt và vận dụng nội dung Phương hướng chung để chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch và chủ động các biện pháp hành động.

hướng đích phát triển của Thanh Hoá; về quan điểm lịch sử - cụ thể chỉ rõ nhiệm vụ phát triển của từng thành tố, vai trò động lực của từng thành tố là phù hợp với thực tiễn.

Để sớm hiện thực hoá Phương hướng chung của nhiệm kỳ 2020 - 2025 như Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đưa ra, đòi hỏi các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục quán triệt và vận dụng nội dung Phương hướng chung để chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch và chủ động các biện pháp hành động./.

CHÚ THÍCH:

⁽¹⁾ Văn kiện Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh, Nxb Thanh Hoá, 2020, tr 79.

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ ĐIỂM MỚI TRONG PHƯƠNG CHÂM THỰC HÀNH DÂN CHỦ CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

ThS. Nguyễn Ngọc Thắng*
Lê Thị Thảo**

Đại hội lần thứ XIII của Đảng là dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Đảng và của đất nước. Đại hội đã quyết định nhiều vấn đề trọng đại, có ý nghĩa định hướng và tầm nhìn chiến lược cho tương lai, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và phát triển đất nước nhanh và bền vững. Đại hội đã thảo luận và quyết nghị nhiều nội dung mới, một trong những nội dung mới, điểm nhấn quan trọng Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là phương châm thực hành dân chủ: “Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”⁽¹⁾. Bài viết xin được trao đổi nhận thức về quá trình phát triển, hoàn thiện và đề xuất một số giải pháp để thực hiện phương châm này ở cơ sở.

1. Quá trình bổ sung, phát triển và hoàn thiện phương châm

Nghị quyết Đại hội XIII trong phần về “phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân” đã bổ sung thành tố “dân giám sát, dân thụ hưởng” vào phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thành “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”⁽²⁾. Đây không chỉ là quá trình tổng kết sâu sắc thực tiễn mà còn là bước phát triển, hoàn thiện về phương châm thực hành dân chủ, phát huy vai

trò làm chủ của Nhân dân của Đảng ta. Nhắc đến phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” chắc rằng mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân đều thấy quen thuộc, nhưng không phải ai cũng biết phương châm này xuất

Đại hội lần thứ XIII của Đảng là dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Đảng và của đất nước. Đại hội đã quyết định nhiều vấn đề trọng đại, có ý nghĩa định hướng và tầm nhìn chiến lược cho tương lai, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và phát triển đất nước nhanh và bền vững.

hiện từ bao giờ và có ý nghĩa thực tế như thế nào. Nghiên cứu vấn đề này có ý nghĩa quan trọng trong việc nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, thật sự gần bó máu thịt với Nhân dân, thật sự tôn trọng Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, phải thật sự “*xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân*”⁽³⁾ như Bác Hồ từng răn dạy.

Cách đây 72 năm, ngày 15/10/1949 trong bài báo “Dân vận” tuy không nói rõ thành phương châm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” nhưng nội hàm của phương châm

(*) PTP QLĐT&NCKH

(**) Phòng QLĐT&NCKH

này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra. Theo Người, để phát huy quyền làm chủ của Nhân dân thì: *“Trước nhất là phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được”*⁽⁴⁾, đây chính là khâu “dân biết” - khâu đầu tiên về quyền làm chủ của Nhân dân, để Nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình. Theo đó, mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của Nhân dân, Nhân dân đều phải được biết, được hiểu. Cùng với đó, Bác yêu cầu: *“... bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương”*⁽⁵⁾, đây chính là khâu “dân bàn” - khâu phát huy trí tuệ, kinh nghiệm của Nhân dân để mọi chủ trương, chính sách đúng ý Đảng, lòng dân, trở thành hiện thực cuộc sống. Về khâu “dân làm”, Bác dạy, sau khi có chủ trương, chính sách đúng thì *“...động viên và tổ chức toàn dân ra thi hành”*⁽⁶⁾ - đây là khâu tổ chức các phong trào hành động cách mạng của Nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, những việc “nên làm” ở địa phương, cơ sở. Đồng thời, Bác đặt ra là phải *“...cùng với dân kiểm thảo lại công việc, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng”*⁽⁷⁾, đây chính là khâu “dân kiểm tra”. Như vậy, với tư tưởng *“Nước lấy dân làm gốc”*⁽⁸⁾ và *“Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”*⁽⁹⁾, ngay từ rất sớm Bác Hồ đã quan tâm đến vấn đề cốt tử là làm thế nào để phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy

động được tài dân, trí dân, sức dân, của dân để ích nước, lợi dân.

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân là mục tiêu, là động lực, bí quyết thắng lợi của mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta qua các thời kỳ cách mạng. Tháng 12/1986, Đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới, đưa nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, mở ra giai đoạn phát triển mới. Xuất phát từ thực tiễn, Đảng ta đã rút ra bài học kinh nghiệm sâu sắc về Nhân dân: *“Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán*

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân là mục tiêu, là động lực, bí quyết thắng lợi của mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta qua các thời kỳ cách mạng.

triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân lao động”⁽¹⁰⁾. Đồng thời, khẳng định: *“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, đó là nền nếp hằng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ Nhân dân lao động tự quản lý nhà nước của mình”*⁽¹¹⁾. Có thể nhận thấy, đây là lần đầu tiên phương châm thực hành dân chủ, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân *“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”* được Đảng ta chính thức đưa vào Nghị quyết với quyết tâm phải trở thành *“nền nếp của xã hội mới”*. Tuy nhiên, trong thực tế việc triển khai thực hiện phương châm *“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”* gặp nhiều khó khăn, lúng túng vì chưa có cơ chế, quy định cụ thể về việc dân được biết những gì? Dân được bàn việc gì, bàn như thế nào? Dân được làm ra sao? và dân được kiểm tra ai? kiểm tra

gi? kiểm tra ở đâu?. Trước tình hình đó, Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đề ra yêu cầu phải: “*Xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước*”⁽¹²⁾. Đồng thời, từ tổng kết thực tiễn xử lý điểm nóng chính trị - xã hội ở nông thôn đồng bằng Sông Hồng, nhất là ở tỉnh Thái Bình những năm 90 của thế kỷ XX, tháng 2/1998, Bộ Chính trị (khóa VIII) đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW “*Về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở*”, trong đó khẳng định: “*Phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” chưa được cụ thể hóa và thể chế hóa thành luật pháp, chạm đi vào cuộc sống*”⁽¹³⁾; đồng thời yêu cầu: “*Nhà nước cần ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở có tính pháp lý, yêu cầu mọi người, mọi tổ chức ở cơ sở đều phải nghiêm chỉnh thực hiện*”⁽¹⁴⁾. Thực hiện chủ trương này, Chính phủ đã cụ thể hóa ban hành nhiều văn bản quy định nhằm thể chế hóa quyền làm chủ của Nhân dân trong thực tế, cụ thể như: Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998, sau đó là Nghị định 79/2003/NĐ-CP ngày 7/7/2003 “*Về quy chế thực hiện dân chủ ở xã*”; Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 8/9/1998 “*Về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan*”; Nghị định số 07/1998/NĐ-CP “*Về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp Nhà nước*”; Pháp lệnh số 34/2007/PL/UBTVQH ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “*Về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*”; Chính phủ ban hành Nghị định số 87/2007/NĐ-CP “*Về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn*”; Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 9.01/2015 của Chính phủ “*Về thực hiện dân chủ trong hoạt động*

của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập”; Nghị định số 149/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính trị “*Về quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 của Bộ luật Lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc*”. Bên cạnh đó, nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến quyền, lợi ích của Nhân dân, đến việc thực hành dân chủ được ban hành, như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Phòng chống tham nhũng và nhiều quy định khác... Như vậy, từ khi phương châm

Tổng kết thực tiễn sinh động, phong phú của 35 năm thực hiện đường lối đổi mới để khơi dậy ý chí, quyết tâm và sức mạnh của toàn dân tộc nhằm hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước hùng cường, thịnh vượng, Nghị quyết Đại hội XIII đã hoàn thiện, bổ sung thêm hai vấn đề lớn, vấn đề mới đó là “dân giám sát” và “dân thụ hưởng” vào phương châm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, trở thành một phương châm hoàn chỉnh “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

“dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được đưa vào Nghị quyết của Đảng (12/1986) thì phải đến tháng 2/1998 (mốc ra đời của Chỉ thị về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở) phương châm này mới được thực sự đi vào cuộc sống và dần đi vào “nền nếp” khi Nhà nước ban hành cơ chế, quy định cụ thể để người dân thực hiện quyền dân chủ trong việc được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra... Trải qua các kỳ Đại hội của Đảng lần thứ IX, X, XI, XII, Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân. Theo đó,

nhận thức về dân chủ và thực hành dân chủ của chính quyền các cấp, của cán bộ, công chức, viên chức, các tầng lớp Nhân dân ngày càng được nâng lên rõ rệt. Quyền làm chủ của Nhân dân được tôn trọng và bảo đảm, các hình thức dân chủ đại diện được phát huy, dân chủ trực tiếp được mở rộng, tạo điều kiện để Nhân dân giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức. Phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được thể chế, cụ thể hóa trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần phát huy vai trò, tiềm năng, sức sáng tạo của Nhân dân, tham gia bàn bạc những công việc của địa phương, đất nước; góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, quy chế, quy định, hương ước, quy ước, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, tham gia giám sát các hoạt động cán bộ, công chức, đảng viên ở khu dân cư; thực hành dân chủ trong Đảng, trong xã hội được mở rộng hơn; những vướng mắc, khó khăn, bức xúc trong quá trình phát triển được chính quyền các cấp quan tâm, tạo điều kiện cho Nhân dân trao đổi, bàn bạc, tháo gỡ, giải quyết có hiệu quả... tạo niềm tin mới, khí thế mới, quyết tâm và động lực mới của Nhân dân. Có được những kết quả đó xuất phát từ sự kiên trì và nghiêm túc thực hiện quan điểm “dân là gốc”; Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng và Nhà nước ta. Tổng kết thực tiễn sinh động, phong phú của 35 năm thực hiện đường lối đổi mới để khơi dậy ý chí, quyết tâm và sức mạnh của toàn dân tộc nhằm hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước hùng cường, thịnh vượng, Nghị quyết Đại hội XIII đã hoàn thiện, bổ sung thêm hai vấn đề lớn, vấn đề mới đó là “dân giám sát” và “dân thụ hưởng” vào phương châm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, trở thành một phương châm

hoàn chỉnh “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đây là hai vấn đề rất thực tiễn, rất trúng và đúng vừa khẳng định vấn đề phát huy quyền làm chủ của Nhân dân đã được Đảng chú trọng nhiều hơn và cũng khẳng định một chân lý rằng Đảng ta không có mục đích nào ngoài lợi ích dân tộc và cuộc sống ấm no, hạnh phúc của Nhân dân.

2. Giải pháp thực hiện tốt phương châm phát huy dân chủ ở cơ sở

Để phương châm phát huy dân chủ được đảm bảo thực chất, đi vào cuộc sống Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng yêu cầu: *“Tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ theo tinh thần Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở. Thực hiện tốt, có hiệu quả trên thực tế phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”⁽¹⁵⁾*. Theo đó, đối với cấp cơ sở cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, cấp ủy đảng, chính quyền, mỗi cán bộ, đảng viên cần phải nhận thức đầy đủ, toàn diện và sâu sắc về vai trò *“là chủ và làm chủ”* của Nhân dân, về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, từ đó cần: i) đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến để nâng cao trình độ hiểu biết về dân chủ cho các tầng lớp Nhân dân; ii) tạo cơ chế, môi trường để Nhân dân được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra, được giám sát, được thụ hưởng trên cơ sở thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở cơ sở, Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở; iii) phát huy vai trò người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, địa phương, các cơ quan, đoàn thể, đơn vị... trong thực hành

dân chủ, trước hết là trong các tổ chức đảng, chính quyền; đề cao vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu, của mỗi cán bộ, đảng viên.

Hai là, trong quá trình xây dựng và thực hiện mọi chương trình, kế hoạch, đề án... phát triển kinh tế, xã hội liên quan đến lợi ích của Nhân dân đòi hỏi mỗi cấp ủy, chính quyền, mỗi cán bộ, đảng viên trong tư duy và hành động phải thấu triệt quan điểm *“bất kỳ việc gì cũng vì lợi ích của Nhân dân”*⁽¹⁶⁾, *“Việc gì lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”*⁽¹⁷⁾. Từ đó, trong tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực; phải dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm, tất cả vì lợi ích của dân tộc, của Nhân dân.

Ba là, cấp ủy, chính quyền các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở cần phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”; nhất là các tổ chức chính trị - xã hội cần tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, đặc biệt là những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích thiết thực của Nhân dân; đồng bộ trong công tác kiểm tra, thanh tra Nhân dân và phối hợp với các hoạt động thanh tra của Nhà nước trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, chống các hành vi vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

Bốn là, đa dạng hóa các hình thức đảm bảo quyền làm chủ của người dân, theo hướng dân chủ trực tiếp. Trong quá trình thực hiện phương châm cần tổ chức sao cho phù hợp với trình độ nhận thức, đặc điểm văn hóa và hoàn cảnh sinh hoạt của các tầng lớp Nhân dân ở cơ sở.

Năm là, cần xử lý nghiêm các tổ chức, cán bộ, đảng viên làm mất dân chủ cơ sở hoặc ban hành các văn bản làm hạn chế quyền làm chủ của Nhân dân vi phạm quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân./.

CHÚ THÍCH:

- (1).(2). Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb CTQGST,H, tr.173.

- (3). Hồ Chí Minh (2011) toàn tập, tập 15, Nxb CTQG, Hà Nội, Tr. 611.

- (4),(5),(6),(7),(9).Hồ Chí Minh (2011) toàn tập, tập 6, Nxb CTQG, Hà Nội, Tr. 233.

- (8), (16). Hồ Chí Minh (2011) toàn tập, tập 5, Nxb CTQG, Hà Nội, Tr. 501, 285.

- (10),(11). <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-v-trinh-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-vi-cua-1491>.

- (12).<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-viii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-vii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-phan-thu-viii-cua-dang-1549>.

- (13),(14).<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Chi-thi-30-CT-TW-xay-dung-va-thuc-hien-Quy-che-dan-chu-o-co-so-127621.aspx>.

- (15). Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb CTQGST, H, tr.172 -173.

- (17). Hồ Chí Minh (2011) toàn tập, tập 4,
Nxb CTQG, Hà Nội, Tr. 51.

NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thị Loan*

Thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TW, ngày 09/3/2021 của Bộ Chính trị “Về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”, đồng thời xuất phát từ yêu cầu của việc đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu giảng dạy lý luận chính trị hiện nay, việc quán triệt, vận dụng những điểm mới trong nội dung Văn kiện Đại hội XIII vào việc nghiên cứu, giảng dạy Môn Đường lối, chính sách trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị là một yêu cầu thiết yếu. Để vận dụng những nội dung trong Văn kiện Đại hội XIII vào giảng dạy cần chú ý một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, quan điểm về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 đó là “khát vọng phát triển đất nước” và xác định mục tiêu “đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đây là điểm mới được thể hiện trong chủ đề của Đại hội XIII.

Đại hội XIII của Đảng đã thông qua nhiều Văn kiện quan trọng, trong đó có Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030. Chủ đề của Chiến lược là khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ đổi mới và sáng tạo; Đến năm 2025, là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; Đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Việc định hướng trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045 lần này không chỉ

tham vọng mà còn có sự thay đổi lớn. Đó là việc lấy theo chuẩn quốc tế và phân loại các quốc gia về trình độ phát triển của Ngân hàng Thế giới (WB) làm căn cứ đánh giá mục tiêu. Khác với trước đây, là đặt ra mục tiêu “trở thành nước công nghiệp hiện đại vào năm 2020” rồi mới

Đại hội XIII đã đưa ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

nguyên cứu, xây dựng bộ tiêu chí như thế nào là công nghiệp hiện đại. Điều này rất khó lượng hóa, lại gây khó hiểu cho người dân. Chính vì vậy, việc Đại hội XIII xác định mục tiêu như trên theo cách tiếp cận mới: Trình độ phát triển, trình độ công nghiệp và thu nhập bình quân đầu người, lấy chuẩn quốc tế để đánh giá được Việt Nam có đạt được mục tiêu hay không khi so sánh kết quả với những tiêu chí phân loại sẵn có của Ngân hàng Thế giới (WB), điều đó giúp cho chúng ta nhìn được mình đang ở đâu, có thay đổi hay không. Đây là tổng hợp cách tiếp cận của Đảng ta trong 35 năm đổi mới và phù hợp với cách tiếp cận của thế giới.

Thứ hai, quan điểm về phát triển kinh tế:

Kinh tế Việt Nam hiện chưa thực sự chuyển đổi được mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu mà vẫn đang trong

(*) Khoa Xây dựng Đảng

quá trình tiếp tục chuyển đổi. Đến nay, để tiếp tục tăng trưởng theo chiều rộng là khó bởi vì về cơ bản đã tận khai. Để đạt được mục tiêu 10 năm tới đây tăng trưởng kinh tế phải đạt trung bình 7%, cao hơn giai đoạn trước. Vì vậy, Đại hội XIII đã đưa ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông

dân văn minh. Thực hiện tốt hơn phát triển bền vững kinh tế biển. Xây dựng chiến lược, hoàn thiện thể chế phát triển đô thị và kinh tế đô thị. Thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

Về phát triển kinh tế, Báo cáo chính trị bổ sung, nhấn mạnh xây dựng hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh

của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Kinh tế thị trường là giá trị chung của nhân loại, được phát triển trong chủ nghĩa tư bản. Từ Đại hội IX, Đảng ta đã khẳng định: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kế thừa Đại hội XII, Văn kiện Đại hội XIII nêu: Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước

Mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội cũng được xác định trong Văn kiện Đại hội XIII: Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa Nhà nước, thị trường và xã hội có quan hệ chặt chẽ. Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế, bảo vệ quyền tài sản, quyền kinh doanh, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế.

pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế được nêu rõ trong Văn kiện Đại hội XIII: Kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được sử dụng phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước và cơ bản được phân bổ theo cơ chế thị trường. Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng, quốc phòng, an

ninh; hoạt động theo cơ chế thị trường, quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế; lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác có vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, nhất là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ, được hỗ trợ phát triển thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân hợp tác, liên kết với doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, kinh tế hộ; phát triển các công ty cổ phần có sự tham gia rộng rãi của các chủ thể xã hội, nhất là người lao động.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội cũng được xác định trong Văn kiện Đại hội XIII: Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa Nhà nước, thị trường và xã hội có quan hệ chặt chẽ. Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế, bảo vệ quyền tài sản, quyền kinh doanh, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế; tạo môi trường thuận lợi, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và thị trường hoạt động; điều tiết, định hướng, thúc đẩy kinh tế phát triển, gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các tiêu chuẩn, định mức và lực lượng kinh tế nhà nước phù hợp với các yêu cầu và quy luật của kinh tế thị trường. Thị trường đóng

vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hoá, dịch vụ; tạo động lực huy động, phân bổ các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông; điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém. Các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động, giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các thành viên; đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác khác; cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp Nhân dân với Nhà nước và tham gia phản biện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực thi pháp luật.

Về văn hóa, xã hội, Báo cáo chính trị bổ sung, nhấn mạnh: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam.

Thứ ba, quan điểm về phát triển con người và văn hóa – xã hội

Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.

Về văn hóa, xã hội, Báo cáo chính trị bổ sung, nhấn mạnh: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng

cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam. Giá trị hạnh phúc đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cao từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Quốc hiệu của nước ta là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Các văn kiện Đại hội XIII đề cao khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, đem lại hạnh phúc cho Nhân dân. Thế giới hiện nay rất coi trọng chỉ số hạnh phúc của người dân để đánh giá về sự tiến bộ, ưu việt của các quốc gia. Đây cũng là một điểm nhấn trong các văn kiện tại Đại hội XIII. Theo bảng xếp hạng chỉ số hạnh phúc (HPI) do Tổ chức nghiên cứu kinh tế xã hội New Economics Foundation (NEF) có trụ sở chính tại Vương quốc Anh công bố mới đây, Việt Nam đã vượt qua Bhutan để trở thành nước có chỉ số hạnh phúc thứ 5 thế giới và số 2 ở châu Á Thái Bình Dương⁽¹⁾.

Thứ tư, quan điểm về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ

Trong suốt 35 năm qua, kể từ sau đổi mới, trong quan điểm chỉ đạo, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định: khoa học và công nghệ, cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Đại hội XIII đề ra định hướng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ: Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tính thần bất kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

Thứ năm, quan điểm về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Báo cáo chính trị nhấn mạnh: Giữ vững độc lập, tự chủ, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ

quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biên, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Về bảo vệ Tổ quốc: Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh con người, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những nhân tố bất lợi, nhất là những nhân tố có thể gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Về đối ngoại: Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

Trước nhiệm vụ mới của sự nghiệp cách mạng, hiện nay toàn Đảng đang nỗ lực, tích cực triển khai học tập, phổ biến nội dung văn kiện Đại hội XIII đến tất cả cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Việc quán triệt, vận dụng những điểm mới trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy bộ môn Đường lối, chính sách trong chương trình Trung cấp LLCT là một việc làm hết sức cần thiết nhằm nâng cao nhận thức cho các đối tượng học viên là cán bộ, đảng viên, lãnh đạo, quản lý các cấp; là cách thiết thực để sớm đưa Nghị quyết Đại hội Đảng đi vào cuộc sống, tạo hiệu ứng lan tỏa sâu rộng để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội XIII đã đặt ra trong giai đoạn tới để phát triển đất nước./.

CHÚ THÍCH:

(1) HPI – Happy planet index – chỉ số hạnh phúc www.baoquocte.vn “Không phải Bhutan, Việt Nam chính là quốc gia hạnh phúc nhất châu Á” (4/3/2021)

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập 1, Tập 2), Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật.H, 2021.

NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG MỘT SỐ QUAN ĐIỂM MỚI VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

ThS. Vũ Tất Thành*

Quan điểm về quốc phòng – an ninh (QPAN) nói riêng và bảo vệ Tổ quốc nói chung là bộ phận quan trọng trong hệ thống quan điểm, đường lối lãnh đạo cách mạng của Đảng, là “ngọn đuốc soi đường, dẫn lối” cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình trong nước, khu vực, quốc tế và xu thế của thời đại, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định chính sách quốc phòng đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta; đồng thời bổ sung, phát triển những quan điểm cơ bản về QPAN bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới; thể hiện trên các nội dung: Mục tiêu, nhiệm vụ QPAN bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân. Vì vậy, nghiên cứu, vận dụng quan điểm, đường lối Đại hội XIII của Đảng về nhiệm vụ QPAN bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới vào giảng dạy lý luận chính trị hiện nay là cần thiết khách quan.

Nghị quyết TW8, khóa XI về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” của Đảng xác định mục tiêu bảo vệ Tổ quốc trong

tình hình mới là: “*Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hóa; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng XHCN*”⁽¹⁾.

Trên cơ sở tiếp tục phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị kết hợp với sức mạnh dân tộc

Trên cơ sở tiếp tục phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị kết hợp với sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục xác định mục tiêu cho nhiệm kỳ và những năm tiếp theo là: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ XHCN, nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị,... để phát triển đất nước theo định hướng XHCN...”

với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục xác định mục tiêu cho nhiệm kỳ và những năm tiếp theo là: “*Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng,*

Nhà nước, Nhân dân, chế độ XHCN, nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị,... để phát triển đất nước theo định hướng XHCN...”⁽²⁾; giai đoạn 2021-2030, Đại hội định hướng mục tiêu là: “*Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ*

(*) *Khoa Xây dựng Đảng*

vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ XHCN. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương,... “an ninh xã hội”... đây mạnh đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị”⁽³⁾. Như vậy, so với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung các nội dung “an ninh con người, “an ninh xã hội”, là những điểm mới trong tư duy của Đảng ta. Muốn đảm bảo được “an ninh con người” - làm cho mỗi con người trong xã hội được sống an toàn, ấm no và hạnh phúc, thì trước hết phải “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền...”, phải “... đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị” và “đảm bảo an ninh xã hội” - tức là đảm bảo sự phát triển của một xã hội có tổ chức, có kỷ cương, trên cơ sở pháp luật, bảo đảm sự ổn định thường xuyên của xã hội; bảo vệ an ninh xã hội là phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống những hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật gây mất ổn định chính trị xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước.

Đại hội XIII tiếp tục xác định: Cùng cố QPAN, bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta; bảo vệ toàn diện, cả phương diện tự nhiên - lịch sử, văn hóa và chính trị - xã hội trong chính thể thống nhất; có kế sách phòng, chống các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; quán triệt và xử lý tốt mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ. Đồng thời phải coi đây là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

“Củng cố QPAN, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống

chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Chú trọng an ninh, an toàn là một trong những yếu tố hàng đầu trong cuộc sống của người dân”⁽⁴⁾.

Khẳng định nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; văn hóa, tư tưởng là nền tảng của xã hội, nhưng

Khẳng định nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; văn hóa, tư tưởng là nền tảng của xã hội, nhưng không coi nhẹ nhiệm vụ củng cố QPAN bảo vệ Tổ quốc. Củng cố QPAN là cơ sở tiền đề tạo điều kiện thuận lợi cho nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế; kinh tế phát triển, đất nước mạnh lên sẽ là “phương thức hữu hiệu” để bảo vệ Tổ quốc; “chú trọng an ninh, an toàn... trong cuộc sống của người dân” đã làm sâu sắc hơn tư duy mới trong nội hàm “an ninh con người”.

không coi nhẹ nhiệm vụ củng cố QPAN bảo vệ Tổ quốc. Củng cố QPAN là cơ sở tiền đề tạo điều kiện thuận lợi cho nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế; kinh tế phát triển, đất nước mạnh lên sẽ là “phương thức hữu hiệu” để bảo vệ Tổ quốc; “chú trọng an ninh, an toàn... trong cuộc sống của người dân” đã làm sâu sắc hơn tư duy mới trong nội hàm “an ninh con người”. Đây là quan điểm lý luận cơ bản, chi phối, quy định toàn bộ các nội dung về QPAN bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đồng thời “Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Nỗ lực để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển”⁽⁵⁾. Như vậy, về mục tiêu, nhiệm vụ QPAN bảo vệ Tổ quốc, được Đại hội XIII xác định sức

mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; kết hợp sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; sức mạnh tổng hợp của đất nước cả về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, văn hóa, QPAN, đối ngoại; sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Đây là quan điểm, chủ trương thể hiện sâu sắc sự phát triển tư duy mới của Đảng đối với nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, là định hướng chiến lược để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN trong tình hình mới.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng là một trong những đột phá về tư duy và tổ chức thực hiện trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân của Đảng, nhằm tạo ra nguồn lực tổng hợp đảm bảo tốt nhất cho nhiệm vụ quốc phòng trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIII khẳng định: “Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng và phát huy mạnh mẽ “thế trận lòng dân” trong nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân; xây dựng và củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với QPAN và giữa QPAN với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh

vực kinh tế, VH-XH, QPAN, đối ngoại; trong từng địa phương, vùng, địa bàn chiến lược và trong từng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể”⁽⁶⁾.

Điều chỉnh, bổ sung, nâng cao hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng, tạo sức mạnh tổng hợp giữ vững ổn định chính trị - xã hội; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Xây dựng và củng cố các tuyến phòng thủ biên giới, biển, đảo; có cơ chế huy động nguồn lực từ địa phương và nguồn lực xã hội cho xây dựng tiềm lực quốc phòng tại các khu vực phòng thủ. Đặc biệt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030,

Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, tạo tiền đề vững chắc phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Điểm mới của Đại hội XIII, so với XII là: Đảng ta xác định chuyển từ trạng thái “từng bước hiện đại” sang “một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại”.

Đảng ta đã định hướng trong xây dựng tiềm lực QPAN là: “Phát triển công nghiệp QPAN theo hướng lưỡng dụng, **thực sự trở thành một mũi nhọn** của công nghiệp quốc gia; **ngiên cứu sản xuất vũ khí công nghệ cao**; tăng cường tiềm lực, tận dụng và đẩy mạnh phát triển liên kết công nghiệp QPAN và

công nghiệp dân sinh”⁽⁷⁾.

Việc xác định “phát triển công nghiệp QPAN... **thực sự trở thành một mũi nhọn** của công nghiệp quốc gia”; đồng thời “... **ngiên cứu sản xuất vũ khí công nghệ cao**” đã thể hiện tư duy mới, mang tính đột phá trong tầm nhìn chiến lược của Đảng ta về xây dựng tiềm lực quốc phòng.

Xây dựng Quân đội nhân dân, Đại hội XIII của Đảng xác định phương hướng, mục tiêu: “Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn

đầu năm 2030 xây dựng QĐND, CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Quân đội và Công an tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân; kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng, bảo đảm chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống”⁽⁸⁾. Đồng thời phải “nâng cao trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng trong mọi tình huống”⁽⁹⁾. Quân đội nhân dân đã được Đảng và Bác Hồ xác định: Quân đội ta là Quân đội cách mạng, “đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất”. Chức năng cơ bản đó đã được khẳng định và phát huy hơn 75 năm qua.

Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, tạo tiền đề vững chắc phần đầu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Điểm mới của Đại hội XIII, so với XII là: Đảng ta xác định chuyển từ trạng thái “từng bước hiện đại” sang “một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại”.

Đồng thời xác định mục tiêu phấn đấu: “đến năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”. Đây là tư duy rất mới trong việc định hướng xây dựng lực lượng Công an nhân dân phù hợp với xu thế, yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia cũng như tiềm lực của đất nước hiện nay. Đồng thời, để cụ thể hóa định hướng đó, Đại hội XIII cũng xác định lộ trình cụ thể: Đến năm 2025, cơ bản xây dựng

Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phần đầu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; đồng thời “Xây dựng, phát triển nền công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh hiện đại, lưỡng dụng, vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội”⁽¹⁰⁾, trong đó nhấn mạnh yếu tố **hiện đại**, xác định rõ **công nghiệp an ninh hiện đại**. Như vậy, tư duy về xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân được xác định với yêu cầu cao hơn.

Tóm lại, nghiên cứu, vận dụng quan điểm đường lối Đại hội XIII của Đảng về mục tiêu, nhiệm vụ QPAN bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới vào giảng dạy lý luận chính trị hiện nay ở Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa là cần thiết khách quan, đòi hỏi giảng viên cần quán triệt và vận dụng phù hợp với từng đối tượng học viên./.

CHÚ THÍCH

(1) ĐCS Việt Nam: Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 về Chiến lược BVTQ trong tình hình mới, H.2013, tr.3.

(2) ĐCS Việt Nam: Văn kiện Đại hội XIII, tập I, Nxb CTQGST, H.2021, tr.155-157;

Sđd: (3): tr.117; (4): tr.156; (5): tr.36; (6): tr.157; (7): tr.245; (8): tr.157,158; (9): tr.227; (10): tr.157; (11): tr.216,217; (12): tr.160 và (13): tr.160.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ĐCS Việt Nam: Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 về Chiến lược BVTQ trong tình hình mới, H.2013.

2. ĐCS Việt Nam: Văn kiện Đại hội XII, Nxb. CTQGST, H.2016

3. ĐCS Việt Nam: Văn kiện Đại hội XIII, Nxb CTQGST, H.2021

4. Bộ Quốc phòng: Sách trắng “Quốc phòng Việt Nam”, Nxb.ST, H, 2019.

5. Các tài liệu học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng./.

VẬN DỤNG NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN VÀ DÂN CHỦ THEO VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII VÀO GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

ThS. Nguyễn Thị Kiều Trang*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thành công rất tốt đẹp. Các văn kiện Đại hội đã được chuẩn bị rất công phu, bài bản, qua nhiều lần, nhiều vòng, có nhiều đổi mới quan trọng về nội dung và phương pháp. Nội dung các chuyên đề tập trung vào những vấn đề cốt lõi, nhận thức mới, tư duy mới trong các văn kiện, trong đó, các vấn đề về phát huy quyền làm chủ, sức mạnh đại đoàn kết của toàn dân và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng; những quyết sách, những quan điểm, chủ trương của Đảng về Nhân dân và công tác

dân vận đã được quan tâm xứng tầm, khẳng định rằng Đảng đã luôn coi trọng vai trò của công tác dân vận trong khơi dậy và củng cố niềm tin của Dân với Đảng.

Từ thực tiễn thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Đại hội XIII rút ra 5 bài học kinh nghiệm, trong mỗi bài học kinh nghiệm, Đại hội đều có những nhận thức mới. Trong đó nhận thức mới về Dân và công tác dân vận được đề cập ở Bài học thứ hai, cụ thể là:

- *Bài học thứ hai về Dân*. Nhận thức mới của bài học này là bổ sung “dân giám sát, dân thụ hưởng” và “lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân

dân làm mục tiêu phấn đấu”. Đại hội xác định: Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân

Nhân dân là trung tâm, là chủ của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; thắt chặt mối quan hệ mật thiết với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng; lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu; củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nhân dân là trung tâm, là chủ của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; thắt chặt mối quan hệ mật

thiết với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng; lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu; củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trong định hướng phát triển đất nước 10 năm tới, Báo cáo Chính trị có định hướng quan trọng về “đại đoàn kết toàn dân tộc: *“Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của Nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội;... ”*

(*) Khoa Xây dựng Đảng

Bên cạnh đó, Báo cáo Chính trị cũng xác định rõ hơn nhiệm vụ, giải pháp phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân với những điểm mới: *Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tính tích cực chính trị - xã hội, trí tuệ, quyền và trách nhiệm của Nhân dân tham gia xây dựng, chính đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức.*

Về công tác dân vận, trong nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác dân vận được chú trọng và tiếp tục đổi mới; quan điểm “dân là gốc”, là chủ thể của công cuộc đổi mới được nhận thức và thực hiện ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn; mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân được củng cố, tăng cường. Tuy nhiên, công tác dân vận có nơi, có lúc còn hạn chế; việc nắm bắt, đánh giá, dự báo tình hình, nhất là ở những địa bàn phức tạp chưa kịp thời, sâu sát. Công tác vận động, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước còn một số bất cập. Từ đó, Đại hội XIII xác định: *Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng; về phát huy vai trò của Nhân dân, Đại hội XIII xác định: Phát huy vai trò, sự tham gia của Nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và Nhân dân, giữa các vùng, địa phương; quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong xã hội.* Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hóa, thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân hưởng thụ”. Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc Nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt

động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên”.

Có thể nhận thấy, đây là những nội dung khá quan trọng, là sự nhận thức đúng đắn của Đảng về Nhân dân, dân chủ và công tác dân

về phát huy vai trò của Nhân dân, Đại hội XIII xác định: Phát huy vai trò, sự tham gia của Nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và Nhân dân, giữa các vùng, địa phương; quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong xã hội.

vận trước những yêu cầu, nhiệm vụ mới đặt ra, có thể được vận dụng vào công tác giảng dạy LLCT để phong phú thêm nội dung thực tiễn của bài giảng; góp phần đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đi vào thực tiễn cuộc sống.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “...Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông”. Điều đó cho thấy, nghiên cứu, vận dụng những nội dung Văn kiện là góp phần làm sáng tỏ thêm, làm phong phú thêm những vấn đề mang tính lý luận. Trong mỗi bài giảng, giảng viên cần phải luôn bám sát thực tiễn, sự chỉ đạo của Trung ương, cấp ủy địa phương dẫn chứng bằng nhiệm vụ, giải pháp mà Văn kiện đưa ra, sẽ tạo sự logic, chặt chẽ từng nội dung bài giảng, mang tính thực tiễn, từ đó góp phần giúp cho học viên dễ dàng tiếp thu những nội dung bài học. Vì vậy, để hoạt động này có hiệu quả, giảng viên cần tập trung vào một số cách thức sau:

Một là, quán triệt nghiêm túc quan điểm khách quan, toàn diện trong hoạt động nghiên cứu và giảng dạy lý luận chính trị. Thực hiện nguyên tắc này đòi hỏi mỗi nội dung giảng viên truyền đạt, phân tích phải xuất phát từ những cơ sở, căn cứ hết sức khách quan, tránh lối suy diễn áp đặt chủ quan, thiếu khoa học. Đồng thời phải được phân tích một cách toàn diện, với nhiều chiều cạnh, nhiều mối quan hệ chi phối tác động lẫn nhau, tránh phiến diện, một chiều dẫn đến siêu hình, máy móc, làm cho kiến thức bị sai lệch, méo mó, phản ánh không trung thực.

Hai là, vừa phải nắm vững những nội dung cốt lõi trong Văn kiện, chọn lọc

thông tin một cách chính xác, phù hợp để vận dụng linh hoạt vào từng bài, từng nội dung giảng dạy vừa tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm, tạo sự hấp dẫn, thu hút học viên theo phương châm dạy – học hiểu, vận dụng, xử trí, cùng với đó là phương thức tăng chủ động - tăng trao đổi - tăng xử lý tình huống.

Ba là, hoạt động giảng dạy lý luận chính trị đòi hỏi phải bảo đảm tính khoa học và tính thực tiễn. Vì vậy, trong giảng dạy giảng viên không chỉ dừng lại ở việc cung cấp những kiến thức được thể hiện trong giáo trình, mà còn phải vận dụng những quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp trong Văn kiện, từ đó, truyền thụ đến người học nhằm giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng và biến quan điểm, đường lối thành hành động cách mạng cụ thể, tư vấn cho người học biết cách vận dụng những kiến thức đó vào giải quyết những công việc diễn ra ở cơ sở.

Tóm lại, việc vận dụng những điểm mới về công tác dân vận theo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII vào giảng dạy LLCT là cần thiết góp phần làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn cũng như góp phần nâng cao nhận thức cho người học về công tác dân vận luôn là một bộ phận quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách

.Để sớm đưa nội dung Nghị quyết Đại hội vào thực tiễn cuộc sống, nói đi đôi với làm, thấm nhuần sâu sắc lời Bác Hồ dạy "kế hoạch 10 phần thì biện pháp 20 phần và quyết tâm 30 phần", biến những quyết định của Đại hội thành hiện thực sinh động trong thực tế, thành của cải vật chất, mang lại giàu có và hạnh phúc cho Nhân dân, như Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh trong phiên bế mạc Đại hội XIII. Toàn bộ những yêu cầu đó, quyết định ở ý thức, năng lực, thái độ và trách nhiệm của giảng viên trong vận dụng vào từng bài giảng.

mạng của Đảng, đặc biệt, trước đòi hỏi của thực tiễn và mục tiêu phát triển bền vững của Đảng, đất nước, công tác vận động Nhân dân càng phải được chú trọng, xây dựng lòng dân hướng về Đảng góp phần củng cố và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa

Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Để sớm đưa nội dung Nghị quyết Đại hội vào thực tiễn cuộc sống, nói đi đôi với làm, thấm nhuần sâu sắc lời Bác Hồ dạy “kế hoạch 10 phần thì biện pháp 20 phần và quyết tâm 30 phần”, biến những quyết định của Đại hội thành hiện thực sinh động trong thực tế, thành của cải vật chất, mang lại giàu có và hạnh phúc cho Nhân dân, như Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh trong phiên bế mạc Đại hội XIII. Toàn bộ những yêu cầu đó, quyết định ở ý thức, năng lực, thái độ và trách nhiệm của giảng viên trong vận dụng vào từng bài giảng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự Thật, Hà Nội- 2021.

CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ NĂM 1954

ThS. Lê Thị Huyền*
ThS. Trịnh Hoàng Minh**

Công tác tư tưởng đối với lực lượng vũ trang nhân dân là vấn đề quan trọng và có ý nghĩa quyết định đến sự lớn mạnh, trưởng thành và chiến thắng vẻ vang của lực lượng vũ trang nhân dân. Chính vì vậy, trong mỗi giai đoạn lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm, chú trọng đến công tác tư tưởng đối với lực lượng vũ trang. Công tác tư tưởng của Đảng bao gồm nhiều bộ phận, trong đó có 3 bộ phận chính đó là công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác tuyên truyền, công tác cổ động. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), công tác tư tưởng của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân được quan tâm chú trọng thực hiện từ trong những ngày đầu cuộc kháng chiến và được đẩy mạnh một bước cao nhất trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Trước khi bước vào trận chiến Điện Biên Phủ, ngay từ năm 1953, cục diện chiến trường Đông Dương đã có sự thay đổi lớn với lợi thế nghiêng về phía quân dân, tuy nhiên được đế quốc Mỹ tăng cường viện trợ, thực dân Pháp vẫn tìm mọi cách phản công quyết liệt nhằm giành lại quyền chủ động trên chiến

trường. Trước tình hình đó, cùng với việc đề ra và triển khai kế hoạch tác chiến, mở các chiến dịch trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ, công tác tư tưởng của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân cũng được đẩy mạnh một bước cao hơn với những hình thức và nội dung phong phú, đa dạng, đã góp phần tạo ra sức mạnh chính trị, tinh thần to lớn cho lực lượng vũ trang nhân dân trong chiến đấu và giành chiến thắng trong Chiến dịch Điện Biên

Công tác tư tưởng đối với lực lượng vũ trang nhân dân là vấn đề quan trọng và có ý nghĩa quyết định đến sự lớn mạnh, trưởng thành và chiến thắng vẻ vang của lực lượng vũ trang nhân dân.

Phủ. Trên cơ sở căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ của chiến dịch, công tác tư tưởng của Đảng đối với lực lượng vũ trang trong thời điểm này được tập trung vào các nội dung đó là:

Thứ nhất, về công tác giáo dục lý luận chính trị. Nội dung chủ yếu trong công tác giáo dục lý luận chính trị ở thời điểm này là việc quán triệt chủ trương tác chiến trong Đông Xuân 1953 - 1954 của Bộ Chính trị, về phương châm tác chiến “tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”; về chủ trương thay đổi phương châm từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc tiến chắc”; từ tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu đến việc chọn Điện Biên Phủ - nơi mạnh nhất của địch lúc đó để tiêu diệt địch.

(*)Khoa Xây dựng Đảng

(**) Khoa Nhà nước và Pháp luật

Đặc biệt, trong điều kiện hết sức khó khăn khi triển khai kế hoạch và phương án tác chiến ở Điện Biên Phủ, để có thể vượt qua được khó khăn và giành được thắng lợi thì đòi hỏi phải có một quyết tâm, niềm tin rất lớn vào chiến thắng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng trong công tác giáo dục lý luận chính trị của Đảng đối với lực lượng vũ trang lúc này là phải xác lập tư tưởng quyết

Trong điều kiện hết sức khó khăn khi triển khai kế hoạch và phương án tác chiến ở Điện Biên Phủ, để có thể vượt qua được khó khăn và giành được thắng lợi thì đòi hỏi phải có một quyết tâm, niềm tin rất lớn vào chiến thắng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta.

chiến, quyết thắng trong toàn bộ lực lượng vũ trang nhân dân để làm nên sức mạnh tổng hợp đánh thắng kẻ thù. Nhận thức rõ điều đó, ngay từ khi chuẩn bị cho việc mở chiến dịch và trong suốt quá trình chiến dịch diễn ra, trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho lực lượng vũ trang, Đảng đã rất quan tâm đến việc giác ngộ tinh thần dân tộc và giác ngộ giai cấp; thấu suốt đường lối, chủ trương quân sự, phương châm tác chiến và tư tưởng chiến thuật của Đảng; ý nghĩa, mục đích của chiến dịch và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng tinh thần quyết chiến quyết thắng trong lực lượng vũ trang. Đặc biệt, để khắc phục những khó khăn về sự chênh lệch của vũ khí giữa ta và địch, cùng với sự quan tâm đến việc rèn luyện kỹ thuật cho các binh chủng tham gia chiến dịch và tăng cường trang bị kỹ thuật cho họ, Đảng đã thường xuyên động viên các cán bộ, chiến sĩ nêu cao tinh thần triệt để cách mạng, tinh thần chiến đấu anh dũng, tinh thần chịu đựng gian khổ, vượt mọi khó khăn và tích cực học tập để nhanh chóng nắm vững và sử dụng tốt các binh khí kỹ thuật.

Cuộc tấn công vào Điện Biên Phủ là lần đầu tiên quân ta đánh vào một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của thực dân Pháp, lại phải chiến đấu kéo dài, liên tục trong những điều kiện gian khổ thiếu thốn về nhiều mặt; cùng với thời tiết không thuận lợi khiến trong cán bộ, chiến sĩ đã xuất hiện tâm lý hoang mang dao động, giảm sút ý chí tiến công, thiếu tích cực tiêu diệt địch, bi quan, hoài nghi thắng lợi,

đánh giá địch cao... Vì vậy, trong công tác giáo dục lý luận chính trị, Đảng ta đã tổ chức một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng đến tất cả cán bộ, chiến sĩ nhằm đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực

trong tất cả các đơn vị. Với tinh thần phê bình và tự phê bình nghiêm khắc, trung thực và thẳng thắn, cấp trên làm gương cho cấp dưới, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của nhau. Nhờ đó, tư tưởng hữu khuynh, tiêu cực từng bước được đẩy lùi.

Thứ hai, về công tác tuyên truyền và công tác cổ động. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác tuyên truyền tiếp tục phát huy vai trò to lớn của báo chí trong việc tuyên truyền cổ động các cán bộ, chiến sĩ chiến đấu anh dũng, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Đầu năm 1954, Tổng cục Chính trị đã chủ trương đưa một số phóng viên báo Quân đội nhân dân lên Tây Bắc để viết bài và xuất bản tại mặt trận. Dưới mỗi tờ báo đều có hàng chữ “*xuất bản tại mặt trận*”. Các bài báo đã trở thành một thứ vũ khí, một “*binh chủng*” đặc biệt tại mặt trận, đã góp phần to lớn vào sức mạnh tổng hợp của quân đội ta, để làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Ngoài ra, công tác tuyên

truyền tiếp tục phát huy hoạt động truyền đơn, khẩu hiệu, băng tin, tranh cổ động... đặc biệt là trong công tác địch vận, kêu gọi những người Việt đi lính cho Pháp “*Không theo giặc Pháp bắn đồng bào*”, “*Không làm bia đỡ đạn cho giặc Pháp*”, “*Anh em Khó đỡ hãy quay súng bắn lại giặc Pháp*”, “*Bỏ hàng ngũ giặc Pháp quay về với Tổ quốc*” đã đem lại hiệu quả rất tốt đối với chiến dịch. Kế thừa những giá trị văn hóa, văn nghệ đã có được trong giai đoạn trước của cuộc kháng chiến, hoạt động văn hóa, văn nghệ trong chiến dịch Điện Biên Phủ tiếp tục có bước tiến rõ rệt. Phong trào thơ ca, phong trào ca hát cũng được phát triển mạnh mẽ. Một số vở kịch của Đoàn văn công Tổng cục Chính trị đã được biểu diễn, trong đó tiêu biểu có vở hoạt kịch “*Hòn đá*” do Đỗ Nhuận và Mạnh Thắng sáng tác.

Bên cạnh đó, phong trào nêu cao vai trò gương mẫu của đội ngũ cán bộ và chi bộ Đảng trong khi chiến đấu luôn có tác động to lớn đối với việc động viên, cổ vũ tinh thần các chiến sĩ. Những tấm gương chiến đấu dũng cảm, kiên cường như lấy thân mình chèn pháo, lấp lỗ châu mai, làm giá súng.v.v. đã được nêu gương, phổ biến kịp thời, trở thành biểu tượng thôi thúc toàn thể cán bộ, chiến sĩ thi đua tiêu diệt địch trong toàn chiến dịch. Đồng thời, công tác tuyên truyền, cổ động tiếp tục phổ biến kịp thời những bức thư của Bác Hồ, của Đại tướng, của Ban chỉ huy trận địa và của đoàn thể để động viên tinh thần chiến đấu của các chiến sĩ. Cùng với đó là kịp thời giải quyết những thắc mắc cho các chiến sĩ, giải thích và giới thiệu những kinh nghiệm chiến đấu trên chiến trường để làm giảm bớt thương vong, nắm chắc mọi cơ hội để cổ động không ngừng tinh thần chiến đấu của các chiến sĩ, làm tăng thêm niềm tin của họ, không mất bình tĩnh.

Kết quả, trải qua 56 ngày đêm, với 3 đợt tấn công, ngày 7/5/1954, lá cờ Quyết chiến Quyết thắng của ta trên nóc hầm của tướng Đờ Cátxtori, chiến dịch Điện Biên Phủ giành thắng lợi. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ “*được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch-Đằng, một Chi-Lăng, hay một Đống-Đa*”

Trải qua 56 ngày đêm, với 3 đợt tấn công, ngày 7/5/1954, lá cờ Quyết chiến Quyết thắng của ta trên nóc hầm của tướng Đờ Cátxtori, chiến dịch Điện Biên Phủ giành thắng lợi. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ “được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch-Đằng, một Chi-Lăng, hay một Đống-Đa trong thế kỷ 20 và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi đột phá thành trì của hệ thống nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc”.

trong thế kỷ 20 và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi đột phá thành trì của hệ thống nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc”. Có nhiều nguyên nhân làm nên thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, trong đó có vai trò quan trọng của công tác tư tưởng của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác tư tưởng đã phát triển toàn diện với những hình thức và nội dung phong phú, đa dạng, tích cực, tạo ra sức mạnh chính trị, tinh thần của lực lượng vũ trang nhân dân - nhân tố có ý nghĩa quyết định đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Đây chính là những kinh nghiệm quý báu để Đảng ta tiếp tục nghiên cứu và vận dụng vào quá trình xây dựng vũ trang nhân dân Việt Nam càng tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới./.

BỒI DƯỠNG PHONG CÁCH LÀM VIỆC GẦN DÂN, SÁT DÂN, HẾT LÒNG HẾT SỨC PHỤC VỤ NHÂN DÂN CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ Ở TỈNH THANH HÓA

TS. Lê Văn Phong *
ThS. Bùi Đình Thành**

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn có lòng tin vững chắc vào sức mạnh của Nhân dân “Nước phải lấy dân làm gốc... Gốc có vững cây mới bền. Xây lâu thắng lợi trên nền Nhân dân”⁽¹⁾. “Khi Nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn”⁽²⁾. Nói về lòng dân, Hồ Chí Minh đúc kết: “Ta được lòng dân thì ta không sợ gì cả. Nếu không được lòng dân thì ta không thể làm tốt công tác”⁽³⁾ “được lòng dân, thì việc gì cũng làm được. Trái ý dân, thì chạy ngược chạy xuôi”⁽⁴⁾. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải tuyệt đối tin vào Nhân dân, phát huy trí dân, sức dân; gần gũi với Nhân dân, chăm lo lợi ích chính đáng của Nhân dân; hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân, đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết.

Xuất phát từ vị trí, vai trò của Nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng, trong suốt cuộc đời, Người luôn thể hiện phong cách làm việc gần dân, sát dân; tận tụy, hy sinh, phấn đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của Nhân dân. Trong Di chúc, Người viết: “Suốt đời tôi hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ Nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải

hối hận, chỉ tiếc là không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”⁽⁵⁾. Ở bất cứ hoàn cảnh, cương vị nào, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn hết lòng thương yêu, quý trọng, tin tưởng vào trí tuệ và sức mạnh của Nhân dân. Người khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ”, vì vậy: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”⁽⁶⁾.

Với Người, đất nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì. Từ đó, Người luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đội ngũ cán bộ xây dựng phong cách làm việc gần dân, sát dân; phải nêu cao tinh thần phục vụ Nhân dân, có trách nhiệm với Nhân dân, phấn đấu chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Người cán bộ, công chức phải thật sự là “công bộc” của Nhân dân; luôn gần dân, hiểu tâm lý, nguyện vọng của Nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Nhân dân, chống chủ nghĩa cá nhân, chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ; cây quyền, cây thế, dè dặt,

Xuất phát từ vị trí, vai trò của Nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng, trong suốt cuộc đời, Người luôn thể hiện phong cách làm việc gần dân, sát dân; tận tụy, hy sinh, phấn đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của Nhân dân.

(*) Trường Khoa Xây dựng Đảng

(**) Khoa Xây dựng Đảng

cưỡi cò dân. Từ quan điểm, Nhà nước được độc lập mà Nhân dân không được hưởng tự do, dân vẫn cứ chết đói, chết rét thì độc lập ấy chẳng có ý nghĩa gì. Là công bộc, là đầy tớ của dân thì Đảng, Chính phủ và mỗi cán bộ phải chăm lo cho đời sống của Nhân dân. Làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân có học hành.

Theo tư tưởng của Người, muốn phát huy dân chủ, thì Đảng, Chính phủ phải chăm lo, bồi dưỡng sức dân - cái gốc rễ, cái nền tảng bằng những việc làm thiết thực nhất để mang lại lợi ích, ấm no, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân. Người khẳng định: Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Vì thế, muốn có sức dân, lòng dân thì phải chăm lo đời sống của Nhân dân, đồng hành, hỗ trợ Nhân dân trong việc nâng cao trình độ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Theo đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khuyên cán bộ, đảng viên phải có trách nhiệm với dân, phải nhớ rằng làm cán bộ chứ không phải là làm quan cách mạng. Người đã nói rõ: Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của Nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm, Đảng và Chính phủ có lỗi.

Theo Người, để tạo nên sức mạnh của cách mạng, mỗi cán bộ, đảng viên phải thực hành phong cách làm việc gần dân, sát dân, hết lòng hết sức phục vụ đời sống Nhân dân, ba điều ấy có mối quan hệ mật thiết với nhau. Bởi vì, có gần dân, sát dân thì mới phát huy được dân chủ và phát huy được dân chủ cần phải dựa vào Nhân dân, huy động được sức dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói cách mạng là sự nghiệp của quần chúng Nhân dân.

Cán bộ, công chức cấp xã có vai trò hết sức quan trọng trong xây dựng và hoàn thiện bộ máy chính quyền cơ sở, là cầu nối trực tiếp của giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, đội ngũ thực hiện hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, đảm bảo cho các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, được triển khai thực hiện trong cuộc sống. Những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp ở tỉnh Thanh Hóa luôn chăm lo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, thông qua những chủ trương, chính sách nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, trung thực, trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Trước tháng 12 năm 2019, tỉnh Thanh Hóa, có 635 xã, phường, thị trấn, trong đó có 90 xã loại I, 277 xã loại II, 268 xã loại III, theo quy định, toàn tỉnh được giao 14.249 cán bộ, công chức cấp xã, đã bố trí được 13.610 cán bộ, công chức, trong đó cán bộ là 6.660 người, công chức là 6.950 người. Sau khi thực hiện Quyết định Số 1649/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Thanh Hóa đã sắp xếp 143 xã, phường, thị trấn thành 67 xã, phường, thị trấn, giảm 76 đơn vị (11,9%). Theo đó, toàn tỉnh hiện nay có 559 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 496 xã, 34 phường, 29 thị trấn. Số lượng của cán bộ, công chức cấp xã có 13.054 người, trong đó: Cán bộ 6.330 người, công chức 6.724 người; cán bộ, công chức nữ là: 4015 người, tổng số cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số là: 2.964 người ⁽⁷⁾.

Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Thanh Hóa trong thực thi công vụ đã nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với công việc, có lương tâm nghề nghiệp trong sáng, không ngừng học tập, rèn luyện đạo đức, chuyên môn; luôn có ý thức học tập nâng cao trình độ, kỹ năng, nghiệp vụ và phong cách làm việc. Trong đó, luôn chú trọng hoàn thiện phong cách làm việc gần dân, sát dân; hết lòng hết sức phục vụ Nhân dân được biểu hiện ở từng công việc cụ thể, từng quyết định lãnh đạo, chỉ đạo của cán bộ, công chức cấp xã. Việc gì có lợi cho Nhân dân thì ra sức làm, việc gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh; nhanh chóng giải quyết kịp thời những yêu cầu, kiến nghị hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, biết tập hợp Nhân dân, phát huy sức mạnh của dân. Qua đó, xây dựng hình ảnh đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Thanh Hóa gương mẫu, tận tụy; kỷ cương, thân thiện; gần dân, sát dân, vì Nhân dân phục vụ.

Ngoài ra, cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Thanh Hóa có ý thức tự giác thực hiện Quy định 47-QĐi/TW, ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Những điều đảng viên không được làm”; Quy định số 55-QĐi/TW, ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “Một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên”. Theo đó, trong quan hệ với Nhân dân luôn nêu cao ý thức trách nhiệm phục vụ Nhân dân; khách quan, công tâm giải quyết những lợi ích chính đáng của Nhân dân; lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, chủ động đối thoại với Nhân dân. Cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử trong giao tiếp với người dân, luôn tôn trọng, lắng nghe, tận tình giải thích và hướng

dẫn cận kề về quy trình xử lý công việc. Thực hiện nghiêm túc phương châm “4 xin, 4 luôn” - xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ, lịch sự. Kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện vô cảm, quan liêu, cửa quyền, hách dịch và các hành vi những nhiễu, gây phiền

Theo Người, để tạo nên sức mạnh của cách mạng, mỗi cán bộ, đảng viên phải thực hành phong cách làm việc gần dân, sát dân, hết lòng hết sức phục vụ đời sống Nhân dân, ba điều ấy có mối quan hệ mật thiết với nhau. Bởi vì, có gần dân, sát dân thì mới phát huy được dân chủ và phát huy được dân chủ cần phải dựa vào Nhân dân, huy động được sức dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói cách mạng là sự nghiệp của quần chúng Nhân dân.

hà Nhân dân. Do đó, tác phong làm việc của cán bộ, công chức ngày càng có trách nhiệm với Nhân dân và được Nhân dân tin tưởng.

Tuy nhiên, thực tiễn chỉ ra, vẫn còn một số cán bộ, công chức chậm đổi mới tác phong làm việc; ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm chưa cao; thái độ quan liêu, hách dịch, tham nhũng, lãng phí, xa rời Nhân dân, vô cảm với Nhân dân. Một bộ phận cán bộ công chức thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi lợi ích vật chất, lợi ích nhóm... xa rời Nhân dân, vi phạm đạo đức công vụ, vi phạm pháp luật. Trong quá trình thực thi công vụ vẫn còn một số cán bộ, công chức giải quyết công việc cho dân theo kiểu “ban ơn”, “ban phát”, chưa thực sự là quan hệ giữa người phục vụ và người được phục vụ, quan hệ thiếu bình đẳng, thiếu tôn trọng đối với Nhân dân; làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với đội ngũ cán bộ, công chức, với nền công vụ.

Từ đó, đặt ra yêu cầu bức thiết phải tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Thanh Hóa có phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển tỉnh Thanh Hóa trong nhóm dẫn đầu cả nước vào năm 2025, tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030 và trở thành cực tăng trưởng mới trong tứ giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh - Thanh Hóa. Trong đó, phải chú trọng công tác bồi dưỡng phong cách làm việc gần dân, sát dân; hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân, để mỗi cán bộ, công chức cấp xã thật sự là “công bộc” của dân, hết lòng hết sức phục vụ Nhân dân, phục vụ Tổ quốc, xây dựng Thanh Hóa thịnh vượng trong thời gian tới.

Về nội dung bồi dưỡng phong cách làm việc gần dân, sát dân; hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân, tập trung vào những vấn đề sau:

Một là, Bồi dưỡng tư tưởng trọng dân, xem dân là gốc của dân tộc Việt Nam; phải nêu gương nói đi đôi với làm; phải tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân đối với mỗi vị trí việc làm của cán bộ, công chức cấp xã.

Hai là, Bồi dưỡng về tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; quan điểm của Đảng về trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân; phương pháp, cách thức rèn luyện phong cách làm việc gần dân, sát dân cho cán bộ, công chức cấp xã. Từ đó, mỗi cán bộ, công chức cấp xã phải thấm nhuần sâu sắc tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng để thường xuyên giữ mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng Nhân dân, phải gương mẫu trong mọi lời nói, hành động, nói đi đôi với làm, đề cao tự phê bình và phê bình, thường xuyên đổi mới phong cách, phương pháp, thái độ, tác phong tiếp xúc với Nhân dân, phải thật sự tôn

trọng quyền làm chủ của Nhân dân, lắng nghe dân nói và biết nói cho dân nghe, thực sự “là người đầy tớ trung thành của Nhân dân”, đem lại lợi ích cho dân, làm cho dân thực sự tin yêu Đảng, tin yêu cán bộ, công chức.

Ba là, Bồi dưỡng phương pháp, kỹ năng, đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức cấp xã. Từ đó, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, thuận lợi, hay khó khăn cũng phải tận tâm, tận lực với Nhân dân; không ngại khó khăn, gian khổ, tránh biểu hiện vô cảm, vô trách nhiệm trong phục vụ Nhân dân; phải luôn khắc ghi lời dạy của Người: “Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”⁽⁸⁾.

Về hình thức bồi dưỡng:

Một là, Bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm: Mỗi cấp ủy, chính quyền cần nhận thức sâu sắc về vị trí, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã. Từ đó, chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng chức danh, vị trí việc làm của cán bộ, công chức. Nhất là, phải gắn quy hoạch cán bộ với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo tiêu chuẩn chức danh.

Dựa vào nhu cầu, đối tượng bồi dưỡng để xác định rõ mục tiêu, nội dung, địa điểm, hình thức và phương pháp bồi dưỡng theo hướng thiết thực và hiệu quả (Bồi dưỡng đạt mục tiêu gì? Nội dung bồi dưỡng? thời gian bồi dưỡng? hình thức bồi dưỡng?...). Nội dung, chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã phải tuân thủ, thống nhất với mục tiêu, yêu cầu bồi dưỡng của Bộ Nội vụ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Hành chính quốc gia. Bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Thanh Hóa tập trung ở

Trường Chính trị tỉnh và các trung tâm chính trị cấp huyện. Qua hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được trang bị cơ bản, hệ thống về kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc để vận dụng vào quá trình thực thi công vụ, hình thành và hoàn thiện phong cách làm việc gần dân, sát dân; hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân.

Hai là, Tập huấn, học tập chuyên đề: Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở Thanh Hóa hằng năm được tập huấn tại Trường Chính trị tỉnh và các trung tâm Chính trị cấp huyện. Chú trọng bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, kết hợp với nhiều hình thức bồi dưỡng theo chức danh, vị trí việc làm theo hướng gắn lý thuyết với kỹ năng xử lý thực tế đối với từng chức danh; tăng lượng kiến thức về tư duy và tầm nhìn chiến lược, nhận thức và giải pháp ứng xử, đề phòng, giải quyết các vấn đề nảy sinh. Bên cạnh đó, đặc biệt coi trọng việc nâng cao hiệu quả công tác quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đội ngũ cán bộ, công chức nhằm nâng cao trình độ tư duy, củng cố kiến thức lý luận và nền tảng tư tưởng.

Ba là, Bồi dưỡng thông qua hoạt động thực tiễn, tọa đàm, trao đổi: Phương pháp bồi dưỡng này thường gắn với vị trí công tác của từng cán bộ, công chức cấp xã. Giúp mỗi cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Thanh Hóa tích lũy kinh nghiệm, phát triển năng lực cá nhân, kỹ năng rèn luyện phong cách làm việc. Đồng thời, kết hợp với các hoạt động tọa đàm, trao đổi để cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp gặp gỡ và giao lưu, trao đổi, học hỏi các điển

hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm sáng tạo trong thực thi công vụ, từ đó, rèn luyện phong cách làm việc gần dân, sát dân; hết lòng phục vụ Nhân dân.

Bốn là, Thông qua công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết rút kinh nghiệm của các tổ chức đảng và chính quyền cấp xã: Đây là hình thức cần được tiến hành thường xuyên, nhằm phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; sự tham gia giám sát, góp ý kiến của các tổ chức, Nhân dân về phong cách làm việc gần dân, sát dân; hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức.

Năm là, Tổ chức các hội thi, hội thảo về học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Qua hình thức này, giúp cán bộ, công chức nhận thức sâu sắc về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để tích cực học tập, rèn luyện hình thành và phát triển phong cách làm việc gần dân, sát dân; hết lòng hết sức phục vụ Nhân dân theo phong cách Hồ Chí Minh trong thực thi công vụ.

CHÚ THÍCH:

- (1). Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2011, t.5, tr.501-502,
- (2). Hồ Chí Minh: toàn tập, Sdd, t.7, tr.270.
- (3) Hồ Chí Minh: toàn tập, Sdd, t.15, tr.142
- (4) Hồ Chí Minh: toàn tập, Sdd, t.8, tr.163.
- (5) Hồ Chí Minh: toàn tập, Sdd, t.15, tr.615.
- (6). Hồ Chí Minh. toàn tập, Sdd, t6, tr.232.
- (7). Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa. Báo cáo tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát về đạo đức công vụ của cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Thanh Hóa, năm 2019.
- (8). Hồ Chí Minh. toàn tập, Sdd, t4, tr.51.

DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐẾN QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

ThS. Lê Nữ Sinh *

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Tư tưởng về dân chủ và phát huy dân chủ là tư tưởng bao trùm và xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời, đây cũng là tư tưởng có ý nghĩa chỉ đạo đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước hiện nay.

Dân chủ được Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích ngắn gọn, súc tích là dân là chủ và dân làm chủ. Trong một đất nước dân chủ thì địa vị cao nhất là dân, dân là quý nhất, lực lượng Nhân dân là mạnh nhất. Người cho rằng, một nhà nước dân chủ, hợp pháp phải là một nhà nước thật sự đại diện cho dân, do toàn dân cử ra và quản lý xã hội bằng pháp luật, một Nhà nước vững mạnh, có hiệu lực phải là một Nhà nước làm cho mọi người dân biết sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; mặt khác Nhà nước đó “phải dựa vào Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của Nhân dân”, “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”⁽¹⁾. Dân là

Dân chủ được Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích ngắn gọn, súc tích là dân là chủ và dân làm chủ. Trong một đất nước dân chủ thì địa vị cao nhất là dân, dân là quý nhất, lực lượng Nhân dân là mạnh nhất.

chủ và làm chủ toàn diện trên mọi lĩnh vực: về chính trị, dân phải có quyền bầu cử, ứng cử, bãi miễn... Về kinh tế, dân có quyền “làm chủ tư liệu sản xuất” từ đó có quyền “làm chủ việc quản lý kinh tế”, “làm chủ việc phân phối sản phẩm”... Về văn hóa, dân được tự do học tập, dân là chủ thể sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa,...

Phát huy dân chủ là phát huy tài dân, sức dân. Do đó, phải phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, làm sao cho họ có năng lực làm chủ, biết hưởng, dùng quyền dân chủ, dám nói, dám làm. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “điều quan trọng nhất là để cho dân nói. Dân biết nhiều việc mà các cấp lãnh đạo không biết. Việc gì cũng phải bàn với dân; dân sẽ có ý kiến hay”⁽²⁾. Phải phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong chế độ xã hội hiện thực, trong cuộc sống đời thường, cán bộ đảng viên phải luôn ý thức được vị trí của mình là những công bộc của Nhân dân. Trong chế độ Dân chủ Cộng hòa, dân là chủ, thì Đảng, Chính phủ, cán bộ từ Trung ương đến địa phương đều phải phụng sự Nhân dân, là công bộc của dân, “sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của Nhân dân”⁽³⁾, chú trọng xây dựng một Nhà nước của dân,

(*) Khoa Lý luận cơ sở

do dân, vì dân. Khẳng định nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do Nhân dân làm chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời cũng khẳng định Nhân dân có *quyền lợi* làm chủ, thì phải có *nghĩa vụ* làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân, tức là phải:

Tuân theo pháp luật Nhà nước, tuân theo kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự chung, đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung; hăng hái tham gia công việc chung, bảo vệ Tổ quốc; phải chú ý tôn trọng và bảo vệ tài sản công cộng, vì tôn

trọng và bảo vệ tài sản công cộng là nhiệm vụ thiêng liêng của mọi người công dân.

Quán triệt, vận dụng và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, quan điểm xuyên suốt của Đảng ta đó là: “*Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước*”⁽⁴⁾. Để đáp ứng yêu cầu mở rộng dân chủ, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng mở đầu công cuộc đổi mới đã đề ra phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” và đúc kết bài học kinh nghiệm: Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “*lấy dân làm gốc*”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân lao động.

Các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc từ Đại hội VII đến Đại hội XI đã nhấn mạnh yêu cầu xây dựng cơ chế phát huy dân chủ trong tất cả các lĩnh vực, nhất là phát huy dân chủ ở cơ sở.

Ngày 18/02/1998, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW, về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Thể chế hóa các chủ trương, quan điểm của Chỉ thị số 30-CT/TW, các cơ quan Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm đẩy

manh thực hiện dân chủ ở cơ sở: Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận và năm 2007, ban hành Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Chính phủ đã ban hành, bổ sung, sửa

đổi, thay thế nhiều nghị định về quy chế thực hiện dân chủ các loại hình cơ sở, hiện nay đang thực hiện Nghị định số 149/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 về quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc và Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Đây là những văn bản pháp lý quan trọng, đang có hiệu lực thi hành, góp phần đưa các nội dung, quan điểm của Đảng ta về thực hành và phát huy dân chủ đi vào cuộc sống.

Tiếp nối quan điểm của Đảng qua các kỳ đại hội, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng tiếp tục nêu rõ: “*Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân*”⁽⁵⁾, “*Thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”*”⁽⁶⁾.

Đến đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, khi đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, nhiệm kỳ 2016-2021 và tổng kết 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước,

Tiếp nối quan điểm của Đảng qua các kỳ đại hội, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng tiếp tục nêu rõ: “Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân”, “Thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII trình bày tại Đại hội đã khẳng định những kết quả trong việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta là: Thực hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ của Nhân dân trong quyết định những vấn đề lớn và hệ trọng của đất nước. Tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp năm 2013; gắn quyền công dân với

nghĩa vụ và trách nhiệm công dân đối với xã hội. Tăng cường bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tổ chức và công dân, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Chú trọng thực hiện dân chủ cả trực tiếp và đại diện, nhất là ở cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình. Người đứng đầu ở nhiều cấp ủy đảng, chính quyền đã tăng cường tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe, tiếp thu, giải quyết những bức xúc và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

Bên cạnh đó, Báo cáo Chính trị cũng chỉ rõ những hạn chế còn tồn tại trong phát huy dân chủ như: Các nguồn lực, tiềm năng sáng tạo của Nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chưa được phát huy tốt. Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có mặt chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới, chưa thật sâu sát các tầng lớp Nhân dân và cơ sở; chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội chưa đều. Một số tổ chức cơ sở đảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa gương mẫu, chưa thực sự tôn trọng ý kiến, kiến nghị của Nhân dân

và giải quyết kịp thời các quyền lợi, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân. Quyền làm chủ của Nhân dân có lúc, có nơi còn bị vi phạm; vẫn còn biểu hiện dân chủ hình thức, tách rời dân chủ với kỷ cương, pháp luật.

Những quan điểm, chủ trương của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã được thể hiện một cách rõ ràng, khoa học, là sự chỉ đạo quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu bước phát triển mới của đất nước, định hướng tương lai bằng việc phát huy tối đa dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ thực trạng đó, trên cơ sở nhất quán, kiên định tư tưởng đề cao nhân tố con người, đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã có

những quan điểm chỉ đạo về việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân với những điểm mới cơ bản sau:

Một là, xác định rõ hơn nhiệm vụ, giải pháp phát huy dân chủ: “*Tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ theo tinh thần Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân. Thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở*”⁽⁷⁾. Trong đó, phương châm thực hiện dân chủ được bổ sung thêm “*dân giám sát, dân thụ hưởng*” trở thành “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”.

Hai là, xác định rõ hơn vai trò “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt” để Nhân dân làm chủ. Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của Nhân dân.

Ba là, khẳng định “*vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân trong chiến lược*

phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽⁸⁾ và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước là nền tảng chính trị, pháp lý để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, ngoại giao nhân dân; động viên Nhân dân tham gia phát triển kinh tế; góp phần quản lý xã hội thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các hoạt động tự quản cộng đồng; xây dựng, quản lý, thụ hưởng văn hóa.

Bốn là, nêu rõ yêu cầu: “Cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức nêu gương thực hành dân chủ, tuân thủ pháp luật, đề cao đạo đức xã hội”; trên cơ sở đó *“xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của Nhân dân”⁽⁹⁾*. Đặc biệt, Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã bổ sung mối quan hệ lớn thứ mười là quan hệ giữa *“thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”*. Yêu cầu đặt ra và giải quyết mối quan hệ này chính là nhằm thực hành đầy đủ chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa đồng thời và không tách rời việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương xã hội, thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định pháp luật, bảo đảm một trong những điều kiện căn bản cho một xã hội hài hòa, cuộc sống hạnh phúc của Nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

Tóm lại, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân chủ là tài sản quý báu mà Đảng ta đã, đang quán triệt, vận dụng và phát triển trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng kể từ

khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền. Những quan điểm, chủ trương của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã được thể hiện một cách rõ ràng, khoa học, là sự chỉ đạo quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu bước phát triển mới của đất nước, định hướng tương lai bằng việc phát huy tối đa dân chủ xã hội chủ nghĩa. Với định hướng đúng đắn, khát vọng phát triển mạnh mẽ và quyết tâm chính trị cao, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nhất định sẽ lập nên thành tựu phát triển mới vì một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, cùng tiến bước, sánh vai với các cường quốc năm châu, thực hiện thành công tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng của toàn dân tộc ta./.

CHÚ THÍCH

- (1) Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1, tr.473
- (2) Hồ Chí Minh: toàn tập, Sđd, t.15, tr.526
- (3) Hồ Chí Minh: toàn tập, Sđd, t.7, tr.50
- (4) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 84-85
- (5) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 169; tr. 170
- (6) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.170.
- (7) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr. 172.
- (8) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, sđd, t.1, tr.173.
- (9) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, sđd, t.1, tr. 174

QUYỀN BẦU CỬ - CỤ THỂ HÓA QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP 2013

Đào Thị Kim Thanh *

Nguyễn Thị Quy**

Bầu cử là phương thức, cách thức tốt nhất để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước, thực hiện quyền làm chủ xã hội. Cho đến nay ở tất cả các nước trên thế giới không có phương thức nào tốt hơn bầu cử dân chủ để thiết lập bộ máy nhà nước. Công tác bầu cử đánh giá trình độ, mức độ dân chủ của một chế độ; bầu cử phản ánh chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa của một quốc gia, dân tộc.

Ở Việt Nam, bầu cử là một trong những quyền chính trị cơ bản của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận và được xác định là quyền quan trọng nhất trong các quyền chính trị của công dân; là phương thức thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói chung và thành lập cơ quan quyền lực nhà nước ở Trung ương và địa phương nói riêng.

Ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ghi nhận: “Tất cả công dân Việt Nam, từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt gái trai, đều có quyền bầu cử, trừ những người mất trí và những người mất công quyền; Người ứng cử phải là người có quyền bầu cử, phải ít ra là 21 tuổi, và phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ; Công dân tại ngũ cũng có quyền bầu cử và ứng cử” (Điều 18 Hiến pháp 1946).

Kế thừa Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp 1959 tại điều 23 quy định: “Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, không phân biệt dân tộc, nòi giống, nam nữ, thành phần xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, tình trạng tài sản, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, từ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử, từ hai mươi tuổi trở lên đều có quyền ứng cử, trừ những người mất trí và những người bị Tòa án hoặc pháp luật tước quyền bầu cử và ứng cử. Công dân đang ở trong quân đội có quyền bầu cử và ứng cử”.

Tinh thần của Hiến pháp 1959 tiếp tục được thể hiện tại Điều 57, Hiến pháp 1980: “Công dân không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, từ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và từ hai mươi một tuổi trở lên đều có thể được bầu vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, trừ những người mất trí và những người

Ở Việt Nam, bầu cử là một trong những quyền chính trị cơ bản của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận và được xác định là quyền quan trọng nhất trong các quyền chính trị của công dân; là phương thức thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói chung và thành lập cơ quan quyền lực nhà nước ở Trung ương và địa phương nói riêng.

bị pháp luật hoặc Tòa án nhân dân tước các quyền đó”. Một lần nữa, những quy định này được thể hiện khái quát hơn, chặt chẽ hơn tại Điều 54, Hiến pháp 1992: “Công dân, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở

(*) PTK Nhà nước và Pháp luật

(**) GV Khoa Nhà nước và Pháp luật

lên đều có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật”.

Hiến pháp mới 2013 tiếp tục ghi nhận, kế thừa và có bước phát triển, hoàn thiện quy định về quyền bầu cử. Điều 27, quy định: “*Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định*”.

Như vậy, sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quy định của 05 bản Hiến pháp về quyền bầu cử của công dân đó là tính “*bình đẳng*” giữa các công dân trong thực hiện quyền chính trị cơ bản nhất, thể hiện vị trí là chủ và vai trò làm chủ của công dân trong xây dựng, xác lập bộ máy nhà nước.

Để cụ thể hóa quy định của Hiến pháp 2013, tạo căn cứ pháp lý cho công dân thực hiện quyền bầu cử, ngày 25 tháng 06 năm 2015 Quốc hội đã ban hành đạo luật số 85/2015/QH13: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (gọi tắt là Luật Bầu cử). Trong đó, xác định cụ thể chủ thể có quyền bầu cử, ứng cử; Điều kiện thực hiện quyền bầu cử, ứng cử; trình tự, thủ tục thực hiện quyền bầu cử, ứng cử; Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tổ chức bầu cử... Đặc biệt, Luật Bầu cử đã thể hiện rõ tinh thần gắn kết quyền bầu cử với quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của Hiến pháp.

Rõ nét nhất, Khoản 5, Điều 29 của Luật Bầu cử quy định: “*Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử*

tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc”. Đây chính là điểm mới nổi bật đánh dấu việc đảm bảo quyền con người, quyền công dân trong bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ở Việt Nam theo quy định của Hiến pháp. Việc quy định này dựa trên những căn cứ mang tính Hiến định như sau:

Thứ nhất, Điều 16, Hiến pháp 2013 quy định: “(1) *Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.* (2) *Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội*”.

Thứ hai, đối với người bị tạm giam, tạm giữ cũng được thực hiện quyền bầu cử vì về mặt pháp lý những người này chưa phải là Tội phạm. Khoản 1, Điều 31 Hiến pháp 2013 quy định: “*Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*”. Cụ thể hóa quy định này của Hiến pháp, Điều 13

Để cụ thể hóa quy định của Hiến pháp 2013, tạo căn cứ pháp lý cho công dân thực hiện quyền bầu cử, ngày 25 tháng 06 năm 2015 Quốc hội đã ban hành đạo luật số 85/2015/QH13: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (gọi tắt là Luật Bầu cử). Trong đó, xác định cụ thể chủ thể có quyền bầu cử, ứng cử; Điều kiện thực hiện quyền bầu cử, ứng cử; trình tự, thủ tục thực hiện quyền bầu cử, ứng cử; Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tổ chức bầu cử...

(Suy đoán vô tội), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng quy định: “*Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*”. Đồng thời Bộ luật Tố tụng hình sự cũng đã quy định nguyên tắc “*Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân*” trong tố tụng hình sự.

Như vậy, người bị tạm giữ, tạm giam là những người đang bị áp dụng biện pháp hình sự để phục vụ cho công tác điều tra chứ hoàn toàn chưa có đủ chứng cứ chứng minh và chưa có bản án kết tội đã có hiệu lực của Tòa án, do đó chưa bị coi là có tội và không bị tước quyền bầu cử.

Nhằm đảm bảo thực hiện quy định của Luật Bầu cử và tính thống nhất trong quy định của cả hệ thống pháp luật, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 đã mở rộng nhiều quyền, chế độ cho người bị tạm giữ, tạm giam, trong đó có quyền bầu cử. Cụ thể, Điểm b, Khoản 1, Điều 9 quy định người bị tạm giữ, tạm giam có quyền *“được thực hiện quyền bầu cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, quyền bỏ phiếu trưng cầu ý dân theo quy định của Luật Trưng cầu ý dân”*.

Thứ ba, đối với người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc là những người đang bị áp dụng các biện pháp hành chính theo quyết định hành chính do đó hoàn toàn không có căn cứ pháp lý để tước quyền bầu cử của họ.

Không chỉ quy định về quyền bầu cử, Luật Bầu cử còn có quy định nhằm đảm bảo tối đa việc khôi phục quyền bầu cử của công dân bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc. Cụ thể, Khoản 4, Điều 30, Luật Bầu cử quy định những người này nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách, cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

Bên cạnh những trường hợp nêu trên, Luật Bầu cử còn quy định có những đối tượng đã là tội phạm hình sự nhưng vẫn được thực hiện quyền bầu cử. Bao gồm:

Một là, người bị kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo.

Khoản 1, Điều 30 của Luật Bầu cử quy định: *“Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp*

hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri”. Như vậy, công dân đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo, nếu không bị tước quyền bầu cử (trong bản án không ghi hình phạt bị tước quyền bầu cử) vẫn có quyền bầu cử và được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi mình cư trú để tham gia bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

Hai là, người bị kết án phạt tù nhưng được hoãn chấp hành hình phạt tù hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 30, Luật Bầu cử thì một trong những đối tượng không được ghi tên vào danh sách cử tri phải là ***người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo***. Như vậy, những người bị kết án phạt tù nhưng được hoãn chấp hành hình phạt tù hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thì không được tính là đang trong thời hạn chấp hành hình phạt tù và vẫn được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử.

Những quy định đối với hai trường hợp trên cho thấy ở Việt Nam có những công dân khi đã là Tội phạm nhưng nếu không bị tước quyền bầu cử và đang trong tình trạng “tự do thân thể” vẫn được đảm bảo quyền bầu cử. Những quy định này không chỉ thể hiện tính chất, mức độ dân chủ trong chính trị mà còn thể hiện rõ nét mức độ tôn trọng tối đa quyền con người trong thực hiện quyền bầu cử của công dân.

Từ các phân tích nêu trên, có thể khẳng định Luật Bầu cử đã thể hiện rõ tinh thần ***Bảo hiến*** một cách rõ ràng về quyền con người, quyền công dân trong quyền bầu cử - quyền chính trị cơ bản nhất, quan trọng nhất. Điều này là minh chứng rõ nét cho quy định tại điều 14, Hiến pháp 2013: *“Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”*./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở CÁC HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA

ThS. Nguyễn Thị Lan Hương *

Khu vực các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa có diện tích tự nhiên trên 7.985km², chiếm khoảng 71,8% diện tích toàn tỉnh. Toàn khu vực có 11 huyện với 1.579 thôn, bản thuộc 175 xã, thị trấn (trước sáp nhập là 196 xã, thị trấn); trong đó có 790/867 thôn đặc biệt khó khăn; có 6 huyện thuộc các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ; 95 xã và 127/181 thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135, giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Toàn khu vực hiện có 07 dân tộc chủ yếu cùng sinh sống, gồm: Kinh, Mường, Thái, Thổ, Mông, Dao và Khơ Mú, với tổng số dân khoảng 927 nghìn người, chiếm 25,3% dân số toàn tỉnh; trong đó có hơn 670 nghìn người dân tộc thiểu số (DTTS). Là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh của cả nước nói chung và của tỉnh Thanh Hóa nói riêng.

Xác định phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh khu vực miền núi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh, trong những năm qua, Tỉnh ủy, UBND, HĐND tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nhanh và bền vững khu vực miền núi, cụ thể như: Nghị quyết số 09/NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về

“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hóa đến năm 2020”; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2013-2020; Đề án phát triển cây trồng, vật nuôi có lợi thế phát triển trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020; Đề án thực hiện chính sách đặc thù

Thời gian qua, các huyện miền núi của tỉnh đã có những bước phát triển toàn diện, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) trên địa bàn các huyện bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 8,8%, tăng 0,3% so với giai đoạn 2011 - 2015; quy mô kinh tế của huyện năm 2020 đạt 36.896 tỷ đồng, chiếm 15,6% quy mô GRDP của tỉnh; cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch tích cực: tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm từ 37,8% (năm 2016) xuống 34,4% (năm 2020); tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 31% (năm 2016) lên 34% (năm 2020); ngành dịch vụ tăng từ 31,2% (năm 2016) lên 31,6% (năm 2020). Sản xuất nông, lâm, thủy sản đã phát triển tương đối toàn diện, tổng sản lượng lương thực có hạt bình quân giai đoạn 2016 -2020 đạt 383.226 tấn, tăng 9.661 tấn so với giai đoạn 2011 -2015.

hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2018-2020... Vì vậy, trong thời gian qua, các huyện miền núi của tỉnh đã có những bước phát triển toàn diện, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) trên địa bàn các huyện bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 8,8%, tăng 0,3% so với giai đoạn 2011 - 2015;

(*) Phó Trưởng Khoa Lý luận cơ sở

quy mô kinh tế của huyện năm 2020 đạt 36.896 tỷ đồng, chiếm 15,6% quy mô GRDP của tỉnh; cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch tích cực: tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm từ 37,8% (năm 2016) xuống 34,4% (năm 2020); tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 31% (năm 2016) lên 34% (năm 2020); ngành dịch vụ tăng từ 31,2% (năm 2016) lên 31,6% (năm 2020). Sản xuất nông, lâm, thủy sản đã phát triển tương đối toàn diện, tổng sản lượng lương thực có hạt bình quân giai đoạn 2016 -2020 đạt 383.226 tấn, tăng 9.661 tấn so với giai đoạn 2011 -2015⁽¹⁾. Trồng trọt đã tập trung phát triển các loại cây trồng chủ lực phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng trên địa bàn, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chăn nuôi có sự chuyển biến rõ nét, chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung, quy mô lớn gắn với bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo hướng an toàn bền vững. Lâm nghiệp phát triển theo hướng xã hội hóa nghề rừng, chuyển từ khai thác rừng tự nhiên sang bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và khai thác bền vững rừng trồng. Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng trưởng nhanh và ổn định, giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh năm 2010 tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 22,2%, cao hơn so với tốc độ tăng bình quân của tỉnh (17,2%); năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 4.309 tỷ đồng gấp 2 lần so với năm 2016. Tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề được quan tâm phát triển, hình thành nhiều tổ hợp tác, hợp tác xã liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ, qua đó tạo điều kiện phát triển nhiều ngành nghề truyền thống, du nhập một số nghề mới, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và chuyển dịch cơ cấu lao động trong khu vực. Du lịch cũng đã có mức tăng đáng kể, giai đoạn 2016-2020, các huyện miền núi đã đón 5,7 triệu lượt khách du lịch, tốc độ tăng trưởng bình quân 6,2%/năm; tổng thu du lịch đạt 6.780 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 12,2%/ năm. Tính đến hết năm 2020, có 125 cơ sở lưu trú du lịch với 2.250 phòng và 106

hộ kinh doanh dịch vụ homestay đã góp phần nâng cao chất lượng và năng lực cung cấp dịch vụ cho du khách. Nhờ tập trung phát triển sản xuất kinh doanh nên đến 2020, tỷ lệ hộ nghèo các huyện miền núi giảm xuống còn 5,7%; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 16 triệu đồng (năm 2016) lên 33,1 triệu đồng (năm 2020);⁽²⁾ Tỷ lệ xã có đường giao thông đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông hóa đạt 100%, tạo điều kiện kết nối giao thông giữa các địa phương trong khu vực và với các vùng lân cận, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội các huyện.

Tuy nhiên, hiện nay khu vực các huyện miền núi của tỉnh vẫn là khu vực khó khăn nhất cả tỉnh; phát triển kinh tế vẫn dựa vào khai thác tài nguyên, nhân lực chưa qua đào tạo là chủ yếu; sản xuất nông nghiệp tuy đã đạt được một số kết quả nhưng hiệu quả còn thấp, chưa phát triển được nhiều sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của khu vực; chăn nuôi gia súc quy mô gia trại, hộ gia đình hiệu quả chưa cao; sản xuất lâm nghiệp còn hạn chế chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của vùng, nhất là lĩnh vực chế biến, tiêu thụ sản phẩm từ lâm nghiệp, hiệu quả kinh tế rừng còn thấp. Sản xuất công nghiệp truyền thống vẫn là chủ yếu; sức cạnh tranh của các sản phẩm còn hạn chế. Du lịch, thương mại phát triển còn chậm, nhỏ lẻ, manh mún. Kết cấu hạ tầng còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; vẫn còn 38 thôn, bản/2.448 hộ chưa được sử dụng điện lưới quốc gia; cơ sở vật chất nhiều trạm y tế còn thiếu, chưa đạt chuẩn. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội tuy có nhiều chuyển biến tiến bộ, song vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh; chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế; một số tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan chậm được khắc phục, tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo còn cao.

Vì vậy, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX đã xác định “*Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực miền núi, nhất là hạ tầng phục vụ sản xuất; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng*

bào; đẩy mạnh thu hút đầu tư vào khu vực miền núi, nhất là các dự án sử dụng nhiều lao động; tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc; phấn đấu đến năm 2025, thu nhập bình quân của người dân khu vực miền núi gấp 2 lần so với năm 2020”⁽³⁾. Để thực hiện mục tiêu này, thời gian tới, các huyện miền núi cần tập trung thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội và toàn xã hội trong việc phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi.

Tiếp tục tuyên truyền bằng nhiều hình thức, như: qua hệ thống đài Truyền thanh cơ sở, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, báo chí, thông qua các hội nghị... đến đồng bào các dân tộc thiểu số để đồng bào các dân tộc tích cực tham gia cùng chính quyền địa phương thực hiện tốt, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025. Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc tích cực, chủ động tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vận động đồng bào tích cực thực hiện và giám sát việc thực hiện chính sách dân tộc. Ra sức xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Động viên đồng bào các dân tộc phát huy nội lực, ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực vươn lên thoát nghèo, nhanh chóng hội nhập với sự phát triển chung của đất nước.

Thứ hai, Phát huy tiềm năng, thế mạnh của khu vực để đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân.

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng phát huy tiềm năng thế mạnh của vùng để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị, gắn với nhu cầu thị trường; hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn với các cơ sở chế biến. Phát triển chăn nuôi đại gia súc; nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo hướng an toàn bền vững. Phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng thông qua chuyển đổi mô hình sản xuất từ trồng rừng kinh doanh gỗ nhỏ sang trồng rừng gỗ lớn; tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm lợi thế.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất công nghiệp phát huy tối đa công suất hiện có; khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường. Phát triển hợp lý các ngành công

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX đã xác định “Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực miền núi, nhất là hạ tầng phục vụ sản xuất; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào; đẩy mạnh thu hút đầu tư vào khu vực miền núi, nhất là các dự án sử dụng nhiều lao động; tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc; phấn đấu đến năm 2025, thu nhập bình quân của người dân khu vực miền núi gấp 2 lần so với năm 2020”.

ng nghiệp sử dụng nhiều lao động như: may mặc, da giày... để giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động của khu vực. Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với khôi phục các ngành truyền thống, nhân cấy nghề mới đối với những sản phẩm có thị trường tiêu thụ nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cung cấp nguồn hàng cho xuất khẩu.

Đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ có nhiều tiềm năng, lợi thế như: thương mại, kinh tế cửa khẩu, du lịch; quan tâm phát triển các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, có giá trị gia tăng lớn. Phát triển mạnh các sản phẩm du lịch gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, như: du lịch cộng đồng, du lịch làng nghề, du lịch sinh thái...

Thứ ba, phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục để giảm nhanh sự chênh lệch về chất lượng giáo dục đào tạo ở cấp học, bậc học ở vùng dân tộc thiểu số so với mặt bằng chung toàn tỉnh. Đẩy mạnh công tác dạy nghề cho lao động nông thôn, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, các xã giáp biên giới; phát triển đa dạng các hình thức dạy nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán dân cư vùng đồng bào dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, bản. Tập trung khai thác hiệu quả hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng, hướng nội dung học tập nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp, đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Thứ tư, tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường. Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai, rừng, nguồn nước và khoáng sản. Tăng cường kiểm tra hoạt động khai thác, tập kết, vận chuyển, chế biến khoáng sản; thực hiện nghiêm các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án khai thác và chế biến các loại khoáng sản; đề xuất với Tỉnh thu hồi các dự án triển khai chậm trễ, không đúng cam kết và gây ô nhiễm môi trường. Giám sát chặt chẽ các hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước để phòng ngừa, hạn chế tình trạng ô nhiễm, suy giảm nguồn nước.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân về bảo vệ tốt nguồn đất,

nước, khai thác, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, khoáng sản. Tuyên truyền cho bà con từ bỏ thói quen cũ canh tác cũ, phá rừng làm nương rẫy, sống rải rác ở trên núi cao hạ sơn, qui tụ thành làng bản, tránh nguy hiểm và đảm bảo vệ sinh môi trường

Thứ năm, tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh; không để xảy ra những điểm “nóng” về an ninh trật tự ở vùng dân tộc và miền núi tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; tăng cường tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức cảnh giác cho Nhân dân; chủ động phòng ngừa đấu tranh ngăn chặn kịp thời với mọi âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch các hoạt động tôn giáo trái phép trong đồng bào các dân tộc

Tích cực chăm lo xây dựng và giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp và bản sắc dân tộc. Từng bước xây dựng, tiến tới hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ những thành tựu của sự phát triển do công cuộc đổi mới đem lại.

Tóm lại, trong những năm qua kinh tế - xã hội các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa mặc dù vẫn còn những hạn chế nhất định, song kết quả đạt được là cơ bản, đời sống vật chất, tinh thần người dân khu vực miền núi được cải thiện rõ rệt... Trong những năm tới, chúng tôi tin tưởng rằng các cấp ủy, chính quyền và nhân dân các dân tộc khu vực miền núi sẽ phát huy những kết quả đạt được, tranh thủ thời cơ, khắc phục khó khăn đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng, góp phần cùng với Nhân dân trong tỉnh thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra./

MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG XÂY DỰNG DOANH NGHIỆP KIỂU MẪU - TỪ THỰC TIỄN CÔNG TY CẤP NƯỚC TỈNH THANH HÓA

ThS. Trịnh Thị Phụng*

Thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi lần đầu tiên về thăm Thanh Hóa: *“Tỉnh Thanh Hóa phải trở nên một tỉnh kiểu mẫu thì phải làm sao cho mọi mặt chính trị, kinh tế, quân sự, phải là kiểu mẫu. Làm một người kiểu mẫu, một nhà kiểu mẫu, một làng kiểu mẫu, một huyện kiểu mẫu, một tỉnh kiểu mẫu. Quyết tâm làm thì sẽ thành kiểu mẫu...”*, UBND tỉnh Thanh Hóa đã quy định các tiêu chí và trình tự, thủ tục xét, công nhận các danh hiệu kiểu mẫu (theo Quyết định số 488/2014/QĐ-UBND, sau này là Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND), trong đó có quy định các tiêu chí về doanh nghiệp kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Bám sát các tiêu chí doanh nghiệp kiểu mẫu, Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cấp nước Thanh Hóa đã nhanh chóng tổ chức, triển khai quán triệt các nội dung, tiêu chí đến các tổ chức đoàn thể và người lao động trong toàn công ty. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các tiêu chí đơn vị kiểu mẫu, công dân gương mẫu của công ty. Trưởng Ban chỉ đạo là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty, các thành viên trong Ban chỉ đạo là những người đứng đầu các tổ chức, đơn vị trong công ty. Đồng thời, giao cho các tổ chức

đoàn thể công ty xây dựng kế hoạch và hướng dẫn để tổ chức, triển khai và thực hiện các nội dung, tiêu chí, dưới sự giám sát chặt của Ban chỉ đạo.

Để thực hiện tốt các nội dung, tiêu chí doanh nghiệp kiểu mẫu, Công ty đã giao cho Công đoàn phối hợp với các tổ chức đoàn thể, phát động các phong trào thi đua thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) của công ty, như: Phong trào “Thi đua tăng năng suất lao động, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD; thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo; thi đua “Nghiên cứu sáng kiến, giải pháp kỹ thuật” để tăng năng suất lao động và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

Để thực hiện tốt các nội dung, tiêu chí doanh nghiệp kiểu mẫu, Công ty đã giao cho Công đoàn phối hợp với các tổ chức đoàn thể, phát động các phong trào thi đua thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) của công ty, như: Phong trào “Thi đua tăng năng suất lao động, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD; thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo; thi đua “Nghiên cứu sáng kiến, giải pháp kỹ thuật” để tăng năng suất lao động và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao

(*) Khoa Lý luận cơ sở

động; tăng cường công tác chống thất thoát, thất thu nước và tiết kiệm chi phí nguyên, nhiên vật liệu trong việc cung cấp nước sạch”... Qua các phong trào thi đua, Công ty phát hiện, nhân rộng các nhân tố mới, những gương điển hình tiên tiến để tôn vinh, khen thưởng. Trong quá trình xây dựng doanh nghiệp kiểu mẫu đã có sự vào cuộc đồng bộ với tinh thần, thái độ, trách nhiệm của tập thể Đảng

ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên lao động. Từ đó, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua của Công ty, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ SXKD của toàn Công ty. Vì vậy, sau 5 năm thực hiện (2015 - 2020), công ty đã hoàn thành xuất sắc

5/5 tiêu chí xây dựng doanh nghiệp kiểu mẫu với chất lượng cao, cụ thể là:

Về tiêu chí sản xuất, kinh doanh ổn định và phát triển: Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD. Tỷ lệ thất thoát nước giảm từ 28,5% năm 2015 xuống còn 21,14% năm 2019. Duy trì thương hiệu, sản phẩm của công ty có uy tín trên địa bàn phục vụ. Cải tiến công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD trong toàn Công ty đến các đơn vị trực thuộc. Thường xuyên rà soát, sắp xếp, bố trí, sử dụng lao động hợp lý, tinh giản bộ máy lao động gián tiếp. Đổi mới công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và quản lý để nâng cao hiệu quả SXKD. Hằng năm tổ chức tập huấn cho trên 95% cán bộ, người lao động trong Công ty nhằm nâng cao

trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, nâng cao tay nghề, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, tuân thủ nội quy lao động, góp phần làm tăng năng suất lao động.

Về tiêu chí thực hiện nếp sống văn minh, môi trường văn hóa doanh nghiệp: Công ty đã xây dựng mối quan hệ hài hòa, tiến bộ

giữa người lao động và người sử dụng lao động; xây dựng và thực hiện tốt nội quy lao động; đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; đảm bảo vệ sinh môi trường, khuôn viên doanh nghiệp xanh, sạch, đẹp; 100% cán bộ, công nhân viên và người lao động trong

Công ty thực hiện tốt nội quy, quy chế làm việc, quy chế dân chủ ở cơ sở, nội bộ đoàn kết, giúp nhau cùng tiến bộ. Không có ai vi phạm các quy định về thực hiện nếp sống văn minh; chấp hành tốt quy chế làm việc, kỷ luật lao động, có phong cách làm việc khoa học, văn minh lịch sự, gương mẫu thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Về tiêu chí nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: Trong những năm qua, 100% cán bộ, công nhân viên và người lao động của Công ty chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Công ty cũng như nơi cư trú.

Trong các năm qua, Công ty luôn được Cụm thi đua số 18 suy tôn là đơn vị dẫn đầu các phong trào thi đua, được Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và Cờ thi đua, được Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận là Doanh nghiệp tiêu biểu (liên tục 02 năm 2017 - 2019). Đến tháng 6 năm 2020 Công ty đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa công nhận là doanh nghiệp kiểu mẫu.

Về tiêu chí nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người lao động: 100% cán bộ, công nhân viên và người lao động có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định và được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. Thu nhập của người lao động năm sau cao hơn năm trước và cao hơn mức bình quân chung của tỉnh; Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân về nơi làm việc, nhà ở, sinh hoạt đoàn thể...; hỗ trợ công nhân lúc khó khăn, hoạn nạn; có cơ sở vật chất hoạt động văn hóa, thể thao cho công nhân; thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, thăm quan, nghỉ dưỡng cho người lao động.

Về tiêu chí tỷ lệ số lao động của Công ty đạt công dân gương mẫu: Số lượng người trong công ty đạt danh hiệu công dân gương mẫu liên tục tăng qua các năm. Cụ thể, từ năm 2015 đến năm 2019 Công ty có 580 người đạt danh hiệu công dân gương mẫu, tương đương 72,77%, tăng so với quy định 32,77%.

Trong các năm qua, Công ty luôn được Cụm thi đua số 18 suy tôn là đơn vị dẫn đầu các phong trào thi đua, được Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và Cờ thi đua, được Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận là Doanh nghiệp tiêu biểu (liên tục 02 năm 2017 - 2019). Đến tháng 6 năm 2020 Công ty đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa công nhận là doanh nghiệp kiểu mẫu.

Từ thực tiễn ở Công ty cấp nước Thanh Hóa có thể rút một số kinh nghiệm trong xây dựng doanh nghiệp kiểu mẫu như sau:

Thứ nhất, luôn có sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Công ty và sự phối hợp tích cực của các đoàn thể.

Các cấp ủy, chi bộ Đảng trong toàn doanh nghiệp phải luôn quan tâm, tăng cường lãnh đạo trong việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng tiêu chí doanh nghiệp kiểu mẫu tại các đơn vị mình. Đồng thời, tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành linh hoạt có trọng tâm, trọng điểm đối với từng nội dung, tiêu chí của kế hoạch xây dựng tiêu chí doanh nghiệp kiểu mẫu. Chủ trì phối hợp với Công đoàn cơ sở Công ty và các đoàn thể khác phát động thi đua trong toàn Công ty thực hiện có hiệu quả. Xây dựng kế hoạch thực hiện trên cơ sở nhiệm vụ, kế hoạch SXKD được giao gắn với nội dung kế hoạch xây dựng doanh nghiệp kiểu mẫu. Bên cạnh đó, phải thực hiện tốt công tác quản lý, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; làm tốt công tác phòng chống thất thoát, chú trọng đến công tác phát triển khách hàng; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến và áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật và các giải pháp khác. Thường xuyên tổ chức giao ban nắm bắt tình hình, tiến độ thực hiện các tiêu chí; tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch xây dựng tiêu chí doanh nghiệp kiểu mẫu.

Thứ hai, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục.

Tổ chức tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền về phẩm chất, đạo đức lối sống của người đảng viên, cán bộ, người lao động trong thời kỳ mới; tuyên truyền về nội dung các tiêu chí kiểu mẫu và vai trò ý nghĩa, sự cần thiết phải xây dựng danh hiệu kiểu mẫu đến cán bộ, đảng viên, người lao động. Biểu dương những gương điển hình trong các phong trào thi đua, các hoạt động

SXKD thông qua các hội nghị, các kỳ sinh hoạt của Chi bộ, Đảng bộ, của chuyên môn và các đoàn thể để nhằm hướng tới mục tiêu SXKD ổn định và phát triển, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, người lao động.

Thứ ba, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, người lao động.

Đây là hoạt động có ý nghĩa rất quan trọng, do đó, cần phải thực hiện có chất lượng thực sự, xuất phát điểm phải từ nhu cầu của vị trí việc làm, chức trách nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động. Hằng năm, tổ chức tập huấn tại chỗ nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng phục vụ khách hàng, kiến thức quản lý, vận hành máy móc, thiết bị cho người lao động; công tác nghiệp vụ cho cán bộ chuyên môn; công tác quản lý sản xuất cho cán bộ cơ sở và tập huấn cho công nhân kỹ thuật trước khi thi nâng bậc kỹ thuật.

Thứ tư, làm tốt công tác kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch.

Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá chất lượng, tiến độ thực hiện các tiêu chí doanh nghiệp kiểu mẫu trong năm, kết quả thực hiện các phong trào trong đơn vị và thực hiện nếp sống văn hóa trong doanh nghiệp. Biểu dương khen thưởng kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong xây dựng danh hiệu kiểu mẫu, đồng thời có hình thức xử lý, kiểm điểm đối với cá nhân không tích cực thực hiện.

Thứ năm, phát động mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước.

Phát động mạnh mẽ, rộng rãi các phong trào thi đua một cách thường xuyên. Có thể thi đua theo chuyên đề, theo đợt nhằm thu hút mọi tổ chức, cá nhân cùng nhau thi đua phấn đấu trở thành công dân gương mẫu, đơn vị kiểu

mẫu. Tập trung chỉ đạo thực hiện nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, xây dựng môi trường lao động an toàn, xanh, sạch, đẹp; công nhân, người lao động có nếp sống văn minh, văn hóa. Bên cạnh đó, cần thực hiện tốt việc xây dựng các điển hình tiên tiến từ khâu phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết đến nhân rộng để nêu gương học tập; tăng cường các hoạt động trao đổi, tham quan, học tập kinh nghiệm mô hình tiên tiến của các đơn vị bạn.

Tóm lại, từ thực tiễn ở Công ty Cấp nước tỉnh Thanh Hóa cho thấy, để hoàn thành các tiêu chí xây dựng doanh nghiệp kiểu mẫu một cách nhanh, hiệu quả cần phải có sự vào cuộc một cách đồng bộ của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên và người lao động, sự đồng tình hưởng ứng cao của cán bộ công nhân viên và người lao động trong toàn doanh nghiệp. Phải làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, người lao động; làm tốt công tác kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch; phát động mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước. Có như vậy cũng mới thắng lợi nhiệm vụ SXKD của các doanh nghiệp, để góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ty cấp nước Thanh Hóa: Báo cáo tổng kết năm 2017, 2018, 2019, 2020
2. UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 04 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành “Quy định các tiêu chí kiểu mẫu và trình tự, thủ tục xét công nhận các danh hiệu kiểu mẫu”.

XÂY DỰNG THÀNH CÔNG XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU Ở ĐÔNG VĂN: KHI Ý ĐẢNG HÒA QUYẾT LÒNG DÂN

Nguyễn Văn Vinh*

Xã Đông Văn (huyện Đông Sơn) là đơn vị đầu tiên trong tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) kiểu mẫu năm 2020. Thành quả đáng tự hào này là minh chứng cho quyết tâm, nỗ lực vượt khó, tư duy sáng tạo, đổi mới cùng tinh thần đoàn kết, chung sức đồng lòng vì mục tiêu chung của toàn Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân xã Đông Văn.

Ngay sau khi đạt chuẩn NTM, Đảng bộ, chính quyền xã Đông Văn nhất quán chủ trương xây dựng NTM không có điểm dừng, là việc làm thường xuyên, liên tục, hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân và quyết tâm xây dựng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu đầu tiên của huyện Đông Sơn. Để thực hiện mục tiêu này, Đảng ủy xã Đông Văn đã ban hành nghị quyết chuyên đề về xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; kiện toàn ban chỉ đạo xây dựng NTM kiểu mẫu, đồng thời xây dựng chương trình hành động để tổ chức thực hiện. Phân công các đồng chí đảng ủy viên phụ trách thôn, cán bộ, công chức phụ trách thôn cùng thôn tổ chức họp tổ tự quản xây dựng kế hoạch, việc làm cụ thể. Thường xuyên giao ban để nắm tình hình, tâm tư nguyện vọng của Nhân dân và những

khó khăn cần tháo gỡ để chủ trương, đề án, phương án, kế hoạch đi vào thực hiện. Thực hiện xây dựng NTM kiểu mẫu, có 7/7 thôn ban hành nghị quyết, kiện toàn ban phát triển xây dựng NTM kiểu mẫu do đồng chí bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn làm trưởng ban, đồng

Ngay sau khi đạt chuẩn NTM, Đảng bộ, chính quyền xã Đông Văn nhất quán chủ trương xây dựng NTM không có điểm dừng, là việc làm thường xuyên, liên tục, hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân và quyết tâm xây dựng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu đầu tiên của huyện Đông Sơn.

chí phó bí thư chi bộ kiêm trưởng ban công tác mặt trận làm phó ban, các đồng chí chi ủy, chi hội trưởng các chi hội là thành viên; đồng thời ban hành kế hoạch xây dựng thôn NTM kiểu mẫu, rà soát từng ngõ, xóm, từng hộ gia đình để đối chiếu với các tiêu chí đã đạt và xác định rõ nội dung những việc cụ thể cần làm. Cùng với chính sách kích cầu của huyện, xã Đông Văn đã ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ kích cầu cho các thôn và Nhân dân nhằm tạo động lực và khuyến khích người dân cùng chung sức tham gia. Cụ thể, xã hỗ trợ các thôn 100% xi măng xây dựng và mở rộng đường

(*) Bí thư Đảng ủy xã Đông Văn, huyện Đông Sơn

giao thông và xây rãnh thoát nước, bồn hoa; toàn bộ tấm lam xây dựng tường rào thoáng; 30% kinh phí xây lắp cho xây dựng mới nhà văn hóa thôn; thưởng 50 triệu đồng/thôn được cấp có thẩm quyền công nhận thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2020...

Quá trình triển khai xây dựng NTM kiểu mẫu, xã Đông Văn tập trung mọi nguồn lực, đặc biệt là phát huy nội lực. Xác định người dân là chủ thể của phong trào, xã luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của chương trình; đồng thời tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, đề ra nhiều chủ trương, giải pháp để triển khai, thực hiện; với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ”. Từ đó, mỗi người dân đều cảm thấy mình là chủ thể và tích cực tham gia thực hiện. Kết quả, giai đoạn 2012-2020, xã Đông Văn đã huy động

Quá trình triển khai xây dựng NTM kiểu mẫu, xã Đông Văn tập trung mọi nguồn lực, đặc biệt là phát huy nội lực. Xác định người dân là chủ thể của phong trào, xã luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của chương trình; đồng thời tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, đề ra nhiều chủ trương, giải pháp để triển khai, thực hiện; với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ”.

12,33 km đường thôn, xóm; 18 km tường rào; sửa chữa trạm y tế; sửa chữa cải tạo trường THCS; xây dựng mới trường mầm non; sửa chữa, cải tạo công sở xã, nâng cấp hệ thống loa truyền thanh của xã, di chuyển đường điện để mở rộng đường giao thông, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đến từng thôn... Các thôn đã tổ chức phát động và duy trì phong trào vệ sinh môi trường, trồng hoa, cây xanh dọc các tuyến đường trục chính với chiều dài 15 km. Xây dựng 23 vườn mẫu có diện tích từ 300m² trở lên.

Thực hiện xây dựng NTM kiểu mẫu, xã Đông Văn luôn xác định tiêu chí thu nhập là tiêu chí quan trọng nhất. Xã tập trung đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, hình thành được các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, đưa các giống lúa có năng suất, chất lượng cao vào gieo trồng, đồng thời áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Đông Văn xây dựng 1 vùng sản xuất

638.780 triệu đồng xây dựng NTM; trong đó, ngân sách Trung ương và tỉnh hỗ trợ 3.060 triệu đồng; ngân sách huyện 30.450 triệu đồng; ngân sách xã 80.770 triệu đồng; Nhân dân đóng góp 524.500 triệu đồng (chiếm 82,11%) và góp hàng nghìn ngày công, tự nguyện hiến 8.978m² đất và các công trình phụ trợ để xây dựng đường giao thông nông thôn, hệ thống lòng lè đường trong khu dân cư, xây dựng tường rào thoáng... Toàn xã thực hiện nâng cấp 5,706 km đường trục thôn;

lúa tập trung với diện tích 105 ha; chuyển đổi trên 67,4 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây có giá trị kinh tế như: thanh long ruột đỏ, ổi, bưởi, dưa Kim Hoàng hậu... Đến nay xã có 4 ha sản xuất nông nghiệp công nghệ cao (trong đó có 1 ha nhà màng, nhà lưới và 3 ha được đầu tư khoa học - kỹ thuật vào sản xuất). Bên cạnh đó, Đông Văn đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn. Toàn xã có 27 doanh nghiệp, 2 công ty sản xuất đá ốp lát, 2 HTX, 274 cơ

sở sản xuất, kinh doanh cá thể và các dịch vụ thương mại hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Kinh tế phát triển tạo điều kiện nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; bình quân thu nhập đạt 69,34 triệu đồng/người/năm. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế phát triển toàn diện với

7/7 thôn được công nhận khu dân cư văn hóa, 3/3 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II. Tỷ lệ lao động có việc làm đạt 98,5%; tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 79,99%; tỷ lệ người dân có thẻ BHYT là 4.558/4.794 người, đạt 95,077%. Các thôn đều có bãi tập kết rác thải sinh

hoạt để vận chuyển về khu xử lý tập trung; tỷ lệ thu gom rác thải đạt 100%; 100% hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được quan tâm và giữ vững.

Trong suốt quá trình triển khai thực hiện xây dựng NTM kiểu mẫu, kinh nghiệm lớn nhất mà Đảng bộ xã Đông Văn có được chính là thực hiện tốt phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ”, việc nào khó thì cán bộ, đảng viên phải tiên phong, gương mẫu làm trước; tuân thủ nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch trong mọi công việc. Thường xuyên trao đổi, thảo luận, lắng nghe, tiếp thu ý kiến, tâm tư nguyện vọng chính đáng, qua đó nâng cao ý thức cộng đồng, ý thức của người dân, phát

huy tính dân chủ theo đúng tinh thần, nội dung thực hiện xây dựng NTM. Cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quyết tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cùng với sự vào cuộc của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, tạo sự đồng thuận hưởng ứng nhiệt tình

của Nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện mới có thể tạo ra sự thay đổi tiến bộ vượt bậc khi xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Trong quá trình tổ chức thực hiện không chủ quan, nóng vội, vừa làm vừa học tập kinh nghiệm, vận dụng tốt các quy định của cấp trên, lấy hiệu quả là mục

Trở thành xã đầu tiên trong tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu là kết quả đáng tự hào từ sự chung sức, đồng lòng của Đảng ủy, chính quyền và các tầng lớp Nhân dân xã Đông Văn. Đó là trái ngọt khi ý Đảng hòa quyện với lòng dân. Đây là nguồn động viên, khích lệ lớn đối với cán bộ và Nhân dân trong xã, từ đó tạo động lực để Đông Văn tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng phong trào xây dựng NTM kiểu mẫu, góp phần xây dựng quê hương ngày càng phát triển.

tiêu quan trọng để đánh giá tiêu chí. Việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua khen thưởng phải kịp thời nhằm thúc đẩy phong trào xây dựng NTM.

Trở thành xã đầu tiên trong tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu là kết quả đáng tự hào từ sự chung sức, đồng lòng của Đảng ủy, chính quyền và các tầng lớp Nhân dân xã Đông Văn. Đó là trái ngọt khi ý Đảng hòa quyện với lòng dân. Đây là nguồn động viên, khích lệ lớn đối với cán bộ và Nhân dân trong xã, từ đó tạo động lực để Đông Văn tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng phong trào xây dựng NTM kiểu mẫu, góp phần xây dựng quê hương ngày càng phát triển./.

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ HUYỆN ĐÔNG SƠN VỚI PHONG TRÀO XÂY DỰNG GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC, BỀN VỮNG HIỆN NAY

ThS. Lê Thị Hương*
Hoàng Thị Hiền **

Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc là một trong những mục tiêu quan trọng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời cũng là trách nhiệm của mọi gia đình trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm nòng cốt trong công tác xây dựng gia đình, trong những năm qua Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Đông Sơn đã tích cực triển khai cuộc vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững với nhiều hình thức, nội dung linh hoạt, phong phú, sáng tạo, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Để thực hiện có hiệu quả công tác vận động, hỗ trợ “*Xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững*”, Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Đông Sơn đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến chị em hội viên thông qua các buổi sinh hoạt định kỳ tại các chi hội, Câu lạc bộ, hội nghị ... với nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng, nội dung sinh hoạt thiết thực, bổ ích; tạo điều kiện để chị em được giao lưu, học hỏi, chia sẻ, tư vấn, hỗ trợ pháp lý ... Bên cạnh đó, Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Đông Sơn còn vận động cán bộ, hội viên thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” gắn với việc thực hiện “*Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” về xây dựng người phụ nữ năng động, sáng tạo, xây dựng hội vững mạnh.

Từ các hoạt động hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững của HLHPN huyện Đông Sơn đã góp phần nâng cao nhận

thức, bổ sung kiến thức cho chị em về phương pháp tổ chức cuộc sống gia đình và giáo dục truyền thống gia đình Việt Nam; rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử; phát triển kinh tế; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các thành viên trong gia đình; đồng thời, hỗ trợ các thành viên ý thức đầy đủ về vai trò, trách nhiệm cá nhân, chung tay xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.

Thông qua các hoạt động của HLHPN huyện Đông Sơn đã giúp cho hàng ngàn hộ gia

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm nòng cốt trong công tác xây dựng gia đình, trong những năm qua Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Đông Sơn đã tích cực triển khai cuộc vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững với nhiều hình thức, nội dung linh hoạt, phong phú, sáng tạo, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

đình phụ nữ thoát nghèo, vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống - “an cư lạc nghiệp”, các con cháu vươn lên học giỏi; góp phần quan trọng thực hiện các mục tiêu quốc gia về dân số, gia đình, sức khỏe, hạn chế các tệ nạn xã hội, góp phần xây dựng gia đình văn hóa của huyện trong năm đạt 90% trở lên.

Cùng với việc phát động các phong trào thi đua, Hội còn duy trì và nhân rộng mô hình các câu lạc bộ “*Gia đình hạnh phúc*”, “*Không sinh con thứ 3*”, “*Gia đình không có trẻ suy dinh dưỡng*”, “*Gia đình không có bạo lực*”...

(*) Phó trưởng Phòng TC, HC, TT, TL

(**) Phòng QLĐT & NCKH

Qua đó, nhằm tuyên truyền, giáo dục, vận động phụ nữ và các gia đình, cộng đồng nâng cao nhận thức về pháp luật, về hôn nhân gia đình; giữ gìn, phát huy các phẩm chất tốt đẹp của gia đình Việt Nam, về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, thực hiện dân số KHHGĐ, chăm sóc sức khỏe sinh sản, nuôi dạy con, phòng chống tệ nạn xã hội. Từ đó, giúp cho hội viên phụ nữ và các tầng lớp Nhân dân hiểu biết và chia sẻ trách nhiệm về người vợ, người mẹ trong gia đình, thực hiện tốt cuộc sống gia đình, nuôi, dạy con tốt, hạn chế tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Ngoài ra Hội còn phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức các hoạt động biểu dương, tôn vinh các chị em nhân dịp Ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3), Ngày Gia đình Việt Nam (28/6) và Ngày Thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10) hàng năm. Duy trì và nhân rộng mô hình các câu lạc bộ như: Xây dựng gia đình hạnh phúc, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình... Bên cạnh đó, Hội còn thường xuyên mở các lớp tập huấn kiến thức về Dân số - KHHGĐ, sinh đẻ có kế hoạch, hướng dẫn các cặp vợ chồng chưa thực hiện kế hoạch hóa gia đình nên áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại, đồng thời hướng dẫn các bà mẹ mang thai thăm khám thai định kỳ, ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng, sinh hoạt nghỉ ngơi hợp lý, đảm bảo an toàn sức khỏe cho mẹ và bé.

Hội LHPN huyện đã lồng ghép và thực hiện có hiệu quả công tác giám sát và tham gia hỗ trợ giải quyết các vụ việc về bạo lực gia đình, xâm hại phụ nữ và trẻ em thông qua các mô hình. Từng bước thay đổi về nhận thức và chuyển đổi hành vi của các thành viên trong gia đình đối với việc tuân thủ pháp luật về gia đình, phụ nữ và trẻ em. Góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em. Thông qua các mô hình đã xuất hiện nhiều nhân tố điển hình tiêu biểu trong các phong trào “Người tốt, việc tốt”, “Cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo” và “Gia đình văn hóa” trên địa bàn huyện; tạo nên sự lan tỏa mạnh mẽ, tích cực trong cộng đồng, nhận được sự tin tưởng

ủng hộ của chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và sự đồng thuận của người dân địa phương.

Có được những kết quả trên là sự sáng tạo khéo léo trong cách tuyên truyền, vận động, hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc của cán bộ HLHPN huyện, đây chính là nền tảng vững chắc để tập hợp thu hút hội viên tham gia, đặc biệt là sự tham gia của anh em nam giới - các anh là những tuyên truyền viên tích cực cho người thân, gia đình về xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.

Trong những năm qua, Hội LHPN huyện Đông Sơn đã thành lập được nhiều mô hình như: “Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em”, với 1.315 thành viên; mô hình “nuôi lợn nhựa tiết kiệm, tiết kiệm qua tổ, nhóm” do phụ nữ quản lý để hỗ trợ hội viên phụ nữ nghèo vay vốn. Hội đã thành lập được 214 tổ tiết kiệm với tổng số tiền trên 4 tỷ đồng, cho gần 900 hội viên vay phát triển sản xuất. Mỗi năm Hội LHPN huyện vận động, quyên góp được 500 triệu Quỹ mái ấm tình thương; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc huyện hỗ trợ xây dựng 29 nhà mái ấm tình thương.

Trong những năm qua, Hội LHPN huyện Đông Sơn đã thành lập được nhiều mô hình như: “Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em”, với 1.315 thành viên; mô hình “nuôi lợn nhựa tiết kiệm, tiết kiệm qua tổ, nhóm” do phụ nữ quản lý để hỗ trợ hội viên phụ nữ nghèo vay vốn. Hội đã thành lập được 214 tổ tiết kiệm với tổng số tiền trên 4 tỷ đồng, cho gần 900 hội viên vay phát triển sản xuất. Mỗi năm Hội LHPN huyện vận động, quyên góp được 500 triệu Quỹ mái ấm tình thương; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc huyện hỗ trợ xây dựng 29 nhà mái ấm tình thương; tặng 9 con bò sinh sản và 5.000 con gà giống, tổng giá trị 350 triệu đồng cho hội viên có hoàn cảnh khó khăn; thực hiện hợp đồng ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội, tín chấp với Ngân hàng Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn tổng dư nợ trên 300 tỷ đồng cho 7.630 hội viên vay; nhân rộng, duy trì phát triển các mô hình, ngành nghề mới được thành lập nhằm nâng cao thu nhập; giải quyết việc làm cho nhiều lao động, mỗi năm giúp 600- 900 hộ thoát nghèo, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo chung của cả huyện.

Bên cạnh đó, phát huy vai trò, trách nhiệm của tổ chức tham gia cuộc vận động các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và cộng đồng trong việc đảm bảo xây dựng môi trường sống an toàn, cho phụ nữ và trẻ em nhằm phát huy tối đa năng lực, khả năng sáng tạo, ... Đến nay, Hội đã vận động được 3.000 gia đình hội viên phụ nữ đăng ký thực hiện, đạt 100%. Ngoài ra, Hội còn duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động các mô hình Câu lạc bộ như: *“Câu Lạc bộ hạn chế sử dụng túi ni lông”*, *“Câu Lạc bộ vườn xanh ngõ đẹp”*, *“Câu Lạc bộ 5 không, 3 sạch”*, *“Câu Lạc bộ phòng chống bạo lực gia đình”*.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được công tác vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững vẫn còn những hạn chế đó là: công tác tuyên truyền, giáo dục hội viên chưa thật sự hiệu quả, có lúc có nơi có việc chưa kịp thời; năng lực chỉ đạo, điều hành của Ban chấp hành và cán bộ Hội ở nhiều nơi có mặt còn hạn chế; việc triển khai các nội dung công tác gia đình còn đơn điệu mang tính hình thức; có xu hướng gia tăng về tình trạng ly hôn, ly thân; trẻ em hư hỏng, bỏ học, vi phạm pháp luật, bạo lực gia đình, bạo lực học đường,...

Để phát huy những kết quả và khắc phục những hạn chế trong công tác vận động, hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, HLHPN huyện Đông Sơn cần phải tập trung một số giải pháp sau:

Một là, Cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc trong cấp ủy Hội, hội viên Hội Phụ nữ thông qua hoạt động tuyên truyền, tập huấn, xây dựng mô hình, nêu gương người tốt, việc tốt; mô hình gia đình ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo; phê phán những biểu hiện không đúng, không lành

manh. Hằng năm tổ chức hội nghị biểu dương những gia đình văn hóa tiêu biểu nhằm động viên, khích lệ đề phong trào hoạt động thiết thực, hiệu quả.

Hai là, Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp sinh hoạt, lồng ghép các chương trình văn hóa, văn nghệ trong sinh hoạt, tuyên truyền trao đổi kinh nghiệm, kỹ năng cuộc sống gia đình, kỹ năng chăm sóc con cái giữa các hội viên để nội dung sinh hoạt đa dạng hóa, phong phú, hấp dẫn nhằm thu hút đông đảo hội viên tham gia.

Ba là, Cần có chính sách hỗ trợ, tạo việc làm trong độ tuổi lao động để có thu nhập ổn định, đóng góp kinh tế cho gia đình, có điều kiện học hành, vươn lên công tác, lao động sản xuất để góp phần khẳng định chính mình. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống dịch vụ có liên quan để góp phần củng cố, ổn định và phát triển kinh tế gia đình; có chính sách ưu đãi hỗ trợ phát triển kinh tế đối với những gia đình chính sách, gia đình khó khăn.

Bốn là, tiếp tục triển khai sâu rộng cuộc vận động *“Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”*, trong đó *“5 không”* là không đói nghèo, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không bạo lực gia đình, không sinh con thứ 3, không có trẻ em suy dinh dưỡng và trẻ em bỏ học; *“3 sạch”* là: sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ. Gắn cuộc vận động với nội dung tiêu chí của phong trào thi đua: *“Phụ nữ tích cực học tập, lao động, sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc. Gắn với việc học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh”*.

Tóm lại, có thể khẳng định phong trào *“xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững”* của các cấp Hội LHPN huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã ngày càng đi vào chiều sâu, hoạt động đã có hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên, để cho phong trào có sức lan tỏa mạnh, Hội LHPN huyện cần phải tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đổi mới nội dung phương pháp sinh hoạt, có cơ chế hỗ trợ và tạo việc làm... giúp hội viên nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội./.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KH&CN CẤP TỈNH
‘NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ NỮ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO,
QUẢN LÝ CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA’

ThS. Đỗ Phương Anh *

ThS. Lê Đình Tư**

Với mục tiêu nghiên cứu giải pháp nhằm tăng cường tỷ lệ tham gia của phụ nữ vào bộ máy lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ và năng lực lãnh đạo quản lý cho cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới, đề tài khoa học & công nghệ cấp tỉnh do Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa chủ trì đã được nghiệm thu và được xếp loại xuất sắc.

Trên cơ sở Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhóm nghiên cứu đã chọn mẫu tiến hành điều tra, khảo sát tại 120 xã thuộc 12 huyện đại diện cho 3 vùng miền núi, đồng bằng, ven biển. Đồng thời thu thập thông tin, số liệu ở 27 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Kết quả điều tra, khảo sát và thu thập thông tin, số liệu về thực trạng đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cho thấy:

1. Về thực trạng đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015 - 2020

- Về tỉ lệ tham gia của phụ nữ vào bộ máy hệ thống chính trị cấp xã.

Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 và 2016 - 2021, có 1.633 phụ nữ là Ủy viên BCH Đảng bộ cấp xã, đạt 17,6% (tăng 2,5% so với nhiệm kỳ trước); Ủy viên Ban Thường vụ có 211 phụ nữ, đạt 8,1% (cao hơn so với nhiệm kỳ trước

1,5%). Nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có 3.798 người trên tổng số 16.031, đạt 23,69% (tăng 3,4% so với nhiệm kỳ trước).

Tỉ lệ phụ nữ ở vị trí lãnh đạo chủ chốt, gồm: Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND, chiếm 7,55%; Chủ tịch UBND chiếm tỉ lệ 4%; Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam chiếm 17,1%. Tỉ lệ bình quân phụ nữ tham gia các vị trí chủ chốt cấp xã đạt 9,6%.

Năm 2020, thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương; Kế hoạch số 177-KH/TU ngày 15/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố cũng như xã, phường, thị trấn đã tích cực chủ động tham mưu cho các cấp ủy tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các nội dung về công tác BDG, vì sự tiến bộ của phụ nữ, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ được tham gia lĩnh vực chính trị như: đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, trình độ, năng lực của cán bộ nữ; quy hoạch, bố trí sử dụng cán bộ nữ, tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.

Theo kết quả bầu cử tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, tỉ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 và giữ vị trí lãnh đạo, quản lý

(*) PTP. QLĐT&NCKH

(**) GV Khoa Xây dựng Đảng

như sau: có 2.455 nữ/12.410 đồng chí Ủy viên BCH, đạt 19,8% (tăng 1,3% so với nhiệm kỳ trước); Ban Thường vụ có 344 nữ/2.929 đồng chí, đạt 11,7% (tăng 1,84% so với nhiệm kỳ trước). Trong đó, cán bộ nữ giữ chức danh Bí thư là 49/559 (chiếm 8,8%), giữ chức vụ Phó Bí thư là 162/1.118 (chiếm 14,5%).

- Về trình độ chuyên môn.

Đa số cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã đã được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị và kiến thức về quản lý hành chính nhà nước. Theo đó, đã từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã góp phần phát triển đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Trong số 3.921 cán bộ, công chức nữ cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, có 96 người có trình độ trên Đại học (chiếm tỷ lệ 3%), Cao đẳng/Đại học 3.297 người (chiếm tỷ lệ 84%), Trung cấp 512 người (chiếm tỷ lệ 13%). Trình độ Trung cấp lý luận chính trị là 3.528 người, chiếm tỷ lệ 90%; Cao cấp lý luận chính trị 96 người (chiếm tỷ lệ 3%); Sơ cấp 295 người (chiếm tỷ lệ 7,5%). Trình độ Quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch Chuyên viên chính 119 người (chiếm tỷ lệ 3%), Chuyên viên 2.631 người (chiếm tỷ lệ 67%); chưa được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước 1.171 người (chiếm tỷ lệ 30%).

- Về phẩm chất đạo đức, thái độ trách nhiệm trong công việc

Đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo quản lý cấp xã luôn có thái độ làm việc đúng mực, đúng nguyên tắc và có kỷ luật; luôn nỗ lực vươn lên để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trung thực, thẳng thắn trong góp ý, phê bình với cấp trên, cấp dưới và đồng nghiệp, có tinh thần tự phê đối với bản thân; luôn sẵn sàng phục vụ Nhân dân, gương mẫu đi đầu trong công tác, có tinh thần trách nhiệm đối với đời sống của Nhân dân địa phương, luôn trăn trở trước những khó khăn ở địa phương; có quyết tâm đưa địa phương nơi mình công tác ngày càng phát triển về mọi mặt, thực hiện dân chủ, công bằng, văn minh.

- Về kỹ năng thực hiện hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Qua kết quả điều tra, khảo sát, kết quả đánh giá cán bộ, công chức hàng năm và các nhận xét đánh giá trong quy trình bầu cử, bổ nhiệm cho thấy đa số nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có khả năng nắm bắt thông tin, phân tích và xử lý tốt các thông tin trong quá trình lãnh đạo, quản lý; có khả năng triển khai tổ chức, thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; có năng lực tuyên truyền, thuyết phục, vận động quần chúng nhân dân chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt nhiều cán bộ, lãnh đạo quản lý nữ cấp xã được đánh giá cao ở sự khéo léo, mềm mỏng trong giải quyết các vấn đề nóng ở địa phương, vận dụng khá thành thạo những kiến thức và kinh nghiệm vào thực hiện chức trách, nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý trên các lĩnh vực ở cơ sở.

2. Về thực trạng công tác phát triển đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

2.1. Kết quả đạt được

- Công tác tạo nguồn, quy hoạch cán bộ nữ ở cấp xã

Công tác tạo nguồn, quy hoạch cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã ở tỉnh Thanh Hóa cơ bản thực hiện đúng hướng dẫn về quy trình rà soát, quy hoạch cán bộ nữ. Có sự bổ sung cán bộ nữ trẻ, có năng lực chuyên môn có kinh nghiệm vào quy hoạch cấp ủy và các vị trí lãnh đạo, quản lý của bộ máy hệ thống chính trị theo đúng quy định, đảm bảo chất lượng. Theo đó, phát triển đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến rõ rệt. Việc tuyển chọn, bố trí, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ nữ cấp xã ứng cử theo quy hoạch đảm bảo qui trình và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; cán bộ nữ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử cơ bản đảm bảo tiêu chuẩn, đa số đã phát huy được năng lực, sở trường và hoàn thành tốt nhiệm vụ được

phân công. Công tác điều động, luân chuyển cán bộ nữ có tiến bộ, phần lớn số cán bộ được luân chuyển phấn đấu tốt và trưởng thành.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được các cấp ủy đảng, chính quyền coi trọng; cơ chế, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng không ngừng được hoàn thiện. Là Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tỉnh, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đã không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy, cải tiến nội dung chương trình cho phù hợp với từng loại hình đào tạo, bồi dưỡng; sát với đối tượng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đang đặt ra; trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Nhà trường luôn bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy gắn với thực tiễn của địa phương, không ngừng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên ngày càng vững mạnh; thường xuyên cải tiến nội dung và đổi mới phương pháp giảng dạy; chất lượng dạy và học không ngừng được nâng lên, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của tỉnh nhà.

- Về sử dụng đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã

Những năm qua, việc bố trí, phân công công việc cho cán bộ nói chung, cán bộ nữ nói riêng về cơ bản phù hợp với chuyên môn, năng lực, sở trường, do đó đã phát huy được vai trò, tiềm năng của đội ngũ cán bộ. Trong công tác cán bộ nữ, cấp ủy, chính quyền và các cơ quan chức năng đã nhìn nhận đánh giá đúng năng lực, chuyên môn, lợi thế, thậm chí hoàn cảnh gia đình để bố trí công việc phù hợp.

2.2. Một số hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được trong phát triển đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã, trong thực tế vẫn còn một số cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã chưa nhận thức sâu sắc, đầy đủ quan điểm về xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý, chưa

xem cán bộ nữ là một bộ phận quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng bộ; chưa thấy hết tiềm năng, vai trò, vị trí của đội ngũ cán bộ nữ nên việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chính sách đối với cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý chưa quan tâm đầy đủ, còn có biểu hiện định kiến khắt khe, cầu toàn, chưa quan tâm đến yếu tố giới nên đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý phát triển chưa vững chắc, mất cân đối, thiếu đồng bộ so với yêu cầu phát triển. Nhiều nghị quyết của Đảng, nhiều khâu trong quy chế về công tác cán bộ nữ chưa được thực hiện tốt...

2.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Nguyên nhân của những hạn chế trong công tác phát triển đội ngũ nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là do:

**Nguyên nhân khách quan*

Cơ chế, chính sách tạo nguồn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ nữ chưa có tính chiến lược lâu dài và thiếu tính đột phá. Hệ thống chính sách đối với phụ nữ nói chung và công tác cán bộ nữ nói riêng chưa kịp thời và thiếu đồng bộ nên chưa động viên, khuyến khích được phụ nữ tham gia các hoạt động chính trị, xã hội và nắm giữ các vị trí cao trong xã hội. Sự chuyển đổi cơ chế quản lý từ kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang kinh tế thị trường đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo phải thực sự đổi mới, có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Song, trong thực tế, sự chuyển biến của một bộ phận cán bộ nữ chưa theo kịp yêu cầu mới.

**Nguyên nhân chủ quan*

Nhận thức của một số cấp ủy đảng trên địa bàn tỉnh về vị trí, vai trò của cán bộ nữ và công tác cán bộ nữ; về chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác cán bộ, nhất là về xây dựng đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý còn có những hạn chế, bất cập chưa mang tầm chiến lược. Tư tưởng phong kiến, trọng nam, khinh nữ còn chi phối trong nhận thức của không ít các ủy viên, cán bộ, công chức. Chưa tổ chức được các khóa đào tạo phù hợp với đặc điểm của cán bộ nữ. Tỷ lệ cán bộ nữ được đào

tạo theo yêu cầu, theo chuẩn hoá thấp hơn so với nam giới. Cấp ủy trên địa bàn tỉnh mới tập trung ra chỉ thị, kế hoạch nhưng chưa tập trung chỉ đạo xây dựng các giải pháp đồng bộ, hữu hiệu, còn mang tính chất mệnh lệnh hành chính như việc giao chỉ tiêu, giao tỉ lệ, sơ kết tổng kết trên các số liệu hiện có; chưa chỉ đạo các ngành, các cấp, giành thời gian thỏa đáng để nghiên cứu sâu các giải pháp mang tính đặc thù một cách đồng bộ cho công tác cán bộ nữ đối với từng cấp, từng ngành, từng đối tượng cho phù hợp...

3. Một số giải pháp phát triển đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã

Để công tác phát triển đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay đi vào nề nếp, đạt chất lượng và hiệu quả, cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

Một là, Nâng cao nhận thức, trách nhiệm phát triển đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã cho cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể cấp xã

Việc nâng cao nhận thức về chủ trương, quan điểm xây dựng, phát triển nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã cho cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể ở cấp xã nhằm để các chủ thể đề cao trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác cán bộ ở cơ sở có hiệu quả; giúp tập thể cấp ủy, lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể cấp xã hiểu rõ về trách nhiệm, để linh hoạt và chủ động thực hiện các mất khâu trong công tác cán bộ; chủ động tham mưu đề xuất với các cơ quan cấp trên về các kế hoạch, điều kiện bảo đảm để phát triển đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã.

Hai là, Chủ động tạo nguồn quy hoạch; gắn kết quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng nữ cán bộ quy hoạch vị trí lãnh đạo, quản lý ở cấp xã

Để việc xây dựng và phát triển nữ cán bộ lãnh đạo cấp xã thực sự vừa đáp ứng được yêu cầu “chuẩn hóa, trẻ hóa, thực tiễn hóa” như tinh thần của Nghị quyết số 09-NQ/TU của Tỉnh ủy Thanh Hoá (khóa XVII) đúng mục tiêu, yêu

cầu của Chương trình Quốc gia về bình đẳng giới, công tác quy hoạch nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã, cần chú trọng các nội dung sau: (1) phải bám sát tiêu chí, tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã và thực trạng đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã hiện nay để thực hiện quy hoạch tổng thể nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý. (2) đánh giá thực trạng nguồn nữ cán bộ cấp xã làm cơ sở cho công tác quy hoạch bảo đảm tính khoa học và có cơ sở thực tiễn vững chắc. (3) tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng quy hoạch nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã. (4) cấp ủy, chính quyền cấp huyện cần tích cực và chủ động tạo nguồn nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã đáp ứng yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài.

Ba là, Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp xã

Để đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, cấp ủy, chính quyền cấp xã cần phải nhận thức một cách đúng đắn và nhất quán: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là vấn đề quan trọng nhất trong công tác xây dựng Đảng. Cách mạng bao giờ cũng cần có đội ngũ cán bộ chủ chốt được huấn luyện, đào tạo. Muốn sự nghiệp cách mạng ngày càng phát triển, thì Đảng phải đẩy mạnh công tác giáo dục, đào tạo. Qua thực tiễn hoạt động của bản thân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”. Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta từ trước tới nay luôn coi trọng vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nhờ có đội ngũ cán bộ được huấn luyện, đào tạo, chuẩn bị tốt nên trong từng giai đoạn cách mạng, Đảng ta đã lãnh đạo Nhân dân giành được những thắng lợi có ý nghĩa to lớn.

Bốn là, Chú trọng các khâu lựa chọn, bố trí, sử dụng và đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp xã, nhất là cán bộ nữ

Việc lựa chọn, bố trí cán bộ nữ vào vị trí lãnh đạo, quản lý ở cấp xã, phải đảm bảo

các yêu cầu, như: (1) phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ và tiêu chuẩn của từng chức danh lãnh đạo, quản lý của cấp xã và quy hoạch đề bố trí, sắp xếp. (2) việc lựa chọn, bố trí, sắp xếp cán bộ nữ vào vị trí lãnh đạo, quản lý cấp xã phải đảm bảo tính kế thừa, ổn định và phát triển trong công tác cán bộ. (3) quan tâm đào tạo, bồi dưỡng; kịp thời bố trí, sử dụng nữ cán bộ vào vị trí lãnh đạo, quản lý cấp xã. Theo đó, việc bố trí, sử dụng nữ cán bộ vào cương vị lãnh đạo, quản lý ở cấp xã theo phương châm “đúng người, đúng việc”, thì trước khi bố trí, cấp ủy xã cần phải xem xét, đánh giá thật kỹ càng cán bộ theo các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể. Đặc biệt cần xem xét thái độ, trách nhiệm của cán bộ từ công việc. Phải căn cứ vào chất lượng, hiệu quả qua các công việc do chính cán bộ được giao đảm nhận, phụ trách trong thực tế để đánh giá thái độ, trách nhiệm, năng lực của cán bộ; phải xem xét kỹ chiều hướng chuyển biến về năng lực, về phương pháp làm việc của cán bộ.

Năm là, Hoàn thiện thể chế và thực hiện nghiêm các chế độ, chính sách đối với nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã

Đối với tỉnh Thanh Hóa, bên cạnh các chính sách chung của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ cấp xã, tỉnh đã ban hành các cơ chế, chính sách khá cụ thể đối với nữ cán bộ, công chức cấp xã, đặc biệt là cán bộ nữ. Tuy nhiên, bên cạnh nhiều kết quả đạt được, đến nay vẫn còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém. Nhất là công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách còn chưa thật quyết liệt. Hơn thế, việc thực hiện luân chuyển cán bộ nữ để đào tạo, bồi dưỡng trong thực tiễn chưa phù hợp, chưa có những đãi ngộ mang tính đặc thù đối với nữ cán bộ thỏa đáng. Bên cạnh đó, cơ chế chính sách về đào tạo, bồi dưỡng chưa tính tới hoàn cảnh gia đình, yếu tố đặc thù của phụ nữ... Từ đó đặt ra, phải vận dụng linh hoạt các chính sách về cán bộ cấp xã và nữ cán bộ cấp

xã của Đảng, Nhà nước để sáng tạo cụ thể hoá thành chính sách của tỉnh nhằm hướng tới mục tiêu phát triển đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã vừa đạt số lượng, vừa có chất lượng. Đáp ứng yêu cầu phát triển từ thực tiễn và vì sự phát triển của phụ nữ.

Sáu là, Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm xóa bỏ tư tưởng định kiến giới trong lĩnh vực chính trị

Thời gian tới, để việc xây dựng và phát triển đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp xã mang lại hiệu quả, cần phải tăng cường tuyên truyền, giáo dục Luật Bình đẳng giới để tạo sự thống nhất trong nhận thức, từ đó, nâng cao ý thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và cộng đồng cư dân về thực hiện bình đẳng giới. Cần mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn về giới và bình đẳng giới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các tổ chức chính trị, các đoàn thể cấp xã, trực tiếp là những cán bộ được phân công phụ trách các hoạt động liên quan đến thực hiện các quyền bình đẳng. Các tổ chức đoàn thể nhân dân cấp xã cần phối, kết hợp chặt chẽ, tạo sự thống nhất về trách nhiệm trong tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới. Kịp thời phê phán, đấu tranh với mọi biểu hiện coi thường, các hành vi xâm hại, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Đầu tư, xây dựng tủ sách nói chung, sách về bình đẳng giới ở cấp xã và nhà văn hóa thôn, bản nói riêng. Đưa nội dung giáo dục về giới trong hệ thống nhà trường trung học sơ sở và trung học phổ thông nhằm giúp thanh, thiếu niên nâng cao nhận thức về bình đẳng giới một cách cơ bản và hệ thống. Tiến hành các chiến dịch nâng cao nhận thức cho đông đảo phụ nữ xóa bỏ tâm lý tự ti, an phận, không tin tưởng ở khả năng của bản thân trong lãnh đạo, quản lý thông qua nêu gương các lãnh đạo nữ của tỉnh, của Việt Nam và thậm chí ở châu Á, nhằm lôi kéo nữ thanh niên, khuyến khích và cung cấp cho họ kiến thức, kỹ năng và tự tin để trở thành lãnh đạo./.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Người giới thiệu: Nguyễn Trần Bách Diệp

1. Kỹ năng cơ bản dành cho Đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp

Cuốn sách *Kỹ năng cơ bản dành cho đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp* do TS. Lương Trọng Thành, TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân, ThS. Nguyễn Thị Nguyệt đồng chủ biên được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tái bản vào tháng 4 năm 2021. Đây là tài liệu bổ ích đối với các đại biểu Hội đồng Nhân dân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Với độ dày 182 trang, cuốn sách được trình bày một cách khoa học, hướng dẫn một số kỹ năng hoạt động cho đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp, giúp các đại biểu Hội đồng Nhân dân nắm được những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, kỹ năng, nghiệp vụ trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của người đại biểu Nhân dân, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan dân cử.

Cuốn sách là cẩm nang về các kỹ năng của đại biểu Hội đồng nhân dân như: kỹ năng thuyết trình, thảo luận; kỹ năng chất vấn; kỹ năng tiếp công dân, giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; kỹ năng giám sát chuyên đề, giám sát thực hiện pháp luật ngân sách của Nhà nước; kỹ năng tiếp xúc cử tri; kỹ năng thu thập và xử lý thông tin; kỹ năng xây dựng kế hoạch phát triển năng lực cá nhân; kỹ năng xây dựng kế hoạch hoạt động. Đặc biệt, với một số kỹ năng cơ bản trong tiếp xúc báo chí, cuốn sách sẽ cuốn hút độc giả bởi tính thiết thực mà các đại biểu Hội đồng nhân dân đang rất mong đợi trong bối cảnh hiện nay.

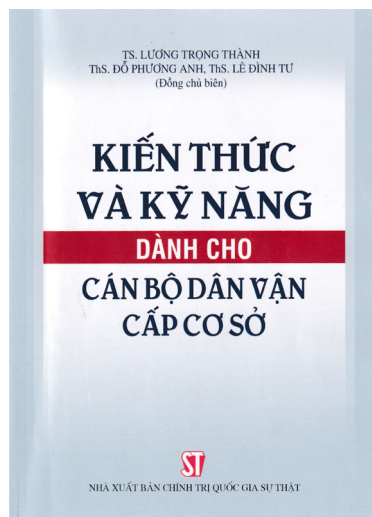
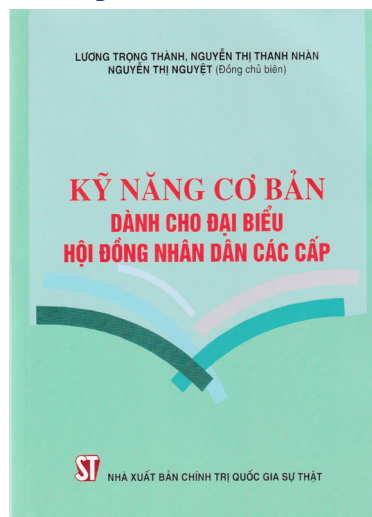
Là sản phẩm trí tuệ tập thể của lãnh đạo và cán bộ, giảng viên có kinh nghiệm của Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa, hy vọng cuốn sách sẽ đáp ứng được nhu cầu của bạn đọc, góp phần nâng cao chất lượng của các đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, đáp ứng yêu cầu của Đảng và Nhà nước.

2. Kiến thức và kỹ năng dành cho cán bộ dân vận cấp cơ sở

Cuốn sách *Kiến thức và kỹ năng dành cho cán bộ dân vận cấp cơ sở* do TS. Lương Trọng Thành, ThS. Đỗ Phương Anh, ThS. Lê Đình Tư đồng chủ biên được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản vào tháng 3 năm 2021. Cuốn sách là tài liệu phục vụ nghiên cứu cho cán bộ làm công tác dân vận nói chung và là tài liệu phục vụ giảng dạy cho học viên Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa nói riêng.

Trong cuốn sách, nhóm tác giả là cán bộ, giảng viên Nhà trường đã dày công nghiên cứu một số vấn đề lý luận về công tác dân vận như: tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận, công tác dân vận của chính quyền cơ sở,... và một số kỹ năng dân vận cơ bản dành cho cán bộ cấp cơ sở như: kỹ năng giao tiếp trong công tác dân vận; kỹ năng thu thập, xử lý thông tin của cán bộ làm công tác dân vận ở cơ sở; kỹ năng quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết; kỹ năng tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho nhân dân; kỹ năng tuyên truyền, thuyết phục,...

Với những nội dung được chất lọc từ kinh nghiệm công tác và giảng dạy, nhóm tác giả hy vọng cuốn sách sẽ là tài liệu bổ ích, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân vận cấp cơ sở.



TRANG TIN

HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

I. HỌC TẬP, QUẢN TRIỆT NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT, KẾT LUẬN, CHỈ THỊ CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Trong 2 ngày 27 và 28/3/2021, cán bộ, giảng viên Trường Chính trị tỉnh đã học tập trực tuyến Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tại Đài Phát thanh và truyền hình Thanh Hóa. Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng được toàn thể Đảng bộ Nhà trường thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả.

Hội nghị trực tuyến toàn quốc có quy mô lớn nhất từ trước đến nay, được truyền trực tiếp từ phòng họp Diên Hồng, tòa nhà Quốc hội đến các cơ sở, tổ chức trong cả nước. Tại tỉnh Thanh Hóa, hội nghị kết nối tại 448 điểm cầu từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã và các sở, ban, ngành.

Tại Hội nghị, ngày 27/3, cán bộ, giảng viên Nhà trường đã được nghe các chuyên đề sau: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát

triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021- 2025; Những nhận thức mới và tư duy mới về quốc phòng Việt Nam; Những nhận thức mới và tư duy mới về an ninh quốc gia.

Sau phần bế mạc Hội nghị, cán bộ, giảng viên Nhà trường đã được nghe quán triệt Kế hoạch số 11-KH/TU, ngày 25/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa; Chỉ thị số 01-CT/TW, ngày 9/3/2021 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 11-KH/TU ngày 25/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Sự kiện Hội nghị trực tuyến toàn quốc có ý nghĩa mở đầu cho đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta để mỗi cán bộ, đảng viên đều nắm vững và thực hiện đúng đắn Nghị quyết của Đảng, tạo sự chuyển biến về nhận thức, thống nhất ý chí và hành động, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Đối với Trường Chính trị tỉnh, việc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là nhiệm vụ hết sức quan trọng, có ý

nghĩa đặc biệt trong công tác giảng dạy của mỗi cán bộ, giảng viên Nhà trường

II. THAM GIA HỘI THI GIẢNG VIÊN DẠY GIỎI TOÀN QUỐC

Trong các ngày từ 14-16/4/2021 Hội thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trường cán bộ của các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương lần thứ VII - khu vực phía Bắc đã được tổ chức vào tại tỉnh Bắc Ninh. Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa rất vinh dự và tự hào có 02 giảng viên đạt danh hiệu “Giảng viên xuất sắc” là đồng chí Nguyễn Xuân Anh và Nguyễn Thị Yên; đồng chí Vương Mạnh Toàn đạt danh hiệu “Giảng viên dạy giỏi”.

Tham dự Hội thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khu vực phía Bắc có 75 giảng viên, gồm: 66 thí sinh của 31 trường chính trị; 09 thí sinh của 09 trường bộ, ngành.

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương đánh giá cao sự chuẩn bị chu đáo, tích cực tham gia Hội thi của các trường chính trị, trường cán bộ của bộ, ngành, đoàn thể; biểu dương các giảng viên dự thi về cơ bản có kiến thức, phương pháp giảng dạy tốt, có thái độ cầu thị, đã kịp thời cập nhật, vận dụng các nội dung của Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII vào bài giảng... Đồng thời, đồng chí đề nghị các giảng viên cần tiếp tục phấn đấu, trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ

để hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao, tạo sức lan toả mạnh mẽ đối với đồng nghiệp và học viên. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng cũng thay mặt lãnh đạo Học viện, gửi lời cảm ơn Tỉnh uỷ Bắc Ninh, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, các đơn vị có liên quan của tỉnh đã phối hợp với Học viện, chuẩn bị những điều kiện tốt nhất, góp phần tạo nên sự thành công tốt đẹp cho Hội thi.

Kết quả Hội thi, có 72/75 giảng viên đạt danh hiệu “Giảng viên dạy giỏi”, trong đó có 20 đồng chí đạt danh hiệu “Giảng viên xuất sắc”. Hội thi đã góp phần thúc đẩy phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt” để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới ở các địa phương và trong cả nước.

III. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

Trong quý 01 và nửa đầu quý 02/2021, Nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các lớp TCELLCT - HC tập trung, không tập trung tại Trường và các lớp không tập trung tại huyện đảm bảo kế hoạch đề ra. Nhờ thực hiện tốt công tác phối hợp với Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Nhà trường đã tiến hành mở 11 lớp TCELLCT – HC không tập trung, trong đó có 09 lớp tại huyện, 02 lớp tại trường; mở 01 lớp chuyên viên, 01 lớp chuyên viên chính trong kế hoạch và 1 lớp ngoài kế hoạch; khai giảng lớp Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng ngành Tòa án, năm 2021. Đồng thời, tổ chức Bế giảng và

trao bằng TN cho các lớp TCLLCT – HC B24, B25, khóa học 2019 – 2020. Theo đó, 2 lớp có 145/145 học viên đậu tốt nghiệp. Từ kết quả học tập, rèn luyện, Nhà trường đã xét công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính cho 145 học viên; khen thưởng cho 14 học viên của 2 lớp. Lớp B24 có 74 học viên; trong đó có 18 học viên đạt loại Giỏi, 56 học viên đạt loại Khá và 07 học viên được khen thưởng. Lớp B25 có 71 học viên; trong đó có 18 học viên đạt loại Giỏi; 53 học viên đạt loại Khá và có 07 học viên được Nhà trường khen thưởng.

IV. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, NGHIÊN CỨU THỰC TẾ

Trong quý 01/2021, Nhà trường đã bảo vệ xuất sắc 02 đề tài khoa học cấp tỉnh (1. “Nghiên cứu giải pháp phát triển đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hiện nay” do ThS. Đỗ Phương Anh, Phó trưởng Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học làm chủ nhiệm đề tài. 2. “Nâng cao đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay” do TS. Lê Văn Phong, Trưởng Khoa Xây dựng Đảng làm chủ nhiệm đề tài). Sản phẩm 02 đề tài đã được Hội đồng khoa học tỉnh đánh giá cao về giá trị khoa học, thực tiễn và tính ứng dụng trong việc nâng cao năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã ở Thanh Hóa hiện nay (trong đó có đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã).

Tháng 3 năm 2021, Nhà trường đã phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc

gia Sự thật biên soạn, xuất bản cuốn sách ***Kiến thức và kỹ năng dành cho cán bộ dân vận cấp cơ sở*** do TS. Lương Trọng Thành, ThS. Đỗ Phương Anh, ThS. Lê Đình Tư đồng chủ biên. Cuốn sách là tài liệu phục vụ nghiên cứu cho cán bộ làm công tác dân vận nói chung và là tài liệu phục vụ giảng dạy cho học viên Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa nói riêng.

Tháng 4 năm 2021, Nhà trường tiếp tục phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tái bản cuốn sách ***Kỹ năng cơ bản dành cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp*** do TS. Lương Trọng Thành, TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân, ThS. Nguyễn Thị Nguyệt đồng chủ biên. Đây là tài liệu bổ ích góp phần phục vụ công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Bên cạnh đó, trong tháng 04/2021, Khoa Xây dựng Đảng và Khoa Lý luận cơ sở đã tổ chức tọa đàm khoa học nhằm nghiên cứu, trao đổi, vận dụng các quan điểm mới, nội dung Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX vào giảng dạy lý luận chính trị hiện nay.

Đối với công tác nghiên cứu thực tế, theo kế hoạch, ngày 02/4/2021, Đoàn nghiên cứu thực tế của Trường Chính trị tỉnh do TS. Thịnh Văn Khoa, Phó Hiệu trưởng làm Trưởng đoàn đã tổ chức chuyến đi tìm hiểu mô hình xây dựng, phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn 2 huyện Hậu Lộc và Hoằng Hóa.

Trong chuyến nghiên cứu, đoàn đã được nghe báo cáo tình hình xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn 2 huyện; đi thăm 2 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm OCOP là Công ty TNHH chế biến hải sản Hòa Hải, Hòa Lộc tại huyện Hoằng Hóa; và Công ty TNHH sản xuất và thương mại Yến sào xứ Thanh tại huyện Hậu Lộc. Buổi chiều, đoàn thăm quan Công ty TNHH Khuê Các và Công ty TNHH Thực phẩm &TMDV Lê Gia (Công ty có hai sản phẩm đạt chuẩn OCOP 5 sao). Chuyến đi nghiên cứu thực tế đã thực hiện được mục tiêu đề ra, trang bị cho giảng viên những kiến thức thực tiễn phong phú để thực hiện biên soạn tài liệu cho Chuyên đề ***“Kinh nghiệm và kỹ năng xây dựng mô hình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hiện nay”*** trong chương trình các lớp Bồi dưỡng năm 2021.

Thực hiện Kế hoạch đào tạo toàn khóa, ngày 13/4/2021, lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính không tập trung huyện Nông Cống, khóa học 2020-2021 đi nghiên cứu thực tế tại xã Tế Lợi, huyện Nông Cống. Đồng chí Trần Thị Ngọc Diệp - Phó Hiệu trưởng làm Trưởng đoàn nghiên cứu. Trong chuyến đi nghiên cứu thực tế, đoàn đã được nghe báo cáo của lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tế Lợi về tình hình phát triển kinh tế - xã hội; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương; kết quả xây dựng nông thôn mới; tình hình tôn giáo, tín ngưỡng; việc bố trí, sử dụng, sắp xếp cán bộ sau khi được cử đi đào tạo, bồi

dưỡng chính trị. Cũng trong chương trình nghiên cứu thực tế, tập thể lớp đã viếng và tri ân các anh hùng, liệt sỹ tại Nghĩa trang liệt sỹ xã Tế Lợi. Đại diện lớp đã tặng 05 xuất quà cho 05 em học sinh trong xã có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập. Lớp còn được trực tiếp tham quan mô hình trồng rau thủy canh của các hộ gia đình tiêu biểu trên địa bàn xã tại thôn Hữu Càn .

Trong 2 ngày 24 và 25/4/2021, lớp Trung cấp LLCT-HC không tập trung B30, khóa học 2020 - 2021 đã tổ chức đi nghiên cứu thực tế tại tỉnh Vĩnh Phúc. Đồng chí Thịnh Văn Khoa, Phó Hiệu trưởng Nhà trường làm trưởng đoàn nghiên cứu. Theo lịch trình, đoàn nghiên cứu thực tế đến UBND xã Tam Phúc, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Chuyến nghiên cứu thực tế của lớp B30 đã đạt được mục đích đề ra là nâng cao kiến thức thực tiễn cho học viên, bảo đảm thực hiện tốt phương châm “gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành”; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên trong quá trình học tập và công tác. Bên cạnh đó, chuyến đi đã để lại trong mỗi học viên sự trải nghiệm thú vị, tạo sự đoàn kết gắn bó và học tập những bài học kinh nghiệm để vận dụng vào thực tiễn công tác, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX và hiện thực hóa lời căn dặn của Bác Hồ “Thanh hóa phải trở nên một tỉnh kiểu mẫu”.

Trong 2 ngày 16 và 17/4/2021, lớp Trung cấp LLCT-HC không tập trung ngành

Nước, khóa học 2020 - 2021 đã tổ chức đi nghiên cứu thực tế tại tỉnh Hà Tĩnh. Tham gia đoàn nghiên cứu thực tế có các đồng chí: Tạ Văn Hưng - Phó Trưởng khoa Lý luận cơ sở; Lê Sỹ Len - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP cấp nước Thanh Hóa; Trịnh Thị Phượng - Chủ nhiệm lớp; các đồng chí đại diện lãnh đạo các Khoa, Phòng; và 69 học viên. Theo lịch trình, đoàn thăm quan Khu di tích lịch sử quốc gia Ngã ba Đồng Lộc ở huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Đoàn đã dâng hương tại Nhà bia tưởng niệm thanh niên xung phong toàn quốc và viếng mộ 10 nữ Anh hùng liệt sỹ thanh niên xung phong. Tiếp đó, tại Công ty CP cấp nước tỉnh Hà Tĩnh, đoàn nghiên cứu thực tế được nghe đồng chí Phó Giám đốc báo cáo về tình hình phát triển của Công ty trong những năm qua; đặc biệt, đoàn được nghe lãnh đạo công ty chia sẻ những kinh nghiệm về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức; kinh nghiệm xây dựng quy chế, tổ chức bộ máy, quy định về chuẩn mực đạo đức cho cán bộ, viên chức của công ty. Cũng trong chuyến đi, đoàn đã có dịp thăm quan Hồ Kẻ Gỗ, Chùa Hương tích và Đền Chung Sơn, nơi thờ cúng gia tiên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chuyến nghiên cứu thực tế của lớp Trung cấp LLCT-HC không tập trung, ngành nước đã thành công tốt đẹp, để lại nhiều bài học và kỷ niệm trong lòng mỗi người tham gia.

V. HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ

Sáng ngày 25/3/2020, BCH Hội Khuyến học Trường Chính trị tỉnh Thanh

Hóa tổ chức cuộc họp bàn về công tác của Hội. Đồng chí Thịnh Văn Khoa, Chủ tịch Hội khuyến học Nhà trường chủ trì cuộc họp. Hội Khuyến học Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa là tổ chức xã hội tự nguyện của những người có tâm huyết với sự nghiệp “trồng người”, tích cực tham gia công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, theo Điều lệ Hội Khuyến học tỉnh Thanh Hoá và chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Trường Chính trị tỉnh và Ban Thường vụ Hội Khuyến học khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh. Tại cuộc họp, các thành viên BCH Hội đã sôi nổi đóng góp ý kiến về gây quỹ Hội; các chế độ và cách thức khuyến khích cán bộ, giảng viên, học viên và con cán bộ, viên chức Nhà trường tích cực học tập, nâng cao trình độ, phát triển tài năng. Theo sự phân công của đồng chí Chủ tịch, Hội sẽ sớm hoàn thiện Quy chế hoạt động và quỹ Hội; các thành viên được phân công hoạt động theo 3 tổ với các nhiệm vụ cụ thể.

Trong tháng Thanh niên năm 2021, Đoàn trường Chính trị tỉnh đã tổ chức chuỗi hoạt động ý nghĩa và được sự tham gia hưởng ứng nhiệt tình của học viên. Ngày 20/3/2021, được sự đồng ý của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, dưới sự hướng dẫn của BCH Đoàn trường cùng giáo viên chủ nhiệm các lớp, Chi đoàn học viên các lớp Trung cấp LLCT-HC K48 khởi công xây dựng bồn hoa hồng tại giảng đường. Đây

là “Công trình thanh niên” ghi dấu ấn của học viên K48 tại Nhà trường. Sáng ngày 26/3/2021, trong không khí hân hoan và tự hào, đoàn viên thanh niên K48 bắt đầu trồng những cây hoa hồng trong bồn hoa mới được xây dựng. Ánh mắt và nụ cười trên gương mặt học viên, đoàn viên thể hiện rõ niềm hạnh phúc khi được đóng góp công sức của mình chung xây “môi trường đáng sống, sự nghiệp đáng yêu” tại ngôi trường chính trị.

Thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, ngày 16/3/2021, lớp học nhảy Dance sports ngoài giờ học được khai giảng trong niềm vui và háo hức của chi đoàn các lớp. Việc luyện tập nhảy theo nhạc giúp các đoàn viên có khoảng thời gian thư giãn sau giờ học, tạo hứng khởi để tiếp tục học tập, làm việc và cống hiến nhiều hơn nữa. Bên cạnh đó, Chi đoàn các lớp cũng rất quan tâm tổ chức các hoạt động thiện nguyện, thể hiện tinh thần “tương thân, tương ái” của học viên Trường Chính trị tỉnh. Tiêu biểu như Chi đoàn Lớp Trung cấp LLCT-HC A5 K48 đã phối hợp với Đoàn Thanh niên xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương tổ chức hoạt động thiện nguyện ủng hộ “Ngôi nhà khăn quàng đỏ”. Đây là chương trình do Tỉnh đoàn Thanh Hóa khởi xướng và triển khai trong những năm qua, để lại nhiều dấu ấn đậm nét về tinh thần tương thân tương ái, giúp hàng chục đội viên là học sinh ưu tú có thành tích xuất sắc trong học tập nhưng hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được hỗ trợ xây dựng nhà mới, thay thế nhà cũ tạm bợ, dột nát, qua

đó phần nào giúp các em có thêm động lực, yên tâm cắp sách tới trường. Chi đoàn lớp TCLLCT-HC A5 K48 đã trao quà ủng hộ 5 triệu đồng cho em Nguyễn Hữu Vinh, là học sinh học giỏi, nhiệt tình tham gia công tác Đội nhưng có hoàn cảnh vô cùng khó khăn (bố mất vì bệnh hiểm nghèo, hiện mẹ cũng đang mắc bệnh hiểm nghèo). Số tiền ủng hộ của Chi đoàn lớp A5K48 góp phần nhỏ bé để cùng với chính quyền xã xây dựng “Ngôi nhà khăn quàng đỏ” cho mẹ con em Vinh. Ngoài ra, cuối buổi chiều cùng ngày, Chi đoàn lớp A5K 48 tổ chức hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao và giao lưu ẩm thực ngay tại bờ biển xã.

Chuỗi hoạt động kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của Đoàn trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa khép lại với nhiều niềm vui, niềm tự hào, khơi dậy nhiệt huyết của tuổi trẻ học tập, lao động và cống hiến, góp phần xây dựng quê hương Thanh Hóa ngày càng giàu đẹp./.

Nguyễn Trần Bách Diệp

